

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / SORTIE UNE FOIS TOUS LES DEUX MOIS

SỐ N. 04 10/ 2001

Giả tạ tứ đại dĩ vi thân
Tâm bốn vô sinh nhân cảnh hữu
Tiền cảnh nhược vô tâm diệt vô
Tội phước như huyễn khởi diệt diệt.

*Giả mượn bốn đại dùng làm thân
Tâm vốn không sinh do cảnh có
Nếu cảnh trước không tâm cũng không
Tội phước như huyễn khởi cũng diệt.*

Đức Phật Tỳ Xá Phù

"Nous Prenons les quatre éléments pour notre corps.
L'esprit est essentiellement non-né,
Il existe seulement grâce aux états.
Si les états devant nous n'existent pas,
L'esprit n'existera pas non plus.
Les offenses et les bénédictions sont comme des illusoires
Qui se soulèvent et se fanent !"

Le Bouddha Vishvabhu

Các Bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette Propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la bonne voie du Bouddha.

<p>□ <i>Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma</i> phát hành mỗi kỳ hai tháng / <i>Sortie une fois tous les deux mois.</i></p> <p>□ <i>Chủ Nhiệm / Directeur de publication :</i> Thích Minh Định.</p> <p>□ <i>Les correcteurs les Sutras en français :</i> Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiêm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.</p> <p>□ <i>Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban biên dịch Chùa Kim Quang.</i></p> <p>□ <i>Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</i></p> <p>□ <i>Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</i></p> <p>□ <i>La revue Bouddhadharma sont publiés les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.</i></p> <p>□ <i>Mọi sự phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</i></p> <p>□ <i>Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :</i> <i>Chùa Kim Quang</i> <i>8 B rue Fontaine</i> <i>93000 Bobigny - France</i> <i>Tel./fax : 01.48.50.98.66</i></p>	<p>□ Kinh Hoa Nghiêm 3</p> <p>□ Kinh Pháp Hoa 5</p> <p>□ Những Lời Pháp Của H.T . . . 7</p> <p>□ Chú Lăng Nghiêm 8</p> <p>□ Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất 10</p> <p>□ Chú Đại Bi 11</p> <p>□ Phật Tổ Truyền Đăng 16</p> <p>□ Pháp Giới Của Bồ Tát 17</p> <p>□ Đại Trí Độ Luận 19</p> <p>□ Niệm Phật Có Thể Khiến Cho . . . 21</p> <p>□ Kỷ Niệm Ngày Bồ Tát Quán Thế Âm . . . 22</p> <p>□ Thiền Thu Thập Nhân Tâm 23</p> <p>□ Làm Sao Cứu Vãn Nền Giáo Dục . . . 24</p> <p>□ Cây Chướng Ngàn Năm Xin Quy Y 25</p> <p>□ Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</p> <p>□ Le Sutra Shurangama 29</p> <p>□ Le Mantra Shurangama 32</p> <p>□ Le Sutra Du Vajra Prajna Paramita 34</p> <p>□ Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 36</p> <p>□ Le Verset Sur La Transmission . . . 38</p> <p>□ Chant De L'Illumination 39</p> <p>□ Le Monde Du Dharma . . . 42</p> <p>□ Quand Le Commencement . . . 45</p> <p>□ Les Termes Bouddhistes 47</p> <p>□ Le Souvenir De La Vie Du Vén. . . 48</p> <p>□ Un Voyage Dans Le Ciel 50</p> <p>□ L'histoire Du Bouddha 51</p>
--	--

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

CHÂU MA NI DỪNG LÀM TRĂNG, THƯỜNG PHÓNG QUANG MINH, LUÔN VANG RA ÂM THANH VI DIỆU, CÁC MÀN LƯỚI BÁU CÓ HƯƠNG THƠM, HOA ĐẸP, CHUỐI ANH LẠC VI DIỆU GIĂNG BỬA KHẮP NƠI.

Dùng ma ni báu làm thành trăng, long, vì dùng ma ni báu kiến tạo, cho nên tại mỗi châu ma ni đều phóng ra ánh sáng, không những phóng ra vô lượng ánh sáng mà còn có vô lượng âm thanh vi diệu. Ánh sáng đó siêu hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Thứ âm thanh vi diệu đó siêu hơn tất cả âm nhạc ở nhân gian và trên trời. Do rất nhiều thứ báu chế thành màn lưới la võng để trang nghiêm bờ đề đạo tràng. Lưới la võng báu này có hương thơm vi diệu, hoa vi diệu, chuối anh lạc vi diệu, giăng bủa khắp chung quanh đạo tràng, khiến cho tất cả chúng sinh ngủi được thứ hương này, thấy được thứ hoa này và thứ chuối anh lạc này đều gieo xuống hạt giống bờ đề, tương lai sẽ thành Phật quả.

CHÂU MA NI VƯƠNG BÁU BIẾN HIỆN TỰ TẠI, MƯA XUỐNG CHÂU BÁU VÔ TẬN VÀ CÁC THỦ HOA VI DIỆU RẢI KHẮP MẶT ĐẤT.

Ở trong các màn lưới báu có châu ma ni vương báu, nghĩ cái gì thì có cái đó, toại tâm như ý, cho nên biến hiện tự tại, lại mưa xuống châu báu vô tận và các thứ hoa xinh đẹp, rải khắp mặt đất chung quanh đạo tràng.

CÁC CÂY BÁU THẲNG HÀNG, CÀNH LÁ SUM SÊ TƯƠI TỐT.

Các cây báu do các thứ báu làm thành, có thứ tự từng hàng từng hàng, từ bốn phía nhìn lại đều thẳng tắp. Các thứ cây báu đó dùng vàng làm thân cây, dùng mã não làm cành, dùng chuối anh lạc làm lá. Màu sắc các thứ báu có ngàn vạn thứ.

Cành lá các cây báu đó không những phóng ra ánh sáng mà còn rất rực rỡ sum sê tươi tốt.

DO THẦN LỰC CỦA ĐỨC PHẬT, KHIẾN CHO ĐẠO TRĂNG TẤT CẢ ĐỀU TRANG NGHIÊM ẢNH HIỆN.

Cảnh giới đó là do thần thông oai lực của Đức Phật mà có được. Thần thông oai lực của Đức Phật do từ đâu mà có ? Nhiều thứ lưới báu, nhiều châu ma ni vương, nhiều cây báu .v.v., đó đều là do Đức Phật tại nhân địa nghiêm trì giới luật, to hào cũng không phạm giới.

Giới sát sinh : Không những tay không giết hại mà tâm cũng không sinh tâm niệm giết hại, từ bi thương xót tất cả chúng sinh.

Không trộm cắp : Không những thân không trộm cắp mà tâm cũng không khởi ý niệm trộm cắp, nghiêm hành tu trì giới luật.

Giới dâm : Cũng lại như thế, càng không khởi ý niệm dâm dục, đời này tuy kết hôn, song le chỉ trên danh nghĩa mà thôi.

Giới nói dối : Thấy thì nói thấy, không thấy nói không thấy, biết thì nói biết, cũng không sinh ý niệm nói dối.

Giới rượu : Phàm là chất có sự kích thích đều không uống, không riêng gì rượu.

Đức Phật giữ năm giới căn bản này, cho nên mới có sự thần thông oai lực như thế, dùng các thứ báu để trang nghiêm đạo tràng. Công đức của Phật viên mãn, mới có thần thông oai lực làm cho đạo tràng trang nghiêm long trọng. Ở trong đạo tràng này ảnh hiện ra cảnh giới không thể nghĩ bàn này.

CÂY BỜ ĐỀ CAO LỚN HIỂN HIỆN LA THƯỜNG.

Vì Đức Phật thành Phật dưới cội bờ đề này, cho nên cây bờ đề này cũng biến thành cao lớn,

chẳng giống những cây bồ đề khác, cho nên nói cao lớn hiển hiện lạ thường.

THÂN CÂY BẰNG KIM CANG, GỐC BẰNG LƯU LY, CÁC THỨ BÁU VI DIỆU XEN TẠP DÙNG LÀM CÀNH LÁ. CÁC LÁ BÁU CHEN NHAU PHỦ CHE NHƯ MÂY.

Thân cây bồ đề đó do kim cang làm thành, lưu ly báu làm gốc cây bồ đề. Lại dùng rất nhiều thứ báu vi diệu làm cành lá, giữa lá và lá chen nhau, cành cây thông rữ xuống, lá cây che rợp, giống như lọng bằng mây che trong hư không.

CÓ CÁC HOA BÁU NHIỀU MÀU, TRỞ RA CÁC CÀNH BÀY ẢNH LA LIỆT. LẠI DÙNG CHÂU MA NI LÀM QUẢ, ĐỀU CHÓI SÁNG RỰC RỠ NHƯ LỬA NGỌN XEN LẤN TRONG HOA.

Hoa báu có trăm ngàn thứ màu sắc, trở ra các cành bày ảnh la liệt rất nghiêm đẹp. Lại dùng châu ma ni làm quả bồ đề. Quả này đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu soi. Ánh sáng rực rỡ như lửa ngọn đều xen lẫn trong hoa.

KHẮP CHUNG QUANH CÂY BỒ ĐỀ ĐỀU PHÓNG QUANG MINH, Ở TRONG QUANG MINH MƯA CHÂU MA NI BÁU, TRONG MA NI BÁU CÓ CÁC BỒ TÁT ĐÔNG NHIỀU NHƯ MÂY, ĐỒNG THỜI XUẤT HIỆN.

Khắp ba bên bốn phía cây bồ đề này đều phóng ra ánh sáng của Phật, ở trong ánh sáng lại mưa châu ma ni báu, trong châu ma ni báu lại có rất nhiều Bồ Tát, đông nhiều như mây, đồng thời cùng nhau xuất hiện.

LẠI NHỜ THẦN THÔNG OAI LỰC CỦA NHƯ LAI MÀ CÂY BỒ ĐỀ LUÔN VANG RA ÂM THANH VI DIỆU, DIỄN NÓI CÁC PHÁP KHÔNG CÙNG TẬN.

Cảnh giới này có đủ thứ quang minh, đủ thứ ánh sáng, đủ thứ hoa, đủ thứ màu sắc, phối hợp với nhau làm thành đạo tràng trang nghiêm tốt đẹp mỹ lệ, khiến cho đạo tràng thù thắng. Đó là do đại oai thần lực của Đức Phật. Cây bồ đề này không những cao hiển lạ thường mà còn phát ra âm thanh

hay vi diệu, khiến cho người nghe đều đắc được đủ loại tam muội. Cây bồ đề này luôn luôn phát ra âm thanh hay vi diệu, trong âm thanh vi diệu đó lại nói đủ thứ các pháp, không khi nào hết được, tức cũng là không khi nào nói hết được, luôn luôn đều nói, thời khắc đều nói, suốt thuở vị lai đều nói pháp không gián đoạn.

CHỖ CỦA NHƯ LAI NGỒI LÀ CUNG ĐIỆN LẦU CÁC, RỘNG LỚN TRANG NGHIÊM MỸ LỆ ĐẦY KHẮP MƯỜI PHƯƠNG.

Vì Phật thành chánh giác dưới cội bồ đề, cho nên gọi là Như Lai, là một trong mười hiệu của Phật. Những gì là mười hiệu : 1. Như Lai. 2. Ứng Cúng. 3. Chánh Biến Tri. 4. Minh Hạnh Túc. 5. Thiện Thệ Thế Gian Giải. 6. Vô Thượng Sĩ. 7. Điều Ngự Trượng Phu. 8. Thiên Nhân Sư. 9. Phật. 10. Thế Tôn. Khi nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này thì Đức Như Lai hiện thân Lô Xá Na cao ngàn trượng, cho nên cung điện đương nhiên phải cao ba ngàn trượng. Cảnh giới này là do đại oai thần lực của Như Lai biến hoá hiện ra. Cung điện lầu các này rất rộng lớn phi thường, vừa trang nghiêm vừa mỹ lệ, không những đầy khắp một phương mà đầy khắp mười phương.

DÙNG CÁC MÀU SẮC CHÂU MA NI TẠO THÀNH. ĐỦ LOẠI HOA BÁU DÙNG ĐỂ TRANG NGHIÊM.

Toà cung điện lầu các này dùng rất nhiều các màu sắc châu ma ni báu làm thành, dùng đủ loại hoa báu để trang nghiêm toà cung điện này. Sau khi Đức Phật thành đạo rồi, dùng đại oai thần lực để trang nghiêm đạo tràng, hiện thân Lô Xá Na ngàn trượng để diễn nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh này. Một số phàm phu tục tử nghe rồi cảm thấy sự trang nghiêm đạo tràng này có vẻ chẳng có gì quang trọng. Thật tế thì sự trang nghiêm này là biểu pháp. Biểu thị Phật lúc tại nhân địa tu đủ thứ hạnh môn, thực hành đủ thứ sự khổ hạnh khó làm. Bây giờ thành Phật mới có đủ thứ sự trang nghiêm này.

(Còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

(Tiếp theo kỳ trước)

Gải thích tên "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" thì chữ thứ nhất là diệu. Chữ diệu quá rộng lớn, nói ngang nói dọc, nói xuôi nói ngược cũng đều diệu. Pháp của Đức Phật nói đều là diệu pháp, diệu pháp bao hàm tất cả, cho đến ba tạng mười hai bộ đều bao quát ở trong diệu pháp.

Ba tạng là tạng Kinh, tạng luật và tạng luận. Tạng Kinh là nói về định học, tạng luật là nói về giới học, tạng luận là nói về huệ học. Kinh luật luận bao hàm đạo lý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, mà công đức ở trong giới định huệ cũng vô cùng vô tận. Tức nhiên Kinh luật luận là diệu pháp thì giới định huệ cũng là diệu pháp. Về giới định huệ các bạn đã nghe qua rất nhiều, vậy thử hỏi cứu kính làm được tới đâu rồi ? Chúng ta nghe Phật pháp, không những phải minh bạch mà còn phải y theo pháp tu hành thì mới thật sự có sở đắc. Biết mà chẳng tu hành thì cũng như không biết. Tại sao ? Vì đó cũng như biết thức ăn là ngon, nhưng phải ăn thì mới thật sự thọ dụng. Phật pháp cũng như thế, biết một chút thực hành một chút thì đó mới là người thực hành. Nếu biết mà không thực hành thì đối với bạn, đối với Phật pháp chẳng có ích gì, giống như người bằng đá không khác, hình dáng tuy là người mà chẳng nói được, chẳng đi được.

Diệu gồm có tâm pháp diệu, chúng sinh diệu và phật pháp diệu. Phân ra mà nói thì có ba, hợp lại thì chỉ có một. Dù phân ra hoặc hợp lại để giảng đều là diệu pháp. Cả ba là diệu pháp, một cũng là diệu pháp.

Ba tạng mười hai bộ. Ba tạng là Kinh luật luận, bao quát giới định huệ ba học vô lậu. Mười hai bộ Kinh là : 1. Khế Kinh. 2. Trùng tụng. 3. Phúng tụng. 4. Nhân duyên. 5. Bản sự. 6. Bản sinh. 7. Vị tăng hữu. 8. Ví dụ. 9. Luận nghị. 10. Tự thuyết. 11. Phương quảng. 12. Thọ ký. Tuy mười hai bộ Kinh ý nghĩa thâm sâu, nhưng chủ yếu là nhớ và hiểu rõ nghĩa lý của Phật. Phật pháp không nhất định chú trọng về học vấn mà chú trọng về chân thật hành trì. Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, chẳng biết chữ, thế mà

Ngài giảng Kinh thuyết pháp. Vì Ngài chẳng biết chữ, khi giảng Kinh thì nhờ họ đọc Kinh văn, họ đọc

một câu thì Ngài giảng một câu. Pháp của Ngài giảng rất hợp với ý của Phật, hợp với Phật pháp. Lục Tổ tuy không biết chữ mà giảng Kinh thuyết pháp, là vì Ngài đắc được tâm ấn của Phật, của Tổ, diệu pháp dùng tâm ấn tâm ; cho nên pháp của Ngài nói đều là diệu pháp. Lục Tổ đắc được tâm pháp của Ngũ Tổ, y bát của Ngũ Tổ được truyền cho Ngài ; Ngài ở với đám thợ săn mười lăm năm, trong đoạn thời gian đó Ngài dụng công tu hành, khai mở đại trí huệ. Chúng ta người tu đạo nên nhớ đừng muốn mau, người xưa có nói : "Đừng muốn mau, muốn mau tất không thành". Dụng công tu hành cũng giống như bắn cung, căng quá thì đứt, chùng quá thì lỏng lẻo, đừng căng đừng chùng mới thành công. Do đó có câu : "Tiến nhanh thì lùi cũng mau". Ở Trung Quốc có con phù du, con phù du này sáng sớm sinh ra, chiều tối thì chết đi, sinh ra nhanh mà chết cũng sớm. Do đó chúng ta người tu đạo phải lão thật dụng công, ngàn vạn đừng đi đường tắt nhỏ của bàng môn tả đạo để mong thành tựu cho nhanh, trên thật tế thì chẳng đạt được mục đích. Chúng ta phải y chiếu theo con đường lớn lục độ vạn hạnh mà tu hành, đây mới là diệu pháp. Trung đạo tức là diệu pháp, lìa xa trung đạo thì chẳng phải là diệu pháp.

Vào đời nhà Hán có hai người, một tên là Viên Án, một tên là Triều Thố. Hai người đều làm quan trong triều đình. Viên Án dùng phương pháp giết hại Triều Thố. Về sau Viên Án bèn xuất gia làm hoà thượng. Nhân vì ông ta thường thấy quý, luôn luôn thấy hồn quý Triều Thố muốn đến giết ông ta. Ban ngày cũng như ban đêm đều như thế, khiến cho ông ta cảm thấy mình đã làm việc sai lầm, cho nên sám hối đi xuất gia. Sau khi ông ta xuất gia rồi thì chẳng còn thấy hồn quý nữa, mới quyết tâm dụng công tu hành. Vì một niệm sai lầm giết người mà xuất gia, cho nên ông ta hy vọng đời sau cũng muốn làm hoà thượng, chứ chẳng muốn làm quan. Quả nhiên đời thứ hai ông ta trở thành một đại Pháp Sư đi hoàng pháp khắp nơi, là một vị khổ tu hành, chẳng tham danh lợi dưỡng. Đời này ông ta cũng chẳng thấy hồn

quý của Triều Thố. Trải qua mười đời như vậy, vì ông ta khổ công tu hành có chút đạo đức, cho nên mỗi đời thân phận càng cao. Đến đời thứ mười một thì ông ta làm quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế thưởng cho ông ta chiếc ghế làm bằng trầm hương (Đương thời trầm hương ở Trung Quốc là một thứ gỗ quý trọng nhất, chỉ có vua mới ngồi ghế làm bằng gỗ này). Khi quốc sư ngồi trên ghế đó thì tinh thần cảm thấy quá sung sướng, ông ta nghĩ : "Hiện tại trên đời Pháp Sư tôn quý được ngồi trên ghế này chẳng có mấy vị, đây thật là tốt biết bao!"

Khi ông ta sinh một tâm niệm cống cao cho rằng hiện nay chỉ có mình ta tôn quý trong thiên hạ, liền lúc đó oan hồn của Triều Thố mười đời về trước chưa siêu thoát, nay đến tìm ông ta, đột nhiên trên đầu gối ông ta nổi lên mụn ghẻ mặt người, có miệng, mũi và biết nói, luôn luôn nói với ông ta : "Ông đừng nghĩ tìm cách trốn tôi nữa, tôi đã theo ông mười đời, ông chưa đền mạng cho tôi". Quốc sư Ngô Đạt mắc phải bệnh mụn nhọt này ngày đêm la đau, thật khó mà chịu đựng được, dù tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm và tụng Kinh cũng chẳng tiêu tội được, vì ông ta nghiệp quá nặng. Đó là do ông ta sinh một tâm niệm cống cao ngã mạn, cho nên thần hộ pháp cũng xa lìa, không bảo hộ nữa. Khi đó ông ta nhớ đến Tôn Giả Ca Nặc Ca, ông ta đã từng hầu hạ Tôn Giả. Đương thời Tôn Giả toàn thân bị bệnh ghẻ chảy máu chảy mủ lại có mùi hôi thối. Quốc Sư Ngô Đạt vẫn hầu hạ Tôn Giả hết mình, rửa ráy, thuốc thang phục dịch mọi việc, khiến cho Tôn Giả lành bệnh. Kỳ thật Tôn Giả Ca Nặc Ca chẳng phải thật có bệnh, Ngài thị hiện để độ quốc sư Ngô Đạt. Quả nhiên quốc sư đối tốt với Tôn Giả. Sau khi Tôn Giả lành bệnh mới nói với quốc sư : "Khi ông có nạn thì đến núi Trà Sơn ở Tứ Xuyên tìm ta, ta sẽ có biện pháp giải quyết". Lúc đó quốc sư Ngô Đạt bị mụn ghẻ mặt người chẳng cách chi trị được, bèn nhớ đến đi tìm Tôn Giả Ca Nặc Ca. Tôn Giả dùng nước tam muội tắm cho ông ta thì mụn ghẻ mặt người lành khỏi. Cho nên người tu đạo bất cứ như thế nào cũng đừng sinh tâm cống cao ngã mạn.

Ở trên đã giảng đại khái về ý nghĩa tâm pháp diệu. Bây giờ giảng về chúng sinh pháp diệu. Chúng sinh là gì ? Chúng sinh là các nhân duyên hoà hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh. Chúng sinh phân làm mười hai loài : Noãn sinh (sinh bằng trứng), thai sinh (sinh bằng thai), thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt), hoá sinh (biến hoá sinh ra), hữu sắc (loài có sắc), vô sắc (loài không có sắc), hữu tướng (loài có

tư tướng), vô tướng (loài không có tư tướng), phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng. Mỗi loài trong mười hai loài lại có đủ thứ sự khác nhau. Ví như loài sinh bằng trứng, có loài biết bay, có loài chẳng biết bay. Loài biết bay lại có muôn ngàn loại khác nhau, không ai có thể biết rõ hết hoàn toàn. Bạn nói có diệu chăng ? Phân biệt không rõ ràng là diệu, phân biệt rõ ràng cũng diệu. Đó là về loài sinh bằng trứng, còn loài sinh bằng thai, sinh bằng biến hoá, bằng ẩm ướt .v.v. cho đến tất cả chúng sinh cũng như thế.

Người là thai sinh, tất cả súc sinh cũng là thai sinh. Loài sinh bằng trứng như thế nào ? Trứng do tưởng mà sinh, vì có nghĩ tưởng có, nên có sự sinh bằng trứng. Sinh bằng thai là do ái tình mà sinh. Ai ai cũng cho rằng ái tình là việc khoái lạc nhất, nhưng thật tế mặt trái của khoái lạc nhất là đau khổ nhất. Hiện nay tại nước Mỹ có rất nhiều người thức tỉnh về ái tình chẳng tự do, do đó thoát khỏi ái tình, đi đến bờ tỉnh thức. Một số thanh niên nam nữ tùy tiện nói về ái tình, tùy tiện kết hợp rồi tùy tiện chia tay, nói rằng đó là tự do, kỳ thật đó là hiểu lầm tự do. Nam nữ đều chẳng kết hôn, không giữ quy cụ, đó không những chẳng phải là tự do mà là làm lẫn trong sự làm lẫn. Tại sao ? Vì nếu kết hôn rồi, tuy không tự do vẫn là con đường từ ngàn xưa. Nếu hiểu lầm ái tình, nói không kết hôn thì có thể tùy tiện, đó là muốn chết sớm một chút, thân thể mà đã bại hoại thì sẽ chết sớm một chút, tình hình này nếu mà không sớm cứu vãn thì tai họa sẽ không nhỏ, đó là nói về thai do tình mà có.

Bất cứ là người hoặc là súc sinh, vì súc sinh cũng có tình, tại sao chúng cũng có tình ? Vì thứ tình này do điên đảo tập khí quá sâu từ vô lượng kiếp cho đến nay. Khi làm người thì tình dục quá nặng, cho nên bị đoạ lạc vào súc sinh ; nếu trong đường súc sinh chưa thức tỉnh thì tình dục sẽ càng nặng, sẽ càng ngu si ám độn. Thấp sinh và hoá sinh sinh ra như thế nào ? Cũng vì tâm dâm dục quá nặng. Bất cứ chúng sinh nào cũng vì có tình, do đó có câu : "Nghiệp sạch tình không tức là Phật, nghiệp nặng tình mê là phàm phu". Ai bị tình làm mê hoặc là phàm phu, nếu bạn chẳng còn dính mắc về tình nữa, xem nó là không tức là Thánh nhân.

Loài người và loài súc sinh đều có ngàn vạn khác biệt, song le cũng chẳng lìa khỏi diệu pháp này, đều bao hàm ở trong diệu pháp, cho nên chúng sinh pháp cũng là diệu pháp.

Bạn không nghiên cứu nó thì chẳng biết ra sao, nếu mà nghiên cứu thì mỗi loài đều có đạo lý của nó. Tại sao lại làm người ? Tại sao lại làm chó ? Tại sao lại làm heo ? làm bò ? Trong đó đều hàm chứa một diệu pháp. Đạo lý diệu pháp này chẳng để gì mình bạch được, không để dành mình bạch tức là diệu pháp. Bạn nói tôi mình bạch được, mình bạch cũng là diệu pháp. Diệu pháp là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn này giống như ở trong phần chúng sinh.

Nói đến Phật pháp diệu, Phật pháp là gì ? Cái gì lại chẳng phải là Phật pháp ? Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Phật có hết thấy tất cả các pháp, chẳng có gì mà không phải là Phật pháp. Cứu kính có bao nhiêu ? Tổng quát lại nói thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn thì pháp môn nào diệu nhất ? Pháp môn nào cũng đều diệu nhất. Trước kia có người hỏi tôi : "Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn thì pháp môn nào là số một ? là cao nhất ?" Tôi đáp : "Bạn cảm thấy môn nào hợp với bạn thì pháp môn đó là đệ nhất, cao nhất ; pháp môn nào chẳng hợp với bạn thì pháp môn đó thấp nhất", phải xem căn tính của bạn. Phật nói ra tám vạn bốn ngàn pháp môn là để đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh của chúng sinh. Bệnh của bạn trị lành rồi thì pháp môn đó chẳng còn giá trị nữa. Nếu bệnh của bạn vẫn còn thì pháp môn đó có thể trị bệnh của bạn, thì pháp môn đó là đệ nhất. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn thì có tám vạn bốn ngàn đệ nhất, cũng có tám vạn bốn ngàn chướng ngại và tám vạn bốn ngàn tối cao vô thượng.

Hiện tại giảng đến Phật pháp diệu, tức là có tám vạn bốn ngàn pháp diệu. Tại sao ? Vì là pháp bình đẳng chẳng có cao thấp, pháp pháp đều là toa thuốc. Bạn có bệnh gì thì uống thuốc đó, thuốc này dùng để trị bệnh của bạn, nếu lành bệnh thì thuốc hay, nếu bạn dùng lầm thuốc thì dù thuốc hay cũng biến thành thuốc độc.

(Còn tiếp)

NHỮNG LỜI PHÁP CỦA HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

☐ Chủ yếu chúng ta nghiên cứu Phật Pháp là gì ? Cần nhất là không khởi vọng tưởng, thu nhiếp thân tâm. Thu nhiếp thân tâm lại với nhau, không tưởng đông, không nghĩ tây, không nghĩ về quá khứ, cũng không nghĩ hiện tại, cũng không nghĩ về vị lai. Một lòng một dạ nghiên cứu Phật pháp. Như thế thì bạn chẳng có phiền não gì cả, chẳng có lo âu gì cả. Tại sao bạn có phiền não ? Vì việc gì bạn cũng nhìn chẳng thấu, buông chẳng đặng, thấy việc này cũng quan trọng, thấy việc kia cũng quan trọng hơn. Sự quan trọng đó sẽ sinh ra tâm chấp trước. Có tâm chấp trước thì có phiền não sinh ra. Do đó chúng ta là người nghiên cứu Phật pháp thì đừng có tâm chấp trước, đừng có tâm chấp trước nào cả.

☐ Người tu hành mà không thể nhẫn nại, chẳng có công phu nhẫn nại thì tất cả các pháp môn, bất cứ tu hành đến trình độ nào cũng sẽ không thành tựu, đồng thời sẽ càng biến thành ngu si.

☐ Trẻ con không phải sinh ra là hư hỏng đâu. Chỉ bởi vì chúng không được dạy dỗ mà ra. Vì thế, bậc làm cha mẹ phải coi việc giáo dục con cái là cấp thiết quan trọng nhất. Cho dù kiếm được bao nhiêu tiền cũng không có giá trị bằng dạy dỗ con cái cho tốt.

☐ Phá thai là việc rất nghiêm trọng. Phá thai là một trong những nguyên nhân tạo ra nhiều chứng bệnh khó trị và những tai nạn khủng khiếp thời nay. Bạn nghĩ xem : Một sinh mạng chưa ra đời mà đã biến thành oan hồn. Con quý nhỏ ấy tới đâu cũng đòi mạng thì xã hội làm sao an ninh đặng ? Những con quý nhỏ ấy chỉ có các vị đạo hạnh không tham tiền tài mới có thể siêu độ được chúng.

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

LÚC BẢY GIỜ TỪ TRONG NHỤC KẾ CỦA ĐỨC THẾ TÔN, VỢT RA TRĂM LUỒNG QUANG MINH BÁU. TRONG QUANG MINH BÁU LẠI HIỆN RA HOA SEN BÁU NGÀN CÁNH. TRONG HOA SEN BÁU NGÀN CÁNH CÓ HOÁ THÂN CỦA NHƯ LAI NGỒI TRÊN ĐÀNH, PHÓNG RA MƯỜI LUỒNG TRĂM QUANG MINH BÁU, MỖI MỖI QUANG MINH BÁU ĐỀU BIẾN HIỆN VÔ SỐ CÁC BỒ TÁT KIM CANG MẬT TÍCH, NHIỀU NHƯ SỐ CÁT MƯỜI SÔNG HẰNG, TAY BÚNG NÚI, TAY CẦM CHUYỀN KHẮP TRONG HỦ KHÔNG. ĐẠI CHÚNG ĐỀU CHIÊM NGƯỖNG QUAN SÁT, VỪA SỢ VỪA THÍCH, CẦU PHẬT THƯƠNG XÓT, MỘT LÒNG LÓNG NGHE PHẬT. TỪ VÔ KIẾN ĐÁNH TƯỚNG CỦA NHƯ LAI PHÓNG RA QUANG MINH ĐIỂN NÓI THẦN CHÚ.

Giải : "Lúc bảy giờ", tức là lúc nói Chú Lăng Nghiêm. Và bây giờ là lúc giảng Chú Lăng Nghiêm. Nói Chú Lăng Nghiêm là mấy ngàn năm về trước. Giảng Chú Lăng Nghiêm là mấy ngàn năm về sau. Nghe Chú Lăng Nghiêm là bây giờ, không phải quá khứ, cũng không phải vị lai. Vì quá khứ đã qua rồi, vị lai thì chưa đến. Còn về hiện tại, hiện tại cũng không ngừng. Nay bạn nói đây là hiện tại thì đã quá khứ rồi. Hiện tại cũng không tồn tại. Tại sao nói như thế? Vì tâm quá khứ không thể đắc được, tâm hiện tại không thể đắc được, tâm vị lai cũng không thể đắc được. Ba tâm đều không thể đắc được. Chỉ có Chú Lăng Nghiêm là đắc được. "Thế Tôn" là thế, xuất thế đều tôn kính. Lại không so sánh thì càng tôn quý, cao siêu tức là Phật. Lúc đó từ trên đỉnh nhục kế của Đức Phật phóng ra trăm luồng quang minh báu, trong quang minh báu hiện ra hoa sen báu ngàn cánh. Trăm báu ở đây là biểu hiện cho trăm (bách) giới. Hoa sen báu ngàn cánh là biểu hiện thiên như. Nói là nói như thế, thật ra không phải là biểu hiện bách giới thiên như mà là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên. Có thể nói ba ngàn đại thiên thế giới đâu chẳng phải từ trong trăm quang minh báu

hoá thành, tạo thành. Trên hoa sen báu có hoá thân Phật. Hoá thân là do không mà hoá có. Nói nó có nó lại không có, nói nó không có nó lại có. Lúc hiển lúc ẩn, lúc có lúc không. Ngược mặt xem thì ở trước, hốt nhiên lại ở sau. Hoá thân Như Lai tức là Phật biến hoá thân, ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh. Trên đầu hoá thân của Như Lai lại phóng ra mười luồng trăm quang minh báu. Mười luồng quang minh biểu hiện cho mười pháp giới. Mỗi mỗi quang minh đều biến hiện các Bồ Tát Kim Cang Mật Tích nhiều như số cát của mười sông Hằng. Kim Cang Mật Tích cũng là Kim Cang Hộ Pháp, tức cũng là Hộ Pháp Kim Cang. Mật Tích tức là trăm mặc bảo hộ bạn. Đọc Chú có ít nhất là tám vạn bốn ngàn vị Kim Cang bảo hộ bạn. Thật ra không chỉ có chừng ấy, mà có nhiều như số cát mười sông Hằng, dùng máy điện toán cũng tính không được số Hộ Pháp Kim Cang trong trăm mặc bảo hộ bạn. Bạn tự mình nhìn chẳng thấy, nhưng có thật.

Bồ Tát Kim Cang Tạng một tay bưng hòn núi lớn, một tay cầm chùy búa lớn, xem đủ biết lớn cỡ nào! Đầy khắp hư không. "Đại chúng chiêm ngưỡng quan sát, vừa sợ vừa thích". Sợ sệt giống như trong tâm có con thỏ đang nhảy nhót, nói không dám nhìn lại bỏ chẳng đặng, muốn nhìn lại sợ sệt, đầu tóc đều dựng đứng toàn thân đều nổi da gà. Vừa sợ vừa thích thú, có hai thứ tâm, hai thứ tư tưởng. "Cầu Phật thương xót", lúc đó cầu Đức Phật Thích Ca thương xót chúng ta. "Một lòng thương xót": Lúc đó thật không có vọng tưởng, một lòng, không có tâm thứ hai. Không giống các bạn nghe Chú Lăng Nghiêm, Pháp Sư giảng tại đây mà trong tâm khởi vọng tưởng, không thể như tâm. Đương nhiên tôi không có đại oai đức như Phật, cho nên tôi giảng cho các bạn nghe mà các bạn đều khởi vọng tưởng. "Vô kiến đánh tướng", nghĩa là không thấy được tướng đánh

của Phật. Tướng vô kiến đánh này nhìn tựa có như không có, nói không có lại như có. Tướng vô kiến đánh là bạn nhìn chẳng thấy, cũng là không chỗ nào mà chẳng thấy, chẳng nhìn chẳng thấy. "Nhu Lai phóng quang minh diễn nói Thần Chú" : Tức là Như Lai biến hoá trên hoa sen báu lớn, trên tướng vô kiến đánh của Ngài phóng ra trăm quang minh báu. Trăm quang minh báu lại có hoa sen báu ngàn cánh. Trên hoa sen báu ngàn cánh lại có hoá thân của Như Lai, lại phóng đại quang minh diễn nói Thần Chú. Đây là hoá Phật của Phật diễn nói Thần Chú. Không phải một số người có thể nghe được. Đương thời đều là những pháp thân đại sĩ Bồ Tát mới có thể nghe được Thần Chú. Bạn muốn nghe thì trước hết phải học Chú Lăng Nghiêm. Học xong rồi mới có thể nghe.

PHẬT ĐÌNH QUANG MINH MA HA TÁT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA VÔ THƯỢNG THẦN CHÚ.

Lược giải danh nghĩa :

Giải : Tên Chú Lăng Nghiêm gọi là : "Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni", còn gọi là "Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú". Ma Ha là tiếng Phạn, dịch là lớn. Thế, tướng, dụng đều lớn. Thế khắp mười phương, tận hư không biến pháp giới là đại dụng. Nói đến tướng, nó chẳng có tướng. Chú có tướng gì ? Nhưng vô tướng vô bất tướng. Cũng có thể nói chẳng có dụng gì, nhưng vô sở bất dụng (chẳng có gì mà không dụng). Tận hư không biến pháp giới chẳng gì mà không dụng. Dụng này là đại dụng, tướng là đại tướng, thế là đại thế, đó là nghĩa chữ Ma Ha. "Tát Đát Đa", cũng là tiếng Phạn, dịch là màu trắng (bạch sắc), cũng là thanh tịnh, nghĩa là không nhiễm ô. Cho nên nói : "Tướng tuyệt không nhiễm là trắng". Chú Lăng Nghiêm là bạch tịnh pháp, là pháp thanh tịnh không nhiễm. "Bát Đát La", cũng là tiếng Phạn, dịch là cái lọng. Đây là ví dụ. Ví dụ một cái lọng dùng che vạn vật, che chở hết thảy những người có đức, ai có đức hạnh thì người đó gặp được pháp này. Người không có đức hạnh thì không gặp được pháp này. Cho nên nói : "Tam quang phổ chiếu thấu tam tài". Phần đông cho rằng "tam quang" là trời trăng sao. Trời trăng sao là ba thứ ánh sáng bên ngoài. Tụng trì Chú Lăng Nghiêm thì trên thân có thân quang (ánh sáng nơi thân), trong miệng có khẩu quang (ánh sáng trong miệng), trong tâm có tâm quang (ánh sáng trong tâm). Thân miệng ý ba nghiệp đều phóng quang. Bạn nghe nói qua điều này chưa ? Đây là nghe điều chưa nghe, thấy

điều chưa thấy. Trên thân phóng quang là quang minh màu vàng (hoàng quang). Tu thành công rồi thì sẽ thành kim quang, kim quang vạn đạo. Bắt đầu tu Chú Lăng Nghiêm là hoàng quang, lâu dần thì sẽ biến thành kim quang. Cho nên nói "Tử ma kim sắc vạn đạo quang minh sung mãn pháp giới". Nghĩa là vạn luồng hào quang vàng tía đầy khắp pháp giới. Đây là do tu Chú Lăng Nghiêm mà thành. Trong miệng phóng quang minh là quang màu đỏ (hồng quang). Trong tâm phóng quang minh là quang màu trắng (bạch quang). Nhưng có khi trong miệng cũng phóng quang màu vàng (hoàng quang), có khi lại phóng quang màu xanh (thanh quang), có khi lại phóng quang màu đen (hắc quang). Có lúc quang màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều phóng. Bất quá phải tu thành rồi mới được. "Bát Tát La", tức là bao che vạn đức (uẩn ám vạn đức). Cây lọng trắng to lớn bảo hộ che chở hết thảy chúng sinh có đức, chúng sinh thọ trì Chú Lăng Nghiêm. Cho nên nói : "Tam quang phổ chiếu thấu tam tài". Tam tài tức là thiên, địa, nhân (trời, đất, con người).

"Diêm Phù thế giới nễ bất lai". Tại thế giới Diêm Phù này bạn tìm khắp nơi cũng chẳng được, nhất định phải thọ trì Chú Lăng Nghiêm mới đắc được quang minh này. "Đại đức đại thiện năng ư đắc". Phải có đức hạnh lớn, thiện lớn mới đắc được pháp môn này. "Vô đức vô thiện bất minh bạch". Nếu không có đức hạnh, không có công đức lành thì dù có gặp được Chú Lăng Nghiêm cũng sẽ làm lẫn, hai bên trái nhau. Nhìn thấy vàng cho là đồng, thấy vòng kim cương cho là pha lê. Thấy được Chú Lăng Nghiêm nhưng cho rằng rất là tầm thường, không có gì, không biết là quý báu ! Không biết là diệu, không biết công đức của Chú Lăng Nghiêm là không thể nghĩ bàn. Tâm quang tức là ý niệm, tức là thức thứ sáu. Nếu bạn không tu hành thì dùng gì cũng chẳng có. Nếu tu hành thì sẽ phóng quang. Vừa mới nói quang minh, không những chỉ thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh phóng ra quang minh, mà còn có quang minh màu đỏ quán chung quanh. Nếu bạn tụng Chú Lăng Nghiêm thì tự nhiên sẽ có quang minh màu đỏ quán quanh thân. Cho nên nói : "Thiên đoá hồng liên hộ trụ thân" (Ngàn đoá sen đỏ bảo hộ thân). "Toạ câu kị tu mặc kì

lân". Thời đại khoa học mà nói điều này thì người học khoa học sẽ cười rưng rưng, bất quá như vậy cũng tốt, bằng không chẳng thể cười rưng rưng thì ngày ngày còn tại đó khoa học khoa học. "Vạn yêu nhất kiến vãng viễn đoá". Khi yêu ma quỷ quái thấy oai đức tướng pháp thân ngàn đoá hoa sen đỏ thì đều xa lánh ẩn trốn. "Tế công pháp sư hữu diệu âm". Tụng Chú Lăng Nghiêm lại có quang minh màu tím, quang minh màu trắng quay chuyển. Tại sao khi tụng Chú Lăng Nghiêm thì yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện ? Vì sức mạnh quá lớn, khắp tận hư không biến pháp giới không có chỗ nào mà không có tường quang đoan khí đầy khắp. Cho nên có người tụng Chú Lăng Nghiêm thì bổ thêm chánh khí cho trời đất. Một người tụng Chú Lăng Nghiêm là sức lực của một người, trăm người tụng Chú Lăng Nghiêm là sức lực của trăm người, như vậy thì yêu ma quỷ quái trên thế gian đều lão lão thực thực.

CUỘC ĐỜI TÔN GIẢ XÁ LỢI PHẬT

Soạn Giả : Nyanaponika

Dịch Giả : Nguyễn Điều

Phần Thứ Nhất

Từ Khi Sinh Ra Đến Lúc Đạt Quả Thánh

Câu chuyện bắt đầu từ trong hai làng Bà La Môn ở Ấn Độ gọi là Upatissa và Kolita. Hai làng này cách xa thành Vương Xá (Rajagaha) chẳng bao nhiêu.

Trước khi đức Phật ra đời, có một thiếu phụ thuộc dòng Bà La Môn tên là Sari, sống trong làng Upatissa đã thụ thai, và đồng thời tại một làng khác gọi là Kolita, cũng có một thiếu phụ Bà La Môn khác mang thai. Nhưng có điều lạ là cả hai thiếu phụ này thụ thai trong một ngày. Người thiếu phụ thứ hai tên là Moggali. Hai gia đình của hai thiếu phụ này giao hảo với nhau rất thân mật và đã kết thân cùng nhau đã bảy đời.

Kể từ ngày mới thụ thai, hai gia đình Bà La Môn kia chăm sóc hai thiếu phụ ấy rất chu đáo và một thời gian sau đến ngày khai hoa nở nhụy, cả hai thiếu phụ đồng sinh ra hai đứa con trai cũng cùng trong một ngày.

Trong lúc đặt tên cho đứa bé, thiếu phụ có tên Sari đã nhận tên Upatissa mà đặt cho con trai mình, bởi vì gia đình của nàng là một gia đình đứng đầu trong làng. Tương tự như thế, cậu bé con trai của nàng Bà La Môn Moggali bên làng kia lại được đặt tên là Kolita.

Khi hai cậu bé bắt đầu khôn lớn, chúng được cha mẹ giáo dục rất chu đáo, và được học hỏi nhiều môn học từ những danh sư nổi tiếng nhất trong xứ. Hai cậu đã trở nên lão thông tất cả những môn học thời bấy giờ.

Mỗi chàng trai xuất chúng ấy đều có hàng năm sáu trăm người thanh niên Bà La Môn khác theo làm môn đệ. Họ thường dắt nhau đi thường cảnh bơi lội hoặc vào trong những công viên vừa giải trí vừa luận bàn thời sự. Upatissa hay dùng năm trăm chiếc võng, và Kolita với năm trăm cỗ mã xe.

Hồi ấy tại thành Vương Xá, mỗi năm có một kỳ lễ tụng bùa giống như hội Vu Sơn. Đôi thanh niên trí thức này được mời ngồi vào những chiếc ghế danh dự để chứng kiến cuộc lễ. Thoạt đầu họ có vẻ vui thú khi những hồi trình diễn trở nên hào hứng, và họ đã tặng nhiều món tiền thưởng để các diễn viên, trình diễn thêm những màn đặc biệt mà họ thích nhất. Họ giải trí vui vẻ như vậy đến hai ngày, nhưng qua đêm thứ ba thì cả hai bỗng trở nên buồn bã, vì họ vừa ý thức được một điều gì. Họ không còn vui vẻ hay tươi cười nữa. Họ cũng chẳng màng treo thêm những món tiền thưởng hậu như hai ngày trước. Mỗi người đồng có một ý nghĩa : "Ở đây có gì lạ mà ta phải ngồi nhìn ? Tất cả những người này khi đã đến trăm tuổi rồi thì họ sẽ phải đi theo thần chết. Vậy việc mà ta nên làm là mau mau đi tìm một con đường để thoát chết".

Những ý nghĩ như vậy cứ lẩn quẩn trong đầu óc họ, ngay khi họ còn ngồi trong cuộc lễ. Sau đó Kolita bèn nói với Upatissa : "Này bạn Upatissa ! Thế này là nghĩa làm sao ? Do đâu bạn lại không vui vẻ và thích thú như hai ngày trước ? Tôi nhìn bạn như đang lo âu một điều gì, vậy bạn có thể cho tôi biết được chăng ?" Này bạn Kolita ! Tôi thấy ngồi nhìn những cảnh tượng này chẳng lợi ích gì cả. Nó hoàn toàn vô vị. Tôi nghĩ phải đi tìm một con đường giải thoát cho chính tôi Kalita ạ. Đó là vấn đề mà tôi đang băn khoăn trong tâm. Nhưng mà còn anh nữa, anh Kolita ạ, tôi thấy anh cũng không có vẻ an tâm chút nào. Kolita đáp : Tôi quả có sự suy tư đúng như anh vừa thốt ra.

(Còn tiếp)

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

10. Nam Mô Tát Kiết Lợi Đũa Y Mông A Lợi Gia.

Hữu cảm tư thông nan tư nghi
Vô cầu bất ứng tam muội lực
Long Thọ Tôn Giả Phục ma oán
Hành nhân mạng hoạn đặc bờ đề.

Tạm dịch :

Cảm ứng thông nhau không nghĩ bàn
Không cầu chẳng ứng sức tam muội
Tôn Giả Long Thọ hàng ma quái
Người trì không nạn được bờ đề.

Câu này nói về ý nghĩa gì ? Trên cũng Nam Mô, dưới cũng Nam Mô, Nam Mô, Nam Mô, cứ Nam Mô người mà chẳng Nam Mô mình. Người tu đạo chẳng cần đi Nam Mô người mà phải Nam Mô chính mình. Nam Mô ở đây vẫn là chính mình tự quy y mười phương vô tận Tam Bảo. "Tát Kiết Lợi": Là "hoàn toàn"; nghĩa là "hoàn toàn đánh lễ".

"Đũa Y Mông": Nghĩa là gì ? Tức là "ta"; kêu bạn hoàn toàn đánh lễ bạn. Cái "ta" ở đây là "ta" chẳng phải ta (vô ngã), chẳng phải ta "có cái ngã". Sao chẳng có bạn ? Tức là họ đánh bạn, bạn cũng chẳng biết đau ; họ mắng bạn, bạn cũng vẫn tự nhiên, cũng giống như chẳng có việc gì xảy ra, không nhất định phải nhẫn, nếu bạn dùng "nhẫn nhục" thì đã rơi vào "đệ nhị nghĩa"; cho dù nhẫn cũng chẳng cần, căn bản chẳng có nhẫn để nhẫn, đó gọi là ta chẳng phải ta.

"A Lợi Gia": Ở trước đã giảng qua, tức là "bạc Thánh"; nghĩa là phải hoàn toàn đánh lễ bạc Thánh của ta, tức là tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Thiên Long bát bộ. Nghĩa là phải đánh lễ bạc Thánh của "ta chẳng phải ta". Bạc Thánh đó rất nhiều, là ai ? Sẽ nói với bạn ở sau.

11. Bà Lô Kiết Đế Thất Phật La Lăng Đà Bà.

Viên Mãn Báo Thân Xá Na Phật
Hộ trì hành nhân tự đại đa
Thập phương thế giới văn thanh độ
Ly cấu xuất trần pháp Ma ha.

Tạm dịch :

Viên Mãn Báo Thân Xá Na Phật
Hộ trì hành giả được tự tại
Mười phương thế giới nghe tiếng độ
Li cấu thoát trần pháp đại thừa

"Bà Lô Kiết Đế": Nghĩa cũng là "Quán". "Thất Phật La": Là "Tự Tại", còn gọi là "Thế Âm". Câu này nghĩa là "Quán Thế Âm", cũng là "Quán Tự Tại". "Quán Tự Tại", "Quán Thế Âm" này không nhất định nói Quán Thế Âm Bồ Tát mới gọi là Quán Thế Âm, Quán Tự Tại. Nếu bạn tự tại thì bạn là "Quán Tự Tại"; nếu bạn hay cứu độ chúng sinh thì bạn là "Quán Thế Âm". Cho nên nếu bạn hay chiếu theo pháp học này thì bạn là hóa thân của Quán Thế Âm ; tôi chiếu theo pháp học này thì tôi là hóa thân của Quán Thế Âm.

"Lăng Đà Bà": Dịch là "hải đảo", tức là nơi trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là "Phổ Đà Sơn" ở Trung Quốc.

Phổ Đà Sơn dịch là "Tiểu Bạch Hoa Sơn", vì trên núi đó có loài hoa tiểu bạch nở. Nơi đây có một tảng đá tạo cung điện gọi là "cung từ ái", tức là cung điện chỗ ở của Bồ Tát Quán Thế Âm, ở bên trong thánh diệu trang nghiêm giống như ở thiên cung, làm bằng bảy báu, song le không dễ gì đến được nơi đó.

Những gì nói ở trước là "người từ bi", "Lăng Đà Bà" ở sau tức là "cung từ bi"; cung điện từ bi, là cung điện trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

12. Nam Mô Na La Cẩn Trì.

Thanh Tịnh Pháp Thân Giá Na Phật

Quảng độ chúng sinh hoá Ta Bà
Thành tựu kim cương kiên cố thể
Đồng chúng bỉ ngạn mật ba la.

Tạm dịch :

Thanh Tịnh Pháp Thân Giá Na Phật
Rộng độ chúng sinh hoá Ta Bà
Thành tựu thân kim cương kiên cố
Đồng chúng Ba La Mật bờ kia.

Đây là nói về mười thứ tâm của "Đại Bi Tâm Đà La Ni". Trong Kinh ở trước nói có mười thứ tâm, là tướng mạo của "Đà La Ni", nên y chiếu mười thứ tâm này để tu hành.

"Nam Mô": Ở đây vẫn là "quy mạng kính đầu". "Na La" dịch là "hiền"; "Cẩn Trì" dịch là "ái". Đây gọi là người tu hành hiền ái thiện hộ. Hiền ái thiện hộ tức cũng là đại từ bi tâm, tức cũng là tâm cung kính, tức cũng như ở trước có nói về vô thượng bồ đề tâm.

Na La Cẩn Trì : Là đại từ bi tâm, Na La Cẩn Trì cũng là tâm cung kính, Na La Cẩn Trì còn là vô thượng bồ đề tâm. Ý nghĩa câu này đại biểu cho ba thứ tâm.

13. Hệ Rị Ma Ha Bàn Đa Sa Mế.

Từ năng dữ lạc bi bạt khổ
Phổ hoá quần sinh thành Phật tổ
Dương đầu thần vương hộ hành nhân
Hổ lang ác thú giai vô trở.

Tạm dịch :

Từ hay ban vui bi cứu khổ
Phổ độ chúng sinh thành Phật tổ
Dương đầu thần vương hộ người trì
Cọp lang ác thú chẳng trở ngại.

"Hệ Rị": Dịch ra nghĩa là "tâm". Tâm này là tâm gì ? Tức là tâm chẳng nhiễm ô. Tâm chẳng nhiễm ô, tức cũng là tâm thanh tịnh. Nếu bạn có tâm tham, sân, si, mạn, nghi, đủ thứ tâm chẳng thanh tịnh thì biến thành tâm nhiễm ô. Hiện tại là tâm chẳng nhiễm ô.

"Ma Ha Bàn Đa Sa Mế". "Ma Ha" : Ý nghĩa vẫn là 'đại' (lớn). "Bàn Đa Sa Mế": Nghĩa như thế nào ? Tôi không nói ra thì chắc chắn bạn chẳng biết, cho nên tôi nói ra thì bạn mới biết. Một khi tôi nói ra thì bạn nói : "Ồ ! thì ra là thế". Bạn sẽ biết ngay. Đại gì ? Đại quang minh. Còn có lối dịch khác nữa, nghĩa là gì ? Chữ "Ma Ha" đại

này cũng có thể dịch thành chữ "trường", trường chiếu minh, luôn luôn chiếu sáng.

Có người nói : "Đại quang minh này, tôi đã nghe giảng Kinh rất nhiều lần". Song trong Chú Đại Bi có ý nghĩa này, nếu tôi không giảng thì bạn đâu có biết. Tôi nói cho các bạn biết, Chú Đại Bi chẳng dễ gì gặp được người giảng cho các bạn nghe. Thật tình mà nói, vốn cũng chẳng có ai giảng được, chẳng ai biết Chú Đại Bi cứu kính như thế nào. Có người nói : "Vậy sao Hòa Thượng lại biết ?". Bạn đừng hỏi tôi, vì tôi chẳng hỏi bạn thì bạn không thể hỏi tôi sao tôi lại biết ? Tự nhiên tôi biết, nếu tôi không biết thì tôi đâu có giảng cho bạn nghe ? Bạn đừng có hỏi tôi sao tôi lại biết mà bạn phải hỏi chính bạn sao bạn lại không biết ? Nếu bạn biết sao bạn lại không biết thì bạn sẽ biết sao tôi lại biết ; nếu bạn không biết vì sao bạn lại không biết thì bạn cũng chẳng biết vì sao tôi lại biết, chỗ diệu là tại chỗ này.

Giống như có một người hỏi tôi : "Vì sao Hòa Thượng đi xuất gia ?" Tôi chẳng đáp tại sao tôi xuất gia mà tôi hỏi anh ta : "Vì sao anh không xuất gia ?". Nếu anh biết tại sao anh không xuất gia thì anh biết tại sao tôi xuất gia, cũng đồng đạo lý ấy. Bạn hỏi tôi sao tôi lại hiểu, bạn hãy tự hỏi bạn vì sao bạn không hiểu ? Thì bạn sẽ biết vì sao tôi hiểu.

Bây giờ các bạn gặp được sự giảng giải Chú Đại Bi, đều là người có căn lành lớn, cho nên các bạn phải tự mình bảo hộ căn lành của mình, tự mình thương tiếc căn lành của mình, tự mình lợi dụng căn lành cố hữu của bạn để học tập Phật pháp.

Hiện nay chúng ta sinh vào thời đại mạt pháp, tất cả chư Phật rất ít đến thế giới này, tất cả Bồ Tát cũng rất ít đến thế giới này. Vào thời đại mạt pháp, pháp đã đến đoạn cuối, chẳng dễ gì gặp được chánh pháp, cũng chẳng dễ gì gặp bậc tu hành. Cho nên lần này tôi nghĩ ở Đài Loan có Chùa mở đại giới đàn, bèn gọi năm người (năm vị đệ tử người Mỹ đầu tiên) đến Đài Loan thọ giới. Năm người này sau khi thọ giới xong trở về nói : "Có rất nhiều người kêu họ đừng tu hành". Bạn nghĩ xem, chúng ta là chúng sinh, không tu hành thì làm sao có thể thành Phật đặng ? Không tu hành thì làm sao có thể thấu rõ đạo được ? Nếu bạn chẳng tu hành mà có thể thành Phật, có thể thấu rõ đạo được thì lúc ban đầu Phật cũng chẳng cần tu khổ hạnh, tham thiền đả tọa sáu năm ở tại núi tuyết, sau đó đến dưới cội bồ đề

ngồi bốn mươi chín ngày, ban đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Đức Phật còn phải tu hành mới có thể thành Phật ; chúng ta chúng sinh nếu không tu hành thì làm sao có thể thành Phật ? Ai ai cũng biết tu hành mới có thể thành Phật, song người tu hành thì rất ít ; ai ai cũng biết không tu hành thì sẽ đọa địa ngục, song người chẳng tu hành thì không biết bao nhiêu mà nói. Thời đại mạt pháp, nếu chúng ta nghe thấy Phật pháp thì hãy dũng mãnh tinh tấn, từng giờ từng phút, đừng nên lười biếng, tinh tấn dụng công tiến về trước mới có thể có sự thành tựu. Nếu chẳng dũng mãnh tinh tấn mà muốn thành tựu thì không bao giờ có được. Cho nên mọi người đừng sợ khổ, đừng sợ khó khăn, trong sự bận rộn, phấn chấn tinh thần lên, phải hăng hái tu hành, dũng mãnh dụng công tiến về trước để nỗ lực học Phật pháp.

Phật pháp mà tôi nói rất diệu, song nếu bạn chẳng tin thì đối với bạn cũng chẳng có ích lợi. Phật pháp mà tôi nói, nói đến nỗi chẳng có ý nghĩa gì hết mà bạn thật tâm tu hành thì đối với bạn cũng là diệu pháp ; diệu pháp mà tôi nói nếu bạn chẳng thực hành thì đối với bạn cũng chẳng phải là diệu pháp. Cho nên chúng ta tu hành phải từng giờ từng phút tinh tấn tiến về trước, đừng lùi về sau, đừng sinh tâm lười biếng, đây là điều quan trọng nhất. Nếu từng giờ từng phút bạn tinh tấn tiến về trước thì chắc chắn có một ngày bạn sẽ nhận ra bộ mặt thật của bạn.

Vào thời vua Lương Võ Đế, Thiên Sư Chí Công là bậc tu hành có đức hạnh, chẳng có ai biết cha mẹ của Ngài là ai. Một ngày nọ, có một phụ nữ nghe tiếng trẻ con khóc ở trên cây, bèn trèo lên cây thì thấy đứa bé nằm trong tổ chim ưng, bà ta bồng đứa bé về nhà nuôi dưỡng. Đứa bé đó tướng mạo tựa như hình người , song le tay chân tựa như móng chim ưng. Lớn lên rồi xuất gia tu đạo, khai ngộ đắc ngũ nhãn lục thông. Vì chẳng có ai biết cha mẹ của Ngài là ai, lượm

Ngài từ tổ chim ưng, cho nên một số người đều cho rằng Ngài từ trứng chim nở ra.

Vào thời đó, vua Lương Võ Đế rất tin tưởng Thiên Sư Chí Công, mà một số người khác cũng rất tin Ngài, bất cứ trường hợp gì, nào sinh đẻ, bạn bè chết, đám cưới, tang lễ .v.v., họ đều thỉnh mời Thiên Sư Chí Công đi tụng Kinh. Một lần nọ, có một gia đình giàu có thỉnh Thiên Sư Chí Công đến tụng Kinh cho cuộc hôn nhân và thỉnh Ngài

trong cuộc hôn lễ nói vài câu cát tường, khiến cho cuộc hôn nhân thuận lợi tốt đẹp.

Thiên Sư Chí Công đến đó, vừa thấy chú rể và cô dâu bèn nói : "Cổ cổ quá, quá quá cổ, tôn tử thú tổ mẫu". Nghĩa là sự việc này xưa nay chẳng có, đây là sự việc chẳng tầm thường, việc rất kỳ quái, ai đời cháu lại cưới bà ngoại. Trên thế giới này, mọi người làm vợ chồng với nhau, làm cha con với nhau, làm mẹ con với nhau. Nếu bạn chẳng biết nhân duyên trong đời quá khứ thì bạn chẳng hiểu rõ tại sao ông nội của bạn trong kiếp trước, đời nay đến kết hôn với bạn ? hoặc là bà ngoại của bạn lại đầu thai làm con của bạn ? Đây hoàn toàn không nhất định.

Sự việc "cháu cưới bà ngoại" này, là vì trước khi bà ngoại qua đời, bà ta nói với mọi người : "Cháu của tôi chẳng còn cha mẹ của nó, tương lai ai sẽ săn sóc cho nó ? Vợ tương lai của nó có tốt với nó chăng ? Tôi thật rất lo cho nó lắm !"

Lúc đó, bà ta nắm tay người cháu nói : "Cháu ơi ! Bà không đành bỏ cháu ra đi, bà chết rồi, cũng không nhắm mắt". Mắt không nhắm cũng phải chết, bà ta chết chẳng nhắm mắt. Đến trước mặt vua Diêm Vương, còn muốn yêu cầu săn sóc cho đứa cháu của bà ta nói : "Cháu của tôi, tôi thấy chẳng có ai săn sóc cho nó, tôi thật lo cho nó !". Vua Diêm Vương nói : "Tốt lắm, vậy thì bà về săn sóc cho nó !" Do đó lập tức cho bà ta đi đầu thai ; lớn lên rồi thì cho bà ta làm vợ người cháu. Do đó gọi là "cháu cưới bà ngoại". Bà ngoại chẳng buông bỏ được người cháu, trở lại bèn làm vợ của người cháu, bạn nói có phải là cổ cổ quá, quá quá cổ chẳng ? hay là chẳng phải cổ cổ quá, quá quá cổ ?

Ngài Chí Công tại sao biết được ? Vì Ngài Chí Công có ngũ nhãn lục thông, khi Ngài vừa gặp cô dâu chú rể thì cô dâu vốn là bà ngoại, vì bà ta một niệm buông xả chẳng đặng, cho nên phải trở lại làm vợ của người cháu.

Thiên Sư Chí Công lại nhìn mọi người thì thấy có một cô con gái cầm miếng thịt ăn, Ngài lại nói : "Con ăn thịt mẹ". Miếng thịt mà cô con gái đang ăn vốn là thịt của mẹ cô đầu thai làm dê, bây giờ con dê này bị giết, cô ta cầm thịt dê này lên ăn.

Ngài bèn nhìn người đánh trống rồi nói : "Con đánh trống cha". Da trống này chính là cha của

anh ta đầu thai làm lừa, con lừa này bị giết, lấy da bị làm trống.

Ngài lại nhìn vào các dãy bàn bèn nói : "Heo dê ngồi vào bàn". Những loài heo, dê này, kiếp trước bị họ ăn thịt, bây giờ đều tái sinh làm người, đều làm bà con, làm bạn bè với họ, cho nên đều đến nhà đó để dự hôn lễ.

"Lục thân nấu trong nồi", thân tộc bên cha, thân tộc bên mẹ, thân tộc bên anh bên em, tất cả bạn bè, thân hữu trước kia ăn thịt heo, thịt dê, bây giờ đều biến thành heo, dê, lại bị họ giết bỏ vào nồi nấu.

"Mọi người đến chúc mừng". Mọi người đến đó, thấy anh ta cưới cô dâu đều nói : "Chúc mừng anh !" Người này đến chúc mừng, người kia đến chúc mừng, cảnh trạng như thế, "tôi thấy đó là khổ", tôi thấy cảnh trạng như thế, tức là tạo nghiệp ; tạo nghiệp nghĩa tức là khổ.

Do Ngài Chí Công nhìn thấu nhân quả của gia đình đó. Gia đình đó thì như thế, còn những gia đình khác, làm sao mà biết chẳng phải như thế ? Cho nên người tu đạo thì phải cẩn thận ; lúc trông nhân không cẩn thận thì khi hết quả phải gánh lấy. Vậy con người tại sao lại làm người ? Chúng ta làm người là đến để trả nợ. Trả nợ gì ? Trả nợ luân thường, trả nợ nhân quả thế gian. Bạn còn món nợ này thì phải trả món nợ này, bạn không trả thì không được, cũng như chúng ta mượn tiền của người thì phải trả tiền cho người ; bạn không trả thì nợ không dứt được. Con người trên thế gian cũng như thế.

Tôi lại nhớ đến một câu chuyện. Có một gia đình nợ nuôi một con lừa, hằng ngày bắt con lừa chuyên chở nặng nề. Anh ta thấy con lừa đi chậm thì hằng ngày đều dùng cây chổi tre đánh con lừa, ngày nào cũng đánh, kêu nó làm cho anh ta. Một đời làm xong rồi thì con lừa đó tái sinh làm người đàn ông ; còn người đàn ông đánh con lừa đó thì tái sinh làm người đàn bà. Hai người này kết hôn với nhau. Kết hôn rồi bạn nói xảy ra chuyện gì ? Người đàn ông này suốt ngày cứ đánh người đàn bà này, bất cứ cầm cái gì thì đánh cái đó, hoặc là cầm dũa ăn cơm thì lấy dũa đánh, suốt ngày đánh chưởi nói cô ta làm gì cũng không đúng.

Một ngày nợ Thiên Sư Chí Công đến thì cô ta bèn thưa rằng : " Chồng của con, không biết tại sao ngày nào cũng đánh con ? Ngài là người tu hành,

đắc được ngũ nhãn lục thông, Ngài hãy xem nhân quả của chúng con như thế nào, tại sao ngày nào con cũng bị đánh ?" Thiên Sư Chí Công nói : " Chao ôi ! kiếp trước của con là người đàn ông, con dùng một con lừa để chuyên chở, mà con ngày nào cũng đánh con lừa đó, con lừa đó nay tái sinh làm chồng của con. Bây giờ con phải giải mở oán kết này, ta dạy con một phương pháp. Con hãy dọn dẹp hết đồ đạc lại, chỉ để lại một cây phát trần làm bằng đuôi ngựa. Con để cây phát trần ở đó thì anh ta thấy chẳng có gì khác để đánh, thì lấy cây phát trần đánh con ; đánh con xong rồi thì con nói với anh ta, vì kiếp trước con là người đàn ông, còn anh ta là con lừa, vì bị con hằng ngày đánh, cho nên bây giờ anh ta cũng đánh con hằng ngày. Bây giờ anh ta dùng phát trần đuôi ngựa đánh con, chỉ một cái đánh thì có mấy trăm hèo. Cho nên anh ta đánh con một cái thì hôm nay đã trả xong nợ trong quá khứ. Sau khi con nói rõ với anh ta thì anh ta sẽ không còn đánh con nữa".

Quả nhiên cô ta dọn hết đồ đạc lại, chồng của cô ta về cũng chẳng nói năng gì thì muốn đánh cô ta, đi tìm đồ để đánh thì chẳng thấy, chỉ thấy phát trần bằng đuôi ngựa bèn lấy đánh. Trước kia anh ta đánh thì cô ta chạy, song lần này đánh thì cô ta ngồi tại chỗ chịu đánh. Khi anh ta đánh xong rồi thì anh ta hỏi : "Sao lúc trước tôi đánh thì bà bỏ chạy, còn hôm nay tôi đánh thì bà sao chẳng bỏ chạy ?" Cô ta nói : "Ông không biết đâu, sở dĩ ông đánh tôi là có tiền nhân hậu quả. Hôm nay Thiên Sư Chí Công đến đây, tôi thỉnh giáo Ngài, tại sao ngày nào ông cũng đánh tôi ? thì Ngài nói với tôi, kiếp trước ông là một con lừa, còn tôi là một người đàn ông, nuôi con lừa đó dùng để chở đồ, vì con lừa đi chậm nên hằng ngày tôi đều đánh con lừa đó ; kiếp này ông đầu thai làm người đàn ông, còn tôi biến thành người đàn bà, hai người kết hôn, cho nên hằng ngày ông đều đánh tôi. Ngài dạy tôi để cây phát trần ở đó, đợi ông về đánh tôi thì tôi đừng bỏ chạy. Hôm nay ông đánh xong rồi thì sự tình của chúng ta chẳng còn nữa, về sau chẳng còn đánh nữa". Người chồng nghĩ : "Thì ra là như thế, từ nay về sau tôi không đánh nữa, nếu ngày nay tôi đánh bà nhiều thì ngày sau bà sẽ đánh tôi". Từ đó về sau hai vợ chồng chẳng còn đánh nhau nữa.

Từ đó có thể thấy, trên thế gian này ai với ai có duyên hoặc không có duyên, ai với ai là vợ chồng,

cha con, anh em thì trong quá khứ đều có nhân quả, cho nên đời này mới làm quyền thuộc. Nếu chúng ta mình bạch nhân quả thì hãy sửa đổi nhân quả ; phải làm việc tốt, đừng làm việc xấu.

Lúc trước tôi đã nói Thiên Sư Chí Công mỗi ngày ăn hai con bồ câu, ngày nào cũng đều ăn như thế. Người làm bếp nghĩ rằng thịt bồ câu chắc là ngon lắm, một ngày nọ trong sự hữu ý vô ý. Hữu ý vô ý là gì ? Nghĩa là muốn thưởng thức, ở đây có hai ý nghĩa : Một là không biết hôm nay nấu như thế nào ? Một là cho rằng Thiên Sư Chí Công ngày nào cũng ăn bồ câu, chắc chắn là rất ngon. Do đó bèn thưởng thức rồi mới mang đến cho Ngài Chí Công. Ngài Chí Công ăn con bồ câu này bèn hỏi : "Hôm nay ai ăn lén bồ câu của ta ?". Người làm bếp nói : "Chẳng có ai ăn lén đâu". "Chẳng có ai ăn lén ? Chắc chắn là người ăn lén". Người nấu bếp chẳng chịu nhận, nói : "Tôi không ăn". Ngài Chí Công nói : "Người không ăn à ? Ta chứng cứ cho người xem thử người có ăn hay chẳng ?" Ngài bèn hả miệng ra thì phun ra hai con bồ câu, có một con bay được, còn một con chẳng có cánh, bay không được. Ngài nói : "Người xem đi, nếu người chẳng ăn lén cánh bồ câu thì sao con bồ câu này bay không được ? Vậy cánh của nó đâu ?" Người làm bếp từ đó mới biết Ngài Chí Công chẳng phải là người bình thường, là Bồ Tát hóa thân. Cho nên ăn bồ câu nấu chín rồi mà vẫn có thể biến thành bồ câu sống. Nếu chẳng phải cảnh giới của Bồ Tát thì sao lại có cảnh trạng này ?

Ngài Thiên Sư Chí Công vẫn thường thường ăn một loại cá, thứ cá này gọi là "huệ ngư". Ngài ăn cá này, cũng đã nấu chín ăn vào bụng, sau đó vẫn có thể phun ra biến thành cá sống. Đó là cảnh giới của bậc Bồ Tát, đó đều là việc rất bình thường. Giống như Ngài Chí Công Thiên Sư là Bồ Tát chân chánh. Song Thiên Sư Chí Công vốn chẳng nói với ai rằng : "Bạn biết tôi chẳng ? Tôi là Bồ Tát, tôi muốn làm gì thì làm". Ngài chẳng bao giờ nói như thế. Cho nên chúng ta phàm phu thấy được Bồ Tát cũng chẳng nhất định biết rõ. Việc Bồ Tát làm với mọi người đều giống nhau, chỉ khác một chỗ là đa số mọi người làm chỉ biết lợi mình, chẳng giúp đỡ người khác; còn Bồ Tát thì lợi ích cho kẻ khác. Cho nên Bồ Tát khác với phàm phu là ở chỗ này. Bồ Tát thì tự lợi lợi tha, tự

giác giác tha, tự độ độ tha. Chúng ta giảng Chú Đại Bi, ý nghĩa trong Chú cũng đều là đạo lý này.
(còn tiếp)

Chùa Kim Quang vừa *phát hành* *thu băng Phật Pháp 1, 2 và 3* vào *băng cassette*, tổng cộng là 6 băng, rất rõ ràng đặc biệt. Giá thỉnh 6 băng là 100 FF (Tiền băng và nhãn hiệu để có thể tiếp tục phát hành). Nếu gửi đến tận nơi tại Pháp và Âu Châu cước phí khoảng 39 FF. Quý vị nào muốn thỉnh băng xin liên lạc về Chùa.

PHẬT TỔ TRUYỀN ĐĂNG

VỊ PHẬT THỨ BA TRONG BẢY VỊ PHẬT QUÁ KHỨ KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA PHẬT TỶ XÁ PHÙ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Phật Tỳ Xá Phù là vị Phật thứ ba trong bảy vị Phật quá khứ, bài kệ truyền pháp của Ngài :

*Giả tạ tứ đại dĩ vi thân
Tâm bốn vô sinh nhân cảnh hữu
Tiền cảnh nhược vô tâm diệt vô
Tội phước như huyễn khởi diệt diệt.*

Nghĩa là :

*Giả mượn bốn đại dùng làm thân
Tâm vốn không sinh do cảnh có
Nếu cảnh trước không tâm cũng không
Tội phước như huyễn khởi cũng diệt.*

Bài kệ này nói chúng ta đừng cho rằng thân thể này là thật. Thân thể này do bốn đại hoà hợp mà thành. Hơi nóng thuộc về lửa, giao động tức là gió, có tính ướt là nước và có tính cứng tức là đất. Đó là đất nước gió lửa, bốn đại hoà hợp mà thành thân thể, cho nên nói "Giả mượn bốn đại dùng làm thân": Chúng ta giả mượn đất nước gió lửa bốn đại này để thành thân thể. "Tâm vốn không sinh do cảnh có" : Tâm của chúng ta vốn không sinh không diệt, song le vì bạn chấp trước vào cảnh giới, tức là có tâm sinh diệt, cho nên nói : "Nếu cảnh trước không tâm cũng không" : Cảnh giới trước mắt nếu chẳng có thì tâm cũng

chẳng có, tâm là do cảnh mà có. "Tội phước như huyễn khởi cũng diệt" : Do đó tội cũng là hư huyễn, phước cũng là hư huyễn, tội phước như huyễn thì giống như bọt nước, bong bóng, điện xẹt, tuy nhiên tội phước khởi rồi cũng diệt. Đó là bài kệ của Đức Phật Tỳ Xá Phù.

Chúng ta người học Phật thì nên học thuộc lòng những bài kệ của bảy vị Phật, đừng quên. Mỗi bài kệ đều dạy bạn đừng chấp trước thân tâm. Một khi chúng ta chấp trước thân tâm thì có chướng ngại. Tại sao lại khởi chướng ngại ? Vì nhận giả làm thật, nhận giặc làm con, nhận giặc làm cha. Do đó người xưa có nói : "Một niệm tâm sân khởi, tám vạn cửa chướng ngại mở ra". Thật là lợi hại ! Khi một niệm sân của bạn dậy lên thì tám vạn cửa chướng ngại đều chướng ngại bạn ; nếu bạn chẳng khởi tâm sân thì tám vạn cửa chướng ngại đều biến mất, cho nên các bạn nên chú ý !

Do đó tất cả đều do tâm tạo, tức là phải nhận thức ở chỗ này. Cảnh giới đến đều là khảo nghiệm, là sự tu đạo phải trải qua. Khi cảnh giới đến mà chúng ta khảo nghiệm chẳng xong thì bị thất bại, đây là lúc bình thường công phu dụng chẳng tốt, cho nên qua cửa ải thì tay chân quỵnh lên. Chúng ta người tu đạo phải chú ý điểm này, phải nhận thức cảnh giới.

PHÁP GIỚI CỦA THANH VĂN

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Thanh Văn Chúng Tăng

Bát Luạn Nữ Nam

Tứ Đế Quán Hành

Ẩn Thật Thị Quyền.

Tạm dịch :

Thanh văn chúng Tăng

Dù nam hay nữ

Tu pháp Tứ Đế

Ẩn thật hiển quyền.

Bây giờ giảng về pháp giới của bậc Thanh Văn. Thanh Văn gồm có sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả Thanh Văn. Trong đó lại phân ra sơ quả hướng nghĩa là chưa thật sự chứng được sơ quả, cho nên gọi là sơ quả hướng, sơ quả ; nhị quả hướng, nhị quả ; tam quả hướng, tam quả ; tứ quả hướng, tứ quả.

Bậc Thanh Văn còn gọi là A La Hán cũng gọi là La Hán. Bậc La Hán có thần thông phi hành biến hóa. Người chứng quả thì không tùy tiện nói : "Tôi đã chứng quả, tôi là A La Hán !" Không được như thế ! Vì Thánh nhân chứng quả thì đi chân chẳng đụng đất, bạn thấy có vẻ họ đi trên đất, nhưng họ đi ở trong hư không, chân không dính đất cũng không dính bụi, thậm chí đi trong bùn, chân cũng sạch sẽ. Ví như Hòa Thượng Pháp Thuận (sơ Tổ của tông Hoa Nghiêm), đi trong bùn mà giày không dính bùn, đó là một sự biểu hiện của bậc Thánh nhân đã chứng quả. Chẳng phải nói : "Tôi đã chứng quả", thì chứng được quả.

Sơ quả Thanh Văn thì đã đoạn được kiến hoặc, nhị quả thì đã đoạn được tư hoặc, tam quả thì đã đoạn được trần sa hoặc, tứ quả cũng đã đoạn được trần sa hoặc, phá được chút vô minh, chứ chưa hoàn toàn phá sạch. Vô minh phá sạch thì thành Phật. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa phá, cho nên không thể thành Phật. Bậc Tứ Quả Thánh nhân tu pháp gì ? Các Ngài tu pháp này ai ai cũng đều biết, chúng ta ai ai cũng đã nghe qua, đó là khổ, tập, diệt, đạo Tứ Diệu Đế.

Đức Phật sau khi thành đạo, đến vườn Lộc Uyển độ năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như. Năm vị Tỳ Kheo này vốn là bà con của Phật, song le theo Phật xuất gia tu đạo. Khi Đức Phật tu khổ hạnh tại núi Tuyết mỗi ngày

chỉ ăn một hạt mè, thân hình chỉ còn da bọc xương. Lúc đó năm vị

Tỳ Kheo bỏ đi hết ba vị vì chịu khổ hết nổi, còn hai vị. Sau đó, một ngày nọ có vị tín nữ dâng cúng bát sữa cho Đức Phật, Đức Phật thọ nhận, hai vị kia cũng bỏ đi. Hai vị này không phải vì chịu khổ không được mà họ nói Phật không còn khả năng tu hành, họ nói : "Tu hành phải tu khổ hạnh, phải hành khổ hạnh, bây giờ Ngài đã uống sữa, không chịu khổ được nữa !" Năm vị này đều bỏ đi đến vườn Lộc Uyển.

Sau khi Đức Phật thành đạo, trước hết Ngài nói "Kinh Hoa Nghiêm", chẳng có người nghe hiểu đặng, sau đó "vì thật thị quyền", Đức Phật nói "Kinh A Hàm". Phải nói cho ai nghe ? Phật quán sát thì biết được cơ duyên : "A ! Năm vị cùng tu với ta trước kia, trước hết nên đi đến độ họ. Tại sao trước hết phải đi đến độ họ ? Vì trong quá khứ ta đã phát nguyện : Nếu ta thành Phật thì trước hết đi độ người đã hủy báng ta, giết ta, người đối xử với ta tệ nhất, ta phải đi độ họ trước". Ai đối với Phật thậm tệ nhất ? Không biết các bạn đã đọc Kinh Kim Cang chưa ? Trong Kinh Kim Cang có nói về vua Ca Lợi. Khi Đức Phật tại nhân địa thì làm tiên ông nhấn nhục, bị vua Ca Lợi chặt chân tay. Tại sao vua Ca Lợi chặt chân tay ? Vì trong quá khứ tiền thân của Đức Phật làm tiên ông tu đạo, tu khổ hạnh ở trong rừng. Một ngày nọ vua Ca Lợi mang theo cung nga, thể nữ, phi tần đi vào rừng săn bắn. Song le những người nữ này thích đi chơi, còn vua thì đi săn. Những người nữ này bèn thấy một vị hình thù quái dị không biết là gì ? Vì lòng mảy thì dài ba tấc, tóc thì dài hai thước, chưa khi nào tắm rửa, bụi bặm bám đầy đầy người, quần áo bụi bặm dính đầy khoảng một tấc. Những người nữ thấy như vậy không nhận ra bèn nói : "Đây là yêu quái ! Đây là yêu quái ! Chúng ta hãy đi mau lên !" Lão tu hành bèn nói : "Các vị không cần đi, ta chẳng phải là yêu quái". Những người nữ nghe nói thì biết vị này biết nói, do đó có người gan dạ hỏi : "Ông ở đây làm gì ?" Ông ta đáp : "Tôi ở đây tu hành", họ hỏi : "Thế nào gọi là tu hành ?" Ông ta đáp : "Tôi tu hành vì muốn thành Phật", rồi ông ta thuyết pháp

cho họ nghe. Nói xong rồi, những người này rất có hảo cảm với ông ta, nói : "Ông tu ở đây quá khổ, vậy ông ăn gì để sống ?" Ông ta đáp : "Tôi ăn rễ cây, lá cây, trái cây, có gì ăn nấy, tôi cũng chẳng đi vào xóm khát thực".

Những người nữ này quây quần vị tiên nhân lâu cũng chẳng còn sợ gì nữa, càng muốn gần gũi ông ta để hỏi đạo. Lúc đó vua Ca Lợi đi săn về, bèn đi khắp nơi tìm thể thiếp phi tần thì thấy họ quây quần chung quanh tiên ông, bèn sinh tâm đố kỵ, nóng giận nói : "Ông ở đây làm gì ?"

Ông ta đáp : "Tôi ở đây tu đạo".

Vua hỏi : "Ông tu đạo gì ?"

Ông ta đáp : "Tôi tu hạnh nhẫn nhục".

Vua hỏi : "Nhẫn nhục là gì ?"

Ông ta đáp : "Tức là ai mắng tôi, đánh tôi, tôi cũng không sinh tâm sân hận".

Vua nói : "Được rồi để ta thử xem thật hay giả". Bèn lấy bảo kiếm trên mình ra chặt cánh tay tiên ông, hỏi : "Tôi đã chặt đứt cánh tay nhà ngươi, nhà ngươi có sân hận chăng ?"

Ông ta đáp : "Tôi không sân hận".

Vua nói : "Được rồi để ta chặt tiếp một tay nữa thử nhà ngươi có sân hận chăng ?" Nói xong bèn chặt tiếp tay thứ hai, bèn hỏi : "Nhà ngươi có sân hận chăng ?"

Ông ta đáp : "Cũng chẳng sân hận".

Vua nói : "Nhà ngươi có bản lĩnh lắm, song le ta sẽ chặt nốt hai chân, xem thử nhà ngươi có sân hận chăng ?" Do đó vua chặt đứt hai chân của tiên ông, lại hỏi : "Nhà ngươi có sân hận chăng ?"

Tiên ông đáp : "Ta cũng không sân hận".

Vua nói : "Nhà ngươi nói láo, lấy gì để chứng minh là sự thật ?"

Tiên ông nói : "Nếu thật sự ta không sân hận thì tứ chi của ta sẽ hoàn phục lại như cũ, còn nếu ta sân hận thì sẽ không hoàn phục lại". Vừa nói xong thì tứ chi của tiên ông hoàn phục lại như cũ. Lúc đó Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp thiện thần thấy vua độc ác quá đỗi, nóng giận bèn mưa đá xuống chỗ nhà vua. Tiên ông thấy vậy bèn nói : "Xin các vị Hộ Pháp thiện thần đừng mưa đá hại nhà vua". Do đó vua thoát nạn bèn sinh tâm sám hối, đến trước vị tiên ông cầu sám hối. Tiên ông bèn phát nguyện rằng : "Nếu tương lai ta thành Phật thì trước hết ta sẽ độ nhà vua". Do đó, sau khi Phật thành đạo thì đi đến vườn Lộc Uyển để độ Kiều Trần Như. Vị tiên ông đó là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, còn vua Ca Lợi là tiền thân của Kiều Trần Như. Vì nguyện lực của Phật trong quá khứ cho nên phải độ họ, dù họ đối xử với Ngài thậm tệ nhất.

Chúng ta nghe chuyện này rồi thì bất cứ ai đối với chúng ta không tốt, chúng ta phải phát nguyện khi thành Phật thì độ họ, chứ đừng nói : "Người đối với ta không tốt, đợi khi ta thành Phật thì nhất định sẽ làm cho người rơi vào địa ngục!" Đừng phát nguyện như thế.

Phật đến vườn Lộc Uyển vì năm vị Tỳ Kheo mà chuyển bánh xe pháp Tứ Diệu Đế. Lần thứ nhất nói : "Đây là khổ, tính bức bách ; đây là tập, tính chiêu cảm ; đây là đạo, tính có thể tu ; đây là diệt, tính có thể chứng".

Lần thứ hai nói : "Đây là khổ, ta đã biết ; đây là tập, ta đã đoạn ; đây là đạo, ta đã tu ; đây là diệt, ta đã chứng".

Lần thứ ba Phật nói : "Đây là khổ, ông nên biết ; đây là tập, ông nên đoạn ; đây là đạo, ông nên tu ; đây là diệt, ông nên chứng".

Sau khi Đức Phật nói ba lần, pháp Tứ Diệu Đế, bèn nói với Kiều Trần Như : "Hiện tại các ông bị khách trần quá nhiều nên không đắc được giải thoát". Kiều Trần Như khi nghe hai chữ "khách trần" thì lập tức khai ngộ. Khách là gì ? Khách tức chẳng phải là chủ nhân. Trần là gì ? Tức là bụi bặm, không thanh tịnh. Tự tính của chúng ta tức là chủ nhân, tự tính vốn thanh tịnh. Cho nên lúc đó ông ta khai ngộ. Khai ngộ thì gọi "giải bốn tế", tức là minh bạch nguồn gốc đạo lý, trở thành "giải không đệ nhất".

Pháp Tứ Diệu Đế vô cùng vô tận. Hôm nay chúng ta giảng "Thanh Văn chúng Tăng", "Dù nam hay nữ". Nói về chúng quả thì bất cứ nam hay nữ đều có thể chứng quả, chứng quả tức là Thanh Văn, tức là A La Hán. Ví như mẹ của Pháp Sư Cựu Ma La Thập chúng được tam quả A La Hán.

"Tu pháp Tứ Đế". Tức là tu pháp Tứ Diệu Đế : Khổ, tập, diệt, đạo ; biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Phải tu pháp môn Tứ Diệu Đế này.

"Ẩn thật hiển quyền". Bạn thấy những vị này là Thanh Văn, nhưng kỳ thật là đại Bồ Tát phương tiện thị hiện làm Thanh Văn, cho nên đây gọi là "ẩn thật". Ẩn tức là ẩn nấu công đức thật sự của các Ngài. Hiển quyền : Hiển tức là hiển hiện, quyền tức là quyền xảo phương tiện. Bạn đừng cho rằng các Ngài là Thanh Văn, là tiểu thừa mà xem thường, đừng như thế. Các Ngài đều là Bồ Tát thị hiện ; không phải hoàn toàn đều là Bồ Tát, nhưng ở trong đó nhất định có các đại Bồ Tát đó hiện thân tiểu thừa để tiếp dẫn người tiểu thừa hướng về

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : H.T Thích Trung Quán

(Tiếp theo kỳ trước)

Hỏi : Tâm Phật đại bi, những nên nói pháp không tranh cãi, tại sao lại nói pháp tranh cãi ?

Đáp : Pháp không tranh cãi đều là không tướng, thường vắng lặng, nên không nói. Bồ thí, khổ, không, vô thường, các pháp đều vắng lặng, không hý luận, người lợi căn biết ý Phật nên không khởi ý tranh cãi, người căn tính chậm lụt, không hiểu ý Phật, giữ tướng chấp tâm khởi tranh cãi nên gọi là chỗ tranh cãi, còn Bát Nhã Ba La Mật (BNBLM) các pháp ắt hẳn không, hai điều "có, không" đều dứt, nên BNBLM gọi là nơi không tranh cãi.

Lại nữa, trong các Kinh khác phần nhiều lấy ba thứ môn nói các pháp. Ba thứ môn là : Thiện, bất thiện, và vô ký (không lành, không ác). Nay muốn nói môn phi thiện, phi bất thiện, phi vô ký các tướng của sự vật, pháp học, vô học, phi học, phi vô học, pháp đoạn kiến đế, đoạn tư duy, vô đoạn, có thể thấy hữu đối, chẳng thể thấy hữu đối, chẳng thể thấy vô đối, pháp trên, giữa, dưới, nhỏ, lớn, vô lượng pháp .v.v. Ba pháp môn cũng như thế, nên nói Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (MHBNBLM).

Lại nữa, trong Kinh khác với hàng Thanh Văn nói pháp Tứ Niệm Xứ : Tỳ Kheo cứ như thế mà quán ba mươi sáu vật trong thân để trừ bệnh tham dục, cứ như thế mà quán ngoài thân, quán trong thân, ngoài thân. Nay muốn lấy pháp môn khác nói Tứ Niệm Xứ nên nói Kinh MHBNBLM. Bồ Tát cứ như thế mà quán trong thân, ở thân không sinh giác quán, không được thân, lấy vô sở đắc. Cứ như thế quán ngoài thân, quán trong thân ngoài thân, ở thân không sinh giác quán, chẳng được thân, lấy vô sở đắc. Ở trong thân, niệm xứ, quán thân mà không sinh giác quán, việc ấy rất khó. Ba Niệm Xứ kia, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Bốn Thiền, Bốn Đế, hết thảy bốn pháp môn cũng đều như thế.

Lại nữa, trong Kinh khác Phật nói năm ám, vô thường, khổ, không, vô ngã tướng, nay muốn lấy pháp môn khác nói năm ám nên nói Kinh MHBNBLM. Như Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề : Sắc là thường hành, không hành, không hành BNBLM, thọ tưởng, hành, thức là thường hành, không hành BNBLM ; sắc vô thường hành, không hành BNBLM ; thọ tưởng hành thức vô thường hành, không hành BNBLM ; năm thụ chúng, năm đạo, hết thảy năm pháp, sáu, bảy, tám .v.v. cho đến vô lượng môn cũng như thế. MHBNBLM vô lượng vô biên nên nói nhân duyên MHBNBLM cũng vô lượng vô biên.

GIẢI THÍCH CÂU "NHƯ THỊ NGÃ VĂN NHẤT THỜI"

Kinh : NHƯ THỊ NGÃ VĂN NHẤT THỜI . . .

Luận :

Hỏi : Tại sao các Kinh của Phật đều có chữ "Như Thị" ở đầu ?

Đáp : Trong biển Phật pháp, có tin mới vào được, có trí mới qua được. Chữ Như Thị (Như Vầy) là tin vầy. Nếu không tin nói việc chẳng như vầy. Ví như da trâu chưa mềm thì không thể uốn nắn được, con người không tin cũng như thế. Người có niềm tin ví như da trâu đã mềm, tùy tiện xử dụng. Lại nữa, trong Kinh nói tin làm đầu, như người có tay, vào trong núi báu thì tự do mà thu lượm. Nếu không có tay thì không thu nhặt được gì ; người có lòng tin cũng như thế. Vào trong núi báu của Phật pháp, như vô lậu, căn, lực, giác, đạo, thiền định, người có tâm tin như có tay tự tại mà lấy, ngược lại không có tay thì không nhặt được gì. Đức Phật tự nghĩ rằng : Người có lòng tin vào trong biển Phật pháp của ta hay được quả Sa Môn chẳng uổng công cạo đầu nhuộm áo ; nếu không tin thì không thể vào

được biến Phật pháp của ta, như cây khô không thể sinh hoa quả, tuy cạo đầu, nhuộm áo, đọc hết thảy Kinh hay khó, hay đáp, ở trong Phật pháp không được chút gì. Thế nên, nghĩa chữ "Nhu Vây" ở đầu các Kinh điển Phật pháp là tướng tin vậy.

Lại nữa, Phật pháp sâu xa, chỉ có Phật mới hay biết ; người có tâm tin, tuy chưa làm Phật, song nhờ sức tin mà có thể vào, như vua Phạm Thiên thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên, bài kệ thỉnh như sau :

Diêm Phù Đề trước ra,
Là nhiều pháp bất tịnh.
Nguyện mở cửa cam lồ,
Diễn nói đạo thanh tịnh.

Phật đáp kệ rằng :

Pháp ta rất khó được,
Hay đoạn các kiết sử.
Ba cõi lòng yêu đắm,
Người ấy chẳng hiểu đặng !

Vua Phạm Thiên bạch Phật rằng :

Đại Đức ! Trong thế giới bậc trí có thượng trung hạ, người lành nhu hoà, tâm ngay thẳng thì dễ độ được ; người ấy nếu không được nghe pháp thì sẽ đoạ lạc trong các đường ác. Ví như hoa sen trong bùn, có hoa đã nở, có hoa còn ở dưới nước, có ngó chưa nẩy, nếu không được ánh sáng mặt trời thì không đua nở. Phật cũng thế, lấy tâm đại từ bi, thương xót chúng sinh nên nói pháp.

Phật nhớ nghĩ chư Phật ba đời đều vì độ chúng sinh mà nói pháp, ta cũng như thế, bèn nhận lời thỉnh cầu của vua Phạm Thiên nên nói kệ đáp rằng :

Ta nay mở cửa vị cam lồ,
Nếu có người tin được hoan hỉ !
Ở trong mọi người nói diệu pháp,
Chẳng phải nào người mà vì nói.

Trong bài kệ này, Phật không nói người bố thí được hoan hỉ, cũng không nói người đa văn, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ được hoan hỉ, chỉ nói người tin ! Ý Phật pháp như thế, đệ nhất sâu xa, màu nhiệm, vô lượng, vô biên, chẳng thể

nghĩ bàn, chẳng động, không dựa, không đắm, pháp vô sở đắc, không phải bậc nhất thiết trí thì

không hiểu rõ được. Nên trong Phật pháp lấy sức tin làm đầu, sức tin có thể vào, chẳng phải bố thí, trì giới có thể vào trong Phật pháp, như kệ nói :

Người thế gian tâm động,
Yêu đắm quả báo phúc,
Mà chẳng thích phúc nhân,
Cầu hữu không cầu diệt,
Trước nghe pháp tà kiến
Tâm đắm mà muốn vào,
Pháp thâm sâu của ta,
Không tin làm sao hiểu !

Như ông Đề Bà Đạt Đa, đại đệ tử Câu Na Ly không tin pháp nên đoạ vào đường ác. Người ấy không tin, tự lấy trí huệ mình cầu chẳng thể được, vì sao ? Phật pháp sâu xa, như vua Phạm Thiên dạy cho ông Câu Ca Ly bài kệ rằng :

Muốn lường vô lượng pháp,
Người trí há ụng lường ?
Muốn lường vô lượng pháp
Người ấy tự che chìm !

Lại nữa, nghĩa chữ "Nhu Vây", người có tâm tin thì tin thẳng, nếu không có tướng tin thì không hiểu rõ được, như kệ nói :

Chuyên xem nghe pháp như khát uống
Nhất tâm mà vào trong lời nghĩa
Nhún nhảy nghe pháp tâm vui mừng
Con người như thế nên vì nói.

Lại nữa, nghĩa chữ "Nhu Vây" ở đầu Kinh Phật thì được lợi đời hiện tại, lợi đời vị lai, lợi Niết Bàn, lợi các căn bản. Tin là sức rất lớn.

Lại nữa, tất cả người xuất gia ngoại đạo tự cho pháp của mình là màu nhiệm, thanh tịnh bậc nhất, tự khen pháp hành của mình, chê bai pháp của người khác, nên hiện đời đấu tranh, đời sau họ sẽ đoạ vào địa ngục, chịu vô lượng khổ não như kệ nói :

Tự yêu đắm pháp mình
Chê bai pháp người ta
Tuy trì giới hành nhân
Chẳng thoát khổ địa ngục.

(Còn tiếp)

Niệm Phật Có Thể Khi nào Cho Thiền Sĩ Hoà Bình

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Chúng ta sinh vào thời đại không có mặt trời, mặt trăng, và sao cũng không có đèn sáng (chân lý), tối không có ban ngày. Nhưng chúng ta đều không biết, cho rằng còn có mặt trời, trăng, sao, đèn sáng. Phải biết không có chân lý tức là không có ánh sáng.

Trên thế giới này giữa người và người lường gạt với nhau, giữa nhà này nhà kia lường gạt với nhau, quốc gia này với quốc gia kia lường gạt với nhau. Người đối với người không có gốc chân thành làm người, không dùng đạo đức nhân nghĩa đối đãi người. Tại sao ? Vì ai ai cũng đều hư ngụy, cho nên hổ tương đấu tranh, lường gạt tạo thành mối bất an cho thế giới.

Chúng ta học Phật pháp, học niệm Phật thì nhất định phải trừ niệm sân. Làm thế nào để trừ niệm sân ? Tức là trong tâm của bạn đừng đố kỵ, không nóng giận. Dùng nhẫn nhục, trí huệ thì bạn có thể đạt đến bờ kia. Tại Vạn Phật Thành tôi có nói : "Thế nào là không sát sinh ? Tức là trong tâm không có đố kỵ, sân hận, nhẫn là Ba La Mật, một thật thì tất cả đều thật". Chúng ta làm bất cứ việc gì cũng đều phải nhận chân mà làm. Đừng thiện ác lẫn lộn, không nên làm chút thiện lại làm chút ác ; trong thiện lại có hạt giống ác tồn tại, trong nhân thiện lại có mua danh chuộc tiếng khen, hoặc là làm không chân thật, cho nên "không chân thật thì gặp quả quanh co". Hiện tại chúng ta niệm Phật cũng phải niệm chân thật, phải nhiều nhẫn nhục, trong tự tính phải thường sinh trí huệ, đừng ngu si, bạn sát sinh tức là ngu si, không sát sinh tức là có trí huệ. Bạn không niệm Phật là ngu si, bạn thường niệm Phật thì có trí huệ. Đừng có miệng niệm Phật mà trong tâm khởi vọng tưởng, như vậy là hoá ra chẳng niệm Phật, khởi vọng tưởng gì ? Khởi vọng tưởng ăn ngon, khởi vọng tưởng kiếm tiền. Bạn gái thì khởi

vọng tưởng bạn trai, bạn trai thì khởi vọng tưởng bạn gái, khởi vọng tưởng tương lai tôi sẽ thành đạt như thế nào, thành công như thế nào, cuộc sống như thế nào ?

Niệm Phật tâm phải chuyên nhất. Niệm "Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật". Niệm được gió thổi không vào, mưa rơi không thấu. Trời mưa gió thổi cũng không biết. Bất cứ cảnh giới bên ngoài cũng không thể nhiễu tâm của bạn thì đắc được niệm Phật tam muội ; niệm Phật có định lực thì cuối cùng chúng được ba bất thối : Niệm bất thối, hạnh bất thối và vị bất thối. Niệm là thường niệm Phật, tu hành không thối tâm, thường tại địa vị niệm Phật. Chúng ta đối với bất cứ người nào cũng đừng sinh tâm sân hận. Khi sinh tâm sân hận thì bạn niệm gì cũng không có cảm ứng. Cho nên có câu :

"Một niệm sân khởi lên,
Tám vạn cửa chương đều mở ra".

Phải từ bi hỷ xả, phải có tâm tha thứ, bao dung hết thấy, phải biết trên thế gian không thể hoàn toàn là người tốt. Người không tốt không biết là bao nhiêu. Phải học chư Phật Bồ Tát không thấy lỗi của chúng sinh. Chúng ta sinh ra trong thời kỳ mạt pháp là điều bất hạnh, nhưng hiện tại chúng ta có pháp môn niệm Phật cũng có thể nói là rất may mắn. Chúng ta đang trong thời kỳ không bình an mà gặp được pháp môn niệm Phật đều là do trong quá khứ đã trồng căn lành. Hôm nay chúng ta có hơn ba mươi người tham gia Phật thất. Tôi nói đúng thì các bạn chiếu cố thực hành, nếu tôi nói không đúng thì hãy quên đi, xem như là tôi không nói. Hy vọng các bạn là tướng quân không xuống ngựa, mỗi người tự tiến về trước nỗ lực tinh tấn đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Hẹn gặp lại.

KỶ NIỆM NGÀY BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM XUẤT GIA

Hoà Thượng Tuyên Hoá

"Tu giới tu định tu trí huệ,
Niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng già,
Nhất tâm ủng hộ thường tinh tấn,
Diệu giác Cực lạc hoa khai thật".

Từ vô thủy kiếp đến nay, nhận giặc làm con, nhiệm khổ cho là vui, trôi nổi trong sinh tử luân hồi, không khi nào dừng. Cho đến hôm nay mới phát tâm Bồ đề, tu vô thượng đạo, sớm ra khỏi trầm luân, chấm dứt sinh tử. Nếu không giác ngộ thì vĩnh viễn trầm luân trong tam đồ. Nay có cư sĩ Lâm Quả Lạc, xa từ Hương Cảng đến núi, thỉnh mời thượng đạo thuyết pháp, Sơn Tăng vốn không có pháp gì để nói, chỉ dạy các vị niệm Phật, cầu sinh tịnh độ, hoa nở thấy Phật, ngộ vô sinh nhẫn, trở lại Ta Bà, đồng ra khỏi biển khổ luân hồi, thành vô thượng đạo, quả Phật diệu giác.

Hôm nay là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm xuất gia. Thực ra Bồ Tát đã thành Phật trong vô lượng kiếp quá khứ, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì lợi ích hết thấy chúng sinh cho nên dùng con thuyền từ bi, thị hiện thân Bồ Tát để cứu hộ chúng sinh, là khổ được vui. Hôm nay là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm xuất gia. Người xuất gia tại Vạn Phật Thành phải phản tỉnh xuất gia để làm gì? Là lợi ích chính mình hay lợi ích kẻ khác? Phải chăng vào trong Phật giáo để kiếm cơm ăn, tức không phải là kiếm cơm ăn thì phải làm những việc người xuất gia làm, tức là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, nghiêm trì năm giới. Nếu không giữ giới luật thì làm sao nhìn Phật, nhìn thí chủ, thiên địa quỷ thần, cha mẹ tổ tiên. Tại sao? Vì cha mẹ sinh ra và dưỡng nuôi chúng ta, hy vọng chúng ta có ích với dân. Nếu chỉ biết lợi ích chính mình thì không mặt mũi nào nhìn cha mẹ, trời đất. Tất cả mọi người trên thế giới phải nhận rõ trách

nhiệm chính mình, đừng làm cục thị biết đi. Phải tận trách nhiệm, tận thiên chức, phải tự hỏi mình, ta đối với quốc gia có tận trung chăng? Hai người địa phương nhiều? Hay là giúp đỡ người địa phương nhiều? Mỗi vị xuất gia, tại gia đệ tử của Phật phải tự xét hỏi mình, ta đối với quốc gia có tận trung chăng? Có những người đến Vạn Phật Thành, cho rằng không làm việc cũng có cơm ăn, có chỗ ở, đây là sai lầm! Tông chỉ Vạn Phật Thành là lợi ích kẻ khác. Phàm có người mang mặt giả, gạt kẻ khác, lường gạt kẻ khác, thì không dung chứa tồn tại. Tại sao thế giới hư hoại? Vì ai ai cũng mang mặt giả, cho rằng mình rất thông minh, mới làm cho thế giới suy đồi. Hiện tại ai ai cũng phải cải lỗi làm mới, giữ sáu đại tông chỉ. Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối, dùng sáu đại tông chỉ này thâm nhập vào hành vi tư tưởng của mỗi người.

Có sáu đại tông chỉ này tức là chủ trì chánh khí, đây tức là chánh khí của thế gian, là linh hồn của vũ trụ, là chân lý của trời đất.

Người chân chánh chủ trì chánh nghĩa, trên thế giới không có mấy người, ai ai cũng ý lời nói mạnh để đoạt lý, cho nên thế giới mới xu hướng diệt vong. Chánh nghĩa hoàn toàn nguy tận thì thế giới sẽ hủy diệt. Do đó chúng ta phải chân chánh hoàng dương Phật pháp, không thuận u nhân tình, không dùng giao tế thủ đoạn, không dụng nhân tâm mà dụng đạo tâm, mới có thể khiến cho Phật pháp phát dương quang đại. Cho nên "Người hoàng dương Phật pháp, chẳng phải Phật pháp hoàng dương người". Bất tất lên tiếng kêu gào, làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, trước phải từ sáu đại tông chỉ mà trước thủ.

Thiền THU THẬP NHÂN TÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Chúng ta ngồi thiền phải hiểu tại sao phải ngồi thiền ? Thiền, cứu kính là gì ? Thiền là "tư duy tu", "tĩnh lự". Vì bình thường chúng ta không nghĩ tu hành, bị sáu căn, sáu trần, sáu thức mê hoặc, do đó mà quên tu. Hiện nay ngồi thiền là muốn quay trở lại bên trong, không tìm kiếm bên ngoài, phải thu thập sạch sẽ bên trong tức là thu thập cuồng tâm dã tính, tạp niệm tư dục, đây là những thứ chướng ngại sự tu hành của chúng ta. Giả như có người cuồng vọng tự đại, vô duyên với người khác, hoặc chỉ nghĩ phát tài, nghĩ hưởng thụ, ích kỷ lợi mình, nói láo, hướng ngoại truy cầu, tham lam, tranh giành... Đây đều là cuồng tâm. Nếu ngồi một phen, quay trở lại bên trong, chiếu thấu thất tình, lục dục, sáu căn và sáu trần. Thì tại chỗ này phải suy nghĩ, tôi hằng ngày hướng ngoại truy cầu chẳng ? Hay là cầu tại nơi mình ? Phải soi gương tự tính, tức là đại viên cảnh trí. Đại viên cảnh trí này vốn thông thiên triệt địa, nhưng tạm thời bị cảnh căn trần che lấp. Cho nên Thần Tú Đại Sư mới nói :

"Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài sáng chói,
Thời thời thường lau chùi,
Đừng để dính bụi bặm".

Cây bồ đề tức dụ cho sự giác ngộ. Đài sáng chói là chỉ đại viên cảnh trí, phải luôn luôn thu thập sạch sẽ, đừng để dính bụi bặm. Đại viên cảnh trí vốn không có chỗ nào mà chẳng biết, không có chỗ nào mà chẳng giác, không có chỗ nào mà chẳng thấy ; hiện nay bị sáu căn, sáu trần và giữa căn trần sinh ra sáu thức cảm dõ. Cho nên phan duyên theo đuổi bên ngoài, không biết hồi quang phản chiếu. Tư duy tu tức là quay trở lại lại bên trong, cầu nơi chính mình, không phải mỗi ngày cứ mong thăng quan phát tài, công danh lợi lộc ... Có người hỏi : "Như vậy làm người có ý nghĩa gì ?" Bạn nghĩ bạn làm người rất có ý nghĩa chẳng ? Việc của bạn làm, thật có giá trị chẳng ? Thật có giúp đỡ gì đối với trí tuệ của bạn chẳng ? Cũng chẳng thấy được.

Nếu có thể thu thập đại viên cảnh trí, tức chiếu thiên chiếu địa, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, lại cũng không ngu si phiền não, như vậy không tốt chẳng ! Như lúc sống nhốt mình trong địa ngục như thế tốt chẳng ? Tu hành là vì đoạn phiền não.

Hiện tại phiền não của bạn đầy dẫy, mỗi ngày xem nó như thức ăn, nếu một ngày không ăn phiền não thì cảm thấy không thể sống được. Đời sống như vậy có giá trị gì ?

Do đó ! Tham thiền thì phải chế tâm một chỗ, lại không ưu sầu phiền não, thì dù cho động đất, đạn nguyên tử bùng nổ cũng tùy chúng mà mọi sự đều chuyển thành tốt. Không cần phải lo. Đây không phải là không lo việc đời ? Bạn thật có thể lo được chẳng ? Không cần nói bạn là người dân bình thường, mà các nguyên thủ các nước, có thể lo được, có thể khiến mọi người không phiền não chẳng ? Lãnh tụ của liên hiệp quốc có thể quản lý được tâm của mọi người chẳng ? Không cần nói họ không quản lý được người khác, mà tâm của chính họ, họ quản lý cũng không được. Nếu bạn thật không có phiền não, thì có thể khiến cho người đời bình an, mới xứng đáng làm lãnh tụ của thế giới. Tức nhiên trước mắt bạn làm không được, thì phải từ thân của mình mà giữ, khiến cho mình đừng tranh, đừng tham, đừng cầu cạnh, đừng ích kỷ, đừng tự lợi, đừng nói dối. Như vậy tức không thể chế tạo thêm nhiều độc khí lại làm ô nhiễm hoàn cảnh, phản mà có thể bị chánh khí trời đất không đủ tiêu diệt độc khí trên thế giới ư vô hình.

Ngồi thiền là vì trừ tật bệnh, khử tham sân, nhưng bạn lại muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, lại còn muốn thành Phật, nói thẳng ra đó là phát cuồng ! Có người nói : "Hòa Thượng khi thuyết pháp thì chưởi người !". Tôi không phải chưởi người, mà là chưởi quý, vì trong bụng của bạn có quý, mới khiến cho thân bạn không an vui. Quý không vui vẻ thì kêu bạn đừng ngồi thiền ! Tóm lại, chúng ta có thể mượn cơ hội tốt này, từ từ thu thập lại đại viên cảnh trí. Bạn nói : "Tôi không thể thu thập...". Bạn không thể thì phải học nhẫn nại một chút, chớng cự một chút khi bị chưởi. Từ từ sẽ học thu thập như thế nào.

Khi vị duy na đánh khánh khai tĩnh rồi thì mọi người có thể từ từ duỗi chân ra, hoạt động cho máu huyết lưu thông, phải từ từ, đừng làm ồn ào. Đây tuy nhiên là việc nhỏ, nhưng phải dè dặt mới có thể học điều thân và điều tâm. Chân chánh ở trong thiền đường, bất cứ ngồi bao nhiêu người, cũng không thể có sự rầm rì, mọi người đều phải chuyên tâm chiếu cứ thoai đầu, từ từ dụng công.

LÀM SAO CỨU VĂN NỀN GIÁO DỤC THẾ GIỚI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Hiện nay chứng bệnh lớn nhất trên thế giới không dễ gì mà trị tuyệt chủng. Không phải ái tử bệnh (Aids), không phải bệnh nhọt, mà là nền giáo dục bị phá sản. Đây là bệnh lớn nhất của thế giới. Thử nghĩ xem, nếu nền giáo dục tốt thì ai ai cũng giữ quy củ, giữ pháp luật, giữ giới, thì không thể phóng ra độc khí nhiều như thế, khiến cho nhân loại toàn thế giới tán tận lương tâm. Nguyên nhân tán tận lương tâm đều vì nền giáo dục bị phá sản. Người đi học không như người đi học, thầy giáo không giống thầy giáo, học sinh không giống học sinh. Trong mỗi trường học đều là "dương thang chỉ phát", chẳng có ai "phũ để trừ tân".

"Dương thang chỉ phát" là gì? Ví như học sinh nam nữ trong trường học không giữ quy củ, nghĩa là không tiết chế dục niệm của mình. Bèn túng dục tham lam, nhưng lại sợ sinh con cho nên uống thuốc ngừa thai. Đây gọi là "dương thang chỉ phát" là biện pháp trị ngọn mà không trị gốc.

Phương pháp "Phũ để trừ tân" là nữ mộ trinh khiết, nam hiệu tài lương, học sinh nam nữ khi chưa thành thực thì không thể quá thân mật với khác tính, không thể lạm giao. Khi thành thực rồi cũng phải nhẫn nại một chút. Đợi khi chánh thức kết hôn rồi mới có quan hệ vợ chồng. Như thế thì không dùng uống thuốc ngừa thai, cũng không dùng thuốc phá thai, vì đây đều không phải là vấn đề giải quyết cứu kính. Thực ra mỗi trường học đều biết đạo lý này, nhưng không muốn "Phũ để trừ tân", mà chỉ dùng phương pháp "dương thang chỉ phát".

Nam nữ lạm giao trước khi chưa kết hôn, kết hôn rồi lại mau ly dị. Con cái sinh ra cũng không biết

ai là cha, ai là mẹ; khi sinh ra thì biến thành cô nhi, không có mái ấm gia đình, không có luân lý quan niệm xã hội, từ nhỏ đã lưu ly thất sở. Những trẻ em này ở với cha ba ngày, hoặc ở bốn ngày với mẹ. Ở với cha thì người cha tưới độc lên em bé: "Tại sao ba lại ly hôn với má? Vì má mày không giữ quy củ như thế như thế, không tốt như thế như thế". Khi ở với người mẹ thì người mẹ cũng tưới độc lên em bé: "Ba của mày là người xấu nhất trên thế giới, cho nên má không ở với ba của con". Đứa trẻ quen tai quen mắt, nổi khí oán hận cừu địch. Thậm chí người cha chơi với bạn gái, mang bạn gái về nhà mà không chiếu cố con cái. Người mẹ ly dị rồi cũng chơi với bạn trai, mang bạn trai về nhà, cũng không lo cho con cái. Những đứa nhi đồng này chưa trải qua giáo dục tốt của gia đình bèn trở thành vấn đề nhi đồng. Từ nhỏ đã chứa đầy phiền não oán hận, khi lớn lên không thể tưởng tượng được. Cha mẹ hư hỏng như thế thì con cái càng thêm tệ hại. Vì trong gia đình không có nề nếp giáo dục và nhà trường liên lạc với gia đình cho nên học sinh đến trường thầy giáo cũng không cách chi quản lý được. Học sinh chẳng nghe lời thầy cô, thậm chí có những thầy giáo dạy trẻ con hư hỏng như thế, do đó vấn đề nhi đồng ngày càng nhiều.

Muốn văn hồi sự suy đồi của thế giới, trước phải bắt từ gốc rễ mà làm, thanh niên nam nữ trước khi chưa thành thực không thể lạm giao. Thanh thiếu niên như mầm non, chưa trưởng thành đã nhổ lên rồi lại gieo giống xuống đất, đời sau nhất định sẽ khẳng kheo thua kém đi. Đồng lý ấy, thanh thiếu niên chưa thành thực, sớm đã sinh dục rồi, thì chủng tử đời sau sẽ không nảy mầm tráng kiện. Như đây một đời truyền một đời, mỗi lúc càng hạ lưu, tức là một đời so với một đời

ngu si. Đây là gốc rễ tai họa con đường đưa đến vong quốc diệt chủng.

Do đó, người thanh niên trước khi chưa trưởng thành, không thể lạm giao, khi trưởng thành rồi mới chính thức kết hôn. Không thể li dị, không thể dùng thuốc phá thai. Nhân khẩu thế giới bành trướng, mỗi cặp vợ chồng chỉ có thể sinh hai đứa, đó là pháp định tiết chế sinh dục. Nếu nước Mỹ có thể lãnh đạo áp dụng, kêu gọi toàn thế giới thì mỗi quốc gia có thể phụng hành, bằng không thì tương lai nhân khẩu bạo tác thì thế giới đi đến chỗ diệt vong.

Cha mẹ sinh con cái phải dạy dỗ cho tốt, dạy chúng tự ái hộ thân thể, gia đình, xã hội, quốc gia. Cha mẹ không nên để cho con cái tự ý phát triển, cho rằng đó là tự do. Thực ra đây là hiểu lầm tự do, mà chẳng phải chân chánh tự do. Không nên cho con cái xem truyền hình nhiều mà tai hại đến vấn đề học hành. Một số tiết mục đầy dẫy hoằng sắc, bạo lực, che mắt trí năng của nhi đồng, dẫn đến tán tận thiên lương. Cha mẹ và thầy giáo phải cùng nhau dạy dỗ thanh thiếu niên, phải quan tâm, quan tâm đến vấn đề xã hội quốc gia, để lợi ích toàn nhân loại. Do đó mới có hy vọng văn hời tai kiếp thế gian, nếu không thì nhân loại nhất định đồng quy ư tận.

CÂY CHƯỚNG NGÀN NĂM XIN QUY Y

Trần Tâm Bình

Thực vật cũng muốn quy y vào cửa Phật ? Trong Chùa Phổ Tế núi Phổ Đà tỉnh Chiết Giang Trung Quốc có một cây cỏ thụ tên Chướng đã 1989 tuổi, đã nhờ qua trung gian một người có thần thông, thỉnh cầu xin quy y với Hoà Thượng Tuyên Hoá ở Mỹ. Cây Chướng đã quy y vào ngày 23/10/1994 tại Chùa Trường Đê Long Beach, Los Angeles.

Chùa Trường Đê đối diện với thái bình dương, phong cảnh rất đẹp. Ngôi Chùa này do Hoà Thượng Tuyên Hoá sáng lập sau Chùa Kim Luân ở Los Angeles. Vào ngày 23 tháng 10 thời tiết ở đây mát mẻ ấm áp dễ chịu. Vào khoảng 8 giờ sáng, có khoảng 300 phật tử, trong đó có 21 vị

muốn xuống tóc xuất gia làm đệ tử Phật, cùng nhau tham gia lễ xuống tóc.

21 vị phát tâm xuất gia, trong đó có 4 người nam, 17 người nữ, đến từ Phần Lan bắc Âu, Gia Nã Đại, Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan, Hương Cảng, Tân Gia Ba, Mã lai và Việt Nam. Tuổi tác từ 6 tuổi đến 72 tuổi. Bà giáo sư họ Ngô dạy trường trung học Nhất Nữ nổi tiếng bên Đài Loan, lái xe từ Nữ Ước về Cali mất hết bốn ngày để xin xuất gia với Hoà Thượng. Còn có một cậu bé và cô em gái cũng xin xuất gia vào ngày đó. Cậu bé mới được 6 tuổi đã nói với ba mẹ của cô từ lúc cô mới tập biết nói, cô nói rằng : "Tương lai con muốn trở thành Ni Cô". Còn cậu bé anh của cô bé ba năm trước đã phát nguyện : "Con muốn trở thành một Tu Sĩ". Cha mẹ của cô cậu vừa nói ở trên là gốc người Đài Loan, là kỹ sư về máy điện toán và giáo sư trung học. Họ mong muốn cho con của họ có thể sớm thành Phật đạo, phổ độ chúng sinh. Ngoài ra còn có một cô bé gái người Việt theo dấu chân của bà ngoại và ông anh ruột 12 tuổi xin ghi danh xuất gia đã nửa năm qua. Cô ta đã mãn nguyện vào ngày 23 tháng 10 vừa qua. Khi hỏi cô ta tại sao còn quá nhỏ mà muốn xuất gia ? Cô ta nói tiếng Anh rất lưu loát, đầy tự tin nói : "Vì tôi muốn vào tù để nói Phật pháp cho những tù nhân".

Trong khoá lễ xuống tóc. Hoà Thượng cổ lệ những người mới vào cửa Phật : "Tu đạo là 'Thầy chỉ có trách nhiệm dẫn tới cửa, tu hành tại mỗi người !'. Nếu các con không chuyên tâm tu hành, chẳng dụng công thì dù các con có lạy Đức Phật Thích Ca làm thầy cũng chẳng có ích gì. Các con hãy tự mình nghĩ : 'Xuất gia là vì muốn chấm dứt sinh tử, là vì muốn khai ngộ, nếu vẫn giải đãi, không cố gắng tinh tấn tu hành thì xuất gia chẳng có ích gì'. Hôm nay các con xuất gia, tức là bước đầu tiên hướng đến thành Phật, đều phải sớm thành Phật đạo".

Sau khi khoá lễ xuất gia kết thúc, buổi chiều sẽ cử hành lễ quy y và thọ ngũ giới, thập giới, Thúc Xoa Ma Na giới. Trong lúc khoá lễ thì một vị cư sĩ họ Dương (Cô này đã khai mở ngũ nhãn. Không những cô ta đã khai mở ngũ nhãn mà cha của cô cũng khai mở ngũ nhãn), đệ tử của Hoà Thượng, đặc biệt từ Trung Quốc gọi điện thoại sang nói : "Tôi và cha của tôi đến núi Phổ Đà để lễ Phật thì gặp một cây cỏ thụ (cây Chướng) rất lớn khoảng mấy người ôm. Cây đó nói với tôi rằng : Nó muốn quy y với Hoà Thượng Tuyên

Hoá. Tôi cảm thấy rất kỳ quái, mới hỏi nó : Ông ở tại Chùa này đã lâu năm, chẳng lẽ không gặp một người nào là người chân chánh tu hành để quy y chăng ? Còn nhất định muốn quy y với Hoà Thượng Tuyên Hoá ?" Cây Chướng nói : Nó chưa gặp một vị chân chánh tu hành để quy y ; trước kia vì nhân duyên không thành thực, bây giờ muốn quy y với Hoà Thượng. Tôi nói : "Vậy thì tốt ! Nhưng đợi để tôi hỏi Hoà Thượng rồi hãy trả lời cho ông hay". Sau đó, tôi về nhà nghỉ ngơi, vì mệt quá nên đã ngủ say, khi tỉnh dậy thì quên mất việc đó, chẳng nói với Hoà Thượng để thỉnh ý Hoà Thượng. Buổi chiều, tôi nghĩ muốn đi Chùa, song le khi xuống lầu, tôi muốn quay đầu nói chuyện với ba tôi thì tự nhiên cái cổ cứng đờ, may là nó không gãy, trong tâm tôi lập tức nghĩ : "Mình có làm việc gì sai chăng ?" Đang suy nghĩ, quay qua thấy cây Chướng ở trong Chùa, liền biết ngay là mình quên thực hiện lời hứa với cây Chướng. Lúc đó cây Chướng nói với tôi : "Sao cô lại sơ ý ? quên mất việc tôi nhờ cô !" Tôi nói : "Xin lỗi, xin lỗi ! Vì trí nhớ của tôi kém quá, ông đừng giận tôi nhé, bây giờ tôi sẽ hỏi Hoà Thượng cho ông". Tôi bèn thỉnh ý Hoà Thượng. Hoà Thượng nói : "Làm hay không làm đệ tử của tôi chẳng quan trọng, chỉ cần làm được 'siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si', thì tốt rồi". Tôi chuyển lời đến cây Chướng và thêm : "Chỉ cần ông giữ được sáu đại tông chỉ của Vạn Phật Thành : Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tư lợi, không nói dối thì dù ông không có duyên gặp Hoà Thượng, ông cũng là đệ tử của Hoà Thượng". Ông ta trả lời là làm được những điều đó, còn phát thế đại nguyện lực giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, tương lai cũng muốn phổ độ chúng sinh. Lúc đó, tôi nhìn thấy ông ta đã thành hình tượng một tiểu Sa Môn, quỳ xuống đất chấp tay lại, và lúc đó Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện ở phía trên ông ta, dùng nước cam lồ trong tịnh bình quán đánh cho ông ta, tôi nhìn rồi rất cảm động. Sau khi về nhà tôi thuật lại từng chi tiết cho Hoà Thượng hay. Ông ta tên là Nhân Năng. Tôi hỏi ông ta tu hành thì nương tựa vào đâu mà tu hành ? Ông ta nói ông ta cứ niệm "Tâm Kinh", để nghiên cứu đạo lý trong "Tâm Kinh"; nhưng còn thiếu "minh sư" chỉ điểm, nên không thể hoàn toàn hiểu hết.

Từ khi cư sĩ họ Dương là Phật tử kiên thành lại có thần thông để nói chuyện và hiểu các loài chúng sinh khác, do vậy mà cây Chướng bèn nhờ cô ta,

xin Hoà Thượng quy y. Từ đây có minh nhãn thiện tri thức chỉ điểm. Cư sĩ họ Dương đặc biệt hỏi cây Chướng đó là làm thế nào mà ông biết được Hoà Thượng ? Tại sao nhất định muốn quy y với Hoà Thượng ? Cây Chướng nói : Thật đơn giản ! Vì hết thấy tất cả chúng sinh, trên thật tế đều nghe được Hoà Thượng thuyết pháp. Vì lúc Hoà Thượng thuyết pháp thì tận hư không biến pháp giới tất cả chúng sinh đều nghe được, thấy được ; chỉ có những người bị tài, sắc, danh, lợi trói buộc cho nên nghe mà chẳng nghe, nhìn mà chẳng thấy. Còn các chúng sinh khác đều nghe được pháp của Hoà Thượng giảng trong sự yên lặng và tu hành trong sự yên lặng, tài bồi hạt giống bồ đề. Cho nên, ông ta đã nghe Hoà Thượng thuyết pháp từ lâu rồi.

Trước khi kết thúc khoá lễ quy y. Đặc biệt Hoà Thượng khai thị xiển minh quan trọng của sự tu đạo : "Bất cứ bạn là gì , bạn có tư tưởng chân thật, tư hào chẳng cầu thả, đừng làm điều mà người đời làm, mà phải đi ngược lại với người thế tục thì bạn sẽ đắc được lợi ích của Phật giáo. Cho nên, các vị xuất gia, tại gia đều phải làm Phật giáo đồ chân chánh, khác với một số người, dùng giống như một số người : Tranh, tham, cầu, ích kỷ, tư lợi, suốt ngày đến tối chẳng lúc nào mà không nói dối. Đây là điều quang trọng thiết yếu ! Sáu đại tông chỉ này là bước thứ nhất học Phật, bước thứ nhất thành Phật, chúng ta đừng quên nó ! Đừng coi thường nó ! Cũng phải học nhiều về sự thiệt thòi, đừng chiếm tiện nghi".

☐ Kể từ ngày 07 / 10 / 2001, Chùa Kim Quang mở khoá thuyết giảng giáo lý và ngài thiên (có hướng dẫn ngài thiên), vào khoảng 3 giờ chiều mỗi chủ nhật.

☐ Chùa Kim Quang vừa phát hành thu băng Phật Pháp 1, 2, 3 tổng cộng là 6 băng. Băng chú Đại Bi giảng giải 3 băng và 10 Pháp Giới 2 băng, đều do H.T Tuyên Hoá giảng giải. Và phát hành thu vào đĩa CD Chú Đại Bi và 10 Pháp Giới. Ai muốn thỉnh xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

☐ Và có đĩa nhạc CD Âm Tình Quê Mẹ để cho thỉnh.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Les Arhats de la deuxième étape sont appelés Saksdagamin, qui veut dire "retournant une fois". Les Arhats de la première étape doivent subir plus de sept renaissances, mais les Arhats de la deuxième étape sont appelés les retournants une fois parce qu'ils ont besoin seulement de renaître d'être nés une fois dans les cieux et une fois parmi des hommes.

Les Arhats de la troisième étape sont appelés les Anagamins, qui veut dire "ne jamais revenir". Ils ne subissent plus le cycle de la naissance et de la mort.

La première étape d'Arhatship est appelé "la position de voir" la voie. La deuxième et la troisième étape s'appellent les positions de pratiquer la voie, parce qu'ils doivent encore à ce stade pratiquer la doctrine. La quatrième étape est appelée la position au delà de l'étude. Ils n'ont plus besoin d'étudier. A la position au delà de l'étude, la naissance et la mort, c'est à dire la part du partage, ont cessé d'exister, mais ils n'ont pas encore achevé le changement de la naissance et de la mort. Il y a deux sortes de la naissance et de la mort : La naissance et la mort et le changement de la naissance et de la mort.

"La part" fait allusion à notre corps. Tout être vivant a un corps qui a une certaine taille et un certain poids et cela est appelé notre "part". Tout être vivant a sa propre vie particulière. Le changement de la naissance et de la mort se rapporte à la naissance et à la mort sans interruption comme la succession des pensées qui traversent l'esprit. Les Arhats n'ont pas terminé le changement de la naissance et de la mort. C'est seulement au niveau du Bodhisattva que le changement de la naissance et de la mort est achevé. Il y avait une discussion générale à propos de la signification du mot Arhat.

Le monde des pouvoirs spirituels et des actes miraculeux des Arhats de la quatrième étape est une épreuve inconcevable, délicate et difficile à décrire. Leurs pouvoirs spirituels sont totalement différents de ceux des religions non-Bouddhistes.

Ils ont cinq yeux et six pouvoirs spirituels; D'un saut, ils peuvent se lancer dans l'espace vide et rester suspendus droits dans l'air. Ils peuvent aussi marcher

dans l'air et rester debout sur leur tête suspendus dans l'espace. Ils peuvent faire jaillir des flammes du haut de leur corps et l'eau de leurs pieds, ou inversement du feu de leur pieds et de l'eau de leur corps. Ils peuvent voler et accomplir toutes sortes de transformations miraculeuses. En général, ils peuvent réaliser dix huit différentes métamorphoses. Parce qu'ils ont des pouvoirs spirituels, ils appartiennent aux quatre mondes des sages : Les Bouddhas, les Bodhisattvas, les Bouddha Pratyeka et les Shravaskas.

Il était une fois Arhat qui acceptait un jeune disciple. Un jour, tous les deux partirent en voyage, le disciple portait leurs affaires sur le dos; Il réfléchissait, "il n'y a vraiment rien de plus belle que la voie du Bodhisattva. Je vais l'étudier complètement et aider tous les êtres vivants". Au moment même où cette réflexion était venue au disciple, l'Arhat l'avait immédiatement su.

"Ah !" pensa ce dernier, "il a l'esprit d'un Bodhisattva. Je suis simplement un Arhat, alors, c'est moi qui dois porter le bagage", et il prit le paquet du disciple et le transporta.

Comme ils continuèrent à descendre la route, le disciple commença à penser à Shariputra. Lorsque Shariputra avait essayé de pratiquer la voie du Bodhisattva, il rencontra une personne qui cherchait quelqu'un qui voulait bien lui offrir un oeil. Il arrachait donc son oeil et le lui donna. Mais l'homme disait qu'il ne savait que faire de son oeil gauche et qu'il voulait l'oeil droit de Shariputra. Celui-ci se sentit écoeuré à tel point qu'il abandonna la voie de Bodhisattva. "La voie du Bodhisattva est vraiment trop difficile pour moi", pensa le disciple. "Je pratiquerai plutôt les dharmas d'Arhat afin d'obtenir mon propre salut".

Quand le maître avait perçu cette réflexion, il comprit que son disciple qui avait auparavant quitté le petit véhicule pour se tourner vers le grand, faisait maintenant le chemin inverse, avait maintenant retourné du grand pour tourner vers le petit.

Le maître lui retourna alors le paquet et lui dit : "Tenez, je ne peux plus porter ceci". Mais quelques instants après, l'esprit Bodhisattva du disciple

resurgit encore une fois et le disciple se détournait de nouveau du petit pour suivre le grand véhicule. Dès lors, l'Arhat reprit sur ses épaules le paquet. La curiosité du disciple l'emporta. "Pourquoi n'arrêtez-vous pas de passer, de reprendre et de repasser le paquet comme ça ?" Demanda-il.

"Quand vous faites naître l'esprit du Bodhisattva", dit l'Arhat, "Moi en tant qu'un simple Arhat, dois porter le paquet. Mais quand vous n'avez plus l'esprit du Bodhisattva, je ne suis pas obligé de le porter donc je dois vous le retourner.

Après avoir entendu ceci, le disciple sut que son maître était en effet extraordinaire. Il fit naître l'esprit Bodhisattva et pratiquait rigoureusement la voie du Bodhisattva. L'Arhat avait des pouvoirs spirituels qui lui permirent d'être libre partout où il allait.

Lorsque le Vénérable Ananda était sur le point de compiler les Sutras, il n'avait pas encore atteint la quatrième étape d'Arhatship, l'extinction des écoulements. Les Arhats qui se réunissaient pour organiser la convocation de la compilation des Sutras, décidèrent que pour participer à cette réunion, on devait être un Arhat de la quatrième étape. Par conséquent Ananda, qui était simplement un Arhat de la troisième étape, était obligé de rester dehors derrière la porte. Ils ne le laissèrent pas entrer. Et Ananda en fut extrêmement ennuyé. "Je me souviens de tous les Sutras que le Bouddha avait enseigné, mais maintenant je ne peux même pas assister à la réunion. Que je dois faire ?" Il était si agité - pas fâché, rappelez-vous, mais agité, qu'il parvint brusquement au quatrième fruit d'Arhatship. "J'ai atteint la quatrième fruit," cria-t-il. "Ouvrez la porte et laissez-moi entrer !"

Mais les Arhats à l'intérieur lui répondirent, "Vraiment ? Si vous êtes parvenu au quatrième fruit, vous n'avez pas besoin d'entrer par la porte ouverte. Passez par le trou de la serrure". Ananda qui lui avait été dit et passa par le trou de la serrure. Alors vous voyez, les Arhats n'ont pas besoin d'ouvrir la porte pour entrer dans une chambre. Si quelqu'un prétend être un Arhat, mais doit encore entrer par la porte, vous pouvez être sûr qu'il ment.

AYANT EPUISÉ TOUS LES ÉCHAPPEMENTS :

Au niveau de la quatrième étape d'Arhatship, on a épuisé tous les échappements; Il n'y a pas seulement une sorte d'écoulement. Combien de genres y en a-t-il ? D'une façon générale il y a 84.000 échappements et 84.000 afflictions. Les afflictions elles mêmes sont des échappements. Aviez-vous été affligé ? C'est un échappement. Où vont les écoulements ? Ils

s'écoulent dans les trois mondes : Le monde du désir, le monde de la forme et le monde sans forme.

Toutes les fautes sont appelées les échappements. Toutes les pensées du désir sont des écoulements. Vous aimez manger de la bonne nourriture c'est un échappement. Vous aimez écouter les sons agréables, c'est un échappement. Habiter dans une belle maison ou diriger une affaire florissante, c'est un écoulement. En générale, tout ce que vous désirez avec avidité et auquel vous ne pouvez pas renoncer, c'est un écoulement. Alors combien y en a-t-il ? Combien de choses ne pouvez-vous pas laisser de côté ?

Les échappements sont comme l'eau traversant une bouteille qui fuit quelle que soit la quantité d'eau que vous versez, elle s'écoulera toute. Avec des échappements, quand vous accomplissez des actes de mérite et de vertu, le mérite et la vertu s'enfuient tous ; vous ne pouvez pas les garder. Le corps humain est criblé d'écoulements : les yeux, les oreilles, le nez, la langue et les orifices éliminatoires sont autant d'orifices par où s'écoulent toutes sortes de matières. Les fausses pensées dans l'esprit sont aussi des échappements; Et il y en a une myriade, un nombre infini, même plus que 84.000.

Tous les écoulements se réfèrent aux principaux défauts et aux petites fautes. Toutes vos habitudes particulières et indésirables sont des échappements. Par exemple, le fait de toujours vouloir obtenir davantage ou bien le fait de courir après les hommes, c'est un échappement aussi. Ne pensez pas que ceci s'applique seulement aux hommes. Les femmes, en fait, ont même plus d'échappements que les hommes. Les femmes, elles sont assujetties aux pertes menstruelles. Pour être plus explicite, quand vous ne pouvez pas garder votre semence, votre énergie et votre esprit sombre dans l'échec, vous avez des échappements. Le plus grand échappement se produit au niveau des organes reproductifs mâles et femelles comme une fonction du désir sexuel. Il y a beaucoup, beaucoup d'écoulement.

Cependant, ces Arhats étaient arrivés à tarir tous leurs écoulements. Tarir ici, veut dire qu'ils y avaient mis fin eux-même. Cela ne signifie pas que leurs échappements s'étaient écoulés jusqu'à l'assèchement complet. Lorsque vous lisez les Sutras, soyez avisé (prudent) lors de leur interprétation. Ils n'avaient plus d'échappements, aussi plus rien ne s'écoulait. Ceci n'était pas la même chose que tous les échappements ne s'étaient pas écoulés.

Les Arhats de la quatrième étape ont obtenu la pénétration de l'extinction des écoulements, qui est un des six pouvoirs spirituels. Ces douze mille Arhats ont épuisé tous les échappements et n'avaient pas la moindre fautes. Ils étaient des sages.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Tathagata est un des dix titres du Bouddha. A l'origine tout le Bouddha avait dix mille noms. Avec le temps, les dix mille noms furent réduits en mille parce que les gens s'embrouillaient en essayant de se les rappeler tous. Pendant un laps de temps, tout Bouddha avait mille noms, mais les gens ne pouvaient toujours pas se les rappeler tous, alors on réduisait de nouveau jusqu'à cent noms, même avec seulement cent noms différents, les gens n'arrivaient pas non plus s'en souvenir., alors, ils furent diminués jusqu'à dix, qui sont :

1. Tathagata : Ayant accompli la voie qui est "Ainsi", il "vient" pour réaliser la propre illumination, la Bouddhété.
2. Digne des offrandes : Il est digne de recevoir les offrandes des dieux et des gens.
3. Celui d'une Parfaite et Universelle Connaissance.
4. Celui dont la Compréhension et la Pratique sont Complètes.
5. **Le Libérateur bien présent dans le monde.**
6. Le Seigneur Sans Egal.
7. Le Grand Régulateur.
8. Le Maître des Dieux et des Humains.
9. Le Bouddha.
10. Le Seul Honoré du Monde.

Tous les Bouddhas ont ces dix noms.

"La cause secrète" est l'essence principale du pouvoir Samadhi propre à tout le monde. Elle est dite "secrète" (plutôt que) "manifeste" car, bien qu'elle soit complète, présente dans toute personne, sans exception, mais les gens n'en sont pas forcément conscients. Et ainsi, c'est un secret. La quintessence du pouvoir Samadhi est celle du Tathagata, et à son tour, c'est la quintessence du pouvoir Samadhi de tous les êtres vivants. La seule différence est que les êtres vivants ne l'ont pas dévoilée et ainsi pour eux, elle reste un secret.

La pratique, sa réalisation pour le sens complet : La raison secrète doit être exercée et réalisée. Bien que l'étude de méditation et l'attentif du nom du Bouddha soient toutes deux, des moyens de la pratique du Bouddhisme, ici la pratique fait exclusivement

allusion à celle de l'étude de méditation. Par la pratique exclusive de méditation. On peut réaliser et obtenir le sens complet, qui est justement le non-sens.

"Est-ce pour dire qu'il est vide de sens ?" Le sens complet est la réalisation complète de tous les Dharmas du monde et du monde transcendant. Il n'y a pas de Dharma plus haut qui puisse être pratiqué, pas de Dharma plus haut que l'on puisse démontrer. "Le Chant de l'Illumination" du Grand Maître Yung Chia exprime le sens absolu :

*N'avez-vous pas vu l'être de la voie,
Qui surpasse tout apprentissage
Et, dans ses moments de loisirs, ne fait rien ?
Il ne chasse ni les réflexions erronées
Ni ne recherche la réalité . . ."*

L'être de la voie ne fait rien du tout. Il ne chasse pas les fausses pensées parce qu'il s'en est déjà débarrassé. Seul, celui qui n'en est pas encore entièrement délibéré, a besoin de les chasser. L'être qui marche dans la voie ne recherche pas la vérité parce qu'elle l'a déjà obtenue. Seul, celui qui ne l'a pas encore acquise a besoin de la chercher ces vers expriment le sens complet.

Réaliser le sens absolu est dit aussi être total parce que les principes enseignés par le Bouddha sont si complets que leur étude approfondie atteindrait la fin de tout "sens". Lorsqu'on a intégré tous les principes que Bouddha a enseignés alors, ils n'existent plus ; le sens est complet. Un sens incomplet laisse encore le "sens" en lui. Le sens complet est sans aucun sens du tout. Il est pur. Quand il est atteint, c'est la cause secrète, la matière principale du propre Samadhi. Atteignez la matière principale, et si vous appliquez alors vous réalisez le sens complet. Si vous n'en appliquez pas, vous ne pouvez pas atteindre le monde le sens complet, le grand sens qui enveloppe tous les sens.

"Mais vous avez dit que le sens complet n'existe pas", dites-vous. Oui, mais cette précieuse non-existence est la vraie existence. L'existence

relative n'est pas la vraie existence. Quand vous avez démontré le sens complet, il n'y a plus de sens pour vous à réaliser. Vous êtes parvenu au point final.

Il s'agit de l'état de la Bouddhité : La position du Bouddha. Mais si vous voulez atteindre l'état de la Bouddhité, vous devez continuer à pratiquer la voie du Bodhisattva. Cependant, le titre parle de toutes les innombrables pratiques des Bodhisattvas. "Toutes" peuvent se reporter au nombre incalculable des pratiques des Bodhisattvas. En général, il y a cinquante cinq positions de la Bodhisattvaïté qui peuvent être expliquées en détail plus loin dans le texte. Elles comprennent les dix fois, les dix demeurs, les dix pratiques, les dix transmissions, quatre pratiques assistantes, les dix causes, l'illumination égale et la merveilleuse illumination. Chaque position a en elle des millions de Bodhisattvas. Ainsi, les cinquante cinq étapes ne se réfèrent pas seulement cinquante cinq Bodhisattvas, mais plutôt à cinquante cinq niveaux à travers lesquels passent d'innombrables Bodhisattvas.

Les innombrables pratiques sont des nombreux moyens dans lesquels les Bodhisattvas pratiquent. On dit qu'il y a 84,000 portes dharmas, mais le titre se reporte seulement à elles comme les myriades pratiques. En outre de leurs innombrables pratiques, les Bodhisattvas pratiquent aussi les six Paramitas -- appelés aussi les six libérations et les six perfections.

Paramita, un mot Sanscrit, veut dire littéralement "arrive à l'autre bord". Il veut dire aller jusqu'au bout de tout ce que vous entreprenez. Si vous décidez de devenir un Bouddha, alors la réalisation de la Bouddhité est le Paramita. Si vous voulez aller à l'université et obtenir un doctorat, le paramita est le fait d'atteindre le grade du docteur. Si vous avez faim et vous voulez manger, alors quand vous êtes rassasié, c'est le paramita. Si vous avez sommeil, allez-vous coucher, c'est le paramita. Le mot Sanscrit paramita est transcrit en chinois comme "bwo lwo mi". Bwo lwo est le terme chinois pour ananas, et mi veut dire miel. Ainsi, il est dit que le fruit du paramita est plus sucré que l'ananas.

Les Bodhisattvas pratiquent les six paramitas qui sont :

1. La donation.
2. La moralité.
3. La patience.
4. La vigueur.
5. Le Samadhi de méditation.
6. La sagesse.

Il y a trois sortes de donation : Le don de la richesse, le don de Dharma et le don du courage.

La richesse : Bien que l'argent soit une des choses les plus aimées dans le monde, il représente aussi le concept le plus sordide que l'on connaisse. Il suffit juste de considérer entre combien les mains il a pu passer et de penser au nombre de microbes qu'il véhicule. Dans le Bouddhisme, l'argent est considéré comme malpropre. D'abord, parce que son origine est souvent illégitime. Il a pu être dérobé ou obtenu par détournement.

"J'ai gagné mon argent en travaillant".

"Il est propre".

Même si votre argent vient des origines légitimes, vous ne pouvez pas non plus nier de faire que l'argent est quand même malsain et recouvert de microbes. Même alors, tout le monde continue à l'aimer. Et quand l'argent passe de main en main, en sachant que de nombreuses personnes s'humectent leurs doigts lorsqu'ils comptent les billets, il n'est pas étonnant de penser qu'il est porteur de maladie infectieuse. Malgré cela, personne ne craint d'avoir beaucoup d'argent. Même si vous me donniez tout argent que l'Amérique possède, je ne penserais pas que cela aurait été beaucoup trop. Et si tout cet argent vous était donné, je crois que vous n'en auriez pas fait objection non plus. Mais lorsque vous avez beaucoup d'argent, vous avez aussi beaucoup de soucis. La nuit, votre sommeil est troublé car vous devez vous occuper à chercher l'endroit où le cacher. Puisque l'argent vous préoccupe fondamentalement, il ne peut être une bonne chose. Malgré cela, la plupart des gens en raffolent et ne peuvent y renoncer. Celui qui délaisse l'argent, pratique le paramita du don et applique la voie du Bodhisattva.

Il n'est pas facile de donner à autrui. Notre esprit constitue la jonction du yin et du yang, la zone de bataille de la raison et du désir. Par exemple, une personne voit quelqu'un dans une situation désespérée sans la moindre nourriture et décide de l'aider et étant une personne importante, il décide de donner au pauvre un dollar. Il met sa main dans sa poche, mais tout à coup son désir de donner l'arrête et il commence à avoir des pensées suivantes, "attendez une minute. Je ne peux pas lui donner ce dollar. C'est le dernier qui me reste. Si je le donne, je n'aurai pas du tout de l'argent pour le bus et je devrai marcher. Je ne peux pas le faire". Le premier réflexe de cette personne était altruiste, mais il est immédiatement suivi par une deuxième réflexion où son propre intérêt l'emporte sur celui de son prochain. Alors il remet

l'argent dans sa poche et ne le donna pas. C'est de cette façon que généralement les choses se passent, que ce soit à grande ou à petite échelle. Pour tout humain, qu'il ait en sa possession un seul centime ou plusieurs millions de dollars, la première impulsion est souvent de donner, mais à la deuxième réflexion, c'est son propre intérêt qu'il privilégie. Faire don de sa richesse n'est pas aisée. Certaines personnes vont jusqu'à penser, "je serais stupide de vous donner mon argent. Pourquoi vous ne me donnez pas le votre ?" C'est facile de parler de donation, mais quand il s'agit de le faire, c'est très difficile.

Quand j'étais jeune, je ne savais pas compter. Chaque fois que j'ai de l'argent, je le donnais. Si j'avais un dollar, je le donnais et si j'avais deux dollars, je les donnais tous les deux. Je ne voulais pas posséder de l'argent. La plupart des gens pensaient que mon attitude était très stupide, parce que je ne savais pas comment me couvrir. Je savais seulement comment aider les autres.

En faisant du bien aux autres, on fait naître l'esprit d'un Bodhisattva, et ceux qui font naître l'esprit d'un Bodhisattva profitent aux autres plutôt qu'à eux-mêmes. Ils disent, tant pis si je dois souffrir et subir la misère, mais je ne veux pas que d'autres souffrent. Les Bodhisattvas font du bien toujours aux autres en pratiquant la bonne conduite sans se soucier des conséquences même si ces dernières leur sont défavorables.

Certaines personnes passent tout leur temps à s'assurer qu'ils obtiennent un bénéfice. Quand ils ont l'intention d'acheter quelque chose, ils font beaucoup de comparaisons en faisant des achats, jusqu'à ce qu'ils obtiennent le plus bas prix. Mais ce qu'ils finissent par acheter, se retrouve plus cher d'une manière ou d'une autre. Les objets neufs qui d'après les épreuves scientifiques seraient solides, se brisent dès que vous les utilisez. Ainsi, vous pensez initialement avoir beaucoup gagné et finalement, vous y perdez. Au lieu d'avoir un tel comportement calculateur et égoïste, vous feriez mieux de travailler pour le bien d'autrui.

Mes explications des Sutras et du Dharma sont le don du Dharma. Ainsi, on dit :

*"Parmi toutes sortes d'offrandes,
Le don du Dharma est le supérieur".*

L'argent que vous donnez peut être compté, mais le don du Dharma ne peut être calculé. Quelqu'un vient écouter de devenir illuminé et d'être capable de concevoir la vérité absolue. Pouvez-vous imaginer combien de mérite un tel don peut apporter ? Car le

don d'une phrase de Dharma peut permettre à quelqu'un de réaliser la Bouddhité. C'est le don le plus précieux.

Le don du courage se produit par exemple, quand vous apportez le calme aux victimes d'un cambriolage ou d'un incendie ou de n'importe quelle catastrophe qui les rend très bouleversés ou affolés. Vous pouvez les soulager et les rassurer en disant quelque chose comme, "ne vous inquiétez pas, tous les problèmes peuvent être résolus". Par exemple, il y a quelques jours, une des laïques a perdu son sac à main. Je remarquai qu'elle avait l'air inquiet et lui demandai ce qui lui est arrivé.

"J'ai perdu mon sac à main", pleurait-elle, "que je vais faire maintenant ?"

"Ne vous inquiétez pas", je la rassurai, "vous le retrouverez. Il se trouve qu'il y avait quelque chose de magique dans mes paroles. Elle retournait à l'endroit où elle l'avait perdu et elle l'a retrouvé là où elle l'avait laissé. Ceci est un exemple du don de courage. "N'ayez pas peur", lui dis-je. "Ce n'est qu'un petit problème. Vous devez rencontrer des problèmes beaucoup plus importants que celui-ci. Si vous pouvez résoudre les petits problèmes, vous pouvez aussi le faire pour les plus grands".

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Texte :

LE MERVEILLEUSEMENT PROFOND
DHARANI
L'IMPASSIBLE HONORE
LE SHURANGAMA-ROI-LE PLUS AVANCE
SE TROUVE RAREMENT DANS LE MONDE.

Commentaire : Qu'est ce que c'est "Merveilleusement Profond ?" Merveilleux veut dire inimaginable et ineffable. Il signifie que vous ne pouvez même pas le penser. Si vous pouviez le penser alors le connaissiez et ce ne serait pas appelé "merveilleux". Ce qui est "merveilleux" est au-delà de vos espérances. Votre pensée ne peut pas l'atteindre. Alors, cela est appelé inimaginable. "Profond" se réfère à sa profondeur. Il est non seulement extrêmement merveilleux, il est aussi extraordinairement profond. Extraordinairement inimaginable ; merveilleux et profond. Dharani a la signification de "réunir et maintenir".

*"Réunissez tous les Dharmas
Retenez toutes les significations".*

Quand vous unissez tous les Dharmas, alors vous les renfermez tous. Quand vous retenez toutes les significations, cela veut dire que vous les acceptez et ainsi vous les maintenez. "Merveilleusement profond" veut dire la parfaite fusion de l'évident et du caché". On dit alors que Dharani signifie "universellement répondant en accord avec les conditions", c'est à dire, à travers tout l'espace vide et le monde du dharma en entier.

Là où il y a besoin,

Il passera naturellement

Aucune question ne sera sans réponse.

Impassible : Sa substance fondamentale est éternellement tranquille. Sa composition principale est : Tranquille et impassible, pourtant pénétrant partout.

"Merveilleux profond", "Dharani" et "l'impassible", ces trois sont tous merveilleusement profond. Les trois sont un.

Tous les trois merveilleusement profond, Dharani et impassible sont le Dharani. Ainsi, l'un est aussi les trois. Et, tous les trois sont impassibles. Ce qui est merveilleusement profond est impassible, le Dharani est impassible et ce qui est impassible est bien sûr impassible. Alors, ils ne sont pas trois et ils ne sont pas un. Ils sont un et ils sont aussi trois. Chacun d'entre eux a sa propre signification, mais chacun peut aussi être défini par les autres. Alors on dit que les trois sont un et l'un est trois. Ils ne sont ni un ni trois et ils sont un et ils sont trois.

Seul Honoré se réfère à celui honoré dans le monde et au-delà du monde. C'est un des titres du Bouddha. Le Shurangama -Roi Le Plus Avancé Se Trouve Rarement Dans Le Monde. Cette ligne fait l'éloge du Grand Samadhi du Shurangama. Pour pratiquer ce grand Samadhi Roi est de pratiquer le Shurangama Roi, parce que ce Samadhi peut produire tous les Samadhis. Il n'y a pas de Samadhis qui ne provienne de ce Samadhi - - "Le Shurangama Roi le plus avancé". Il "se trouve rarement dans le monde". C'est rare. Ce n'est pas facile d'avoir ce Dharma dans le monde. C'est le Dharma le plus difficile à rencontrer. Après que le Bodhisattva Manjusri ait employé le Mantra du Shurangama pour sauver Ananda et le ramener, Ananda était reconnaissant de la profonde bonté du Bouddha. Pour exprimer sa reconnaissance, il utilisa ce verset :

Texte :

IL DISSIPE MES PENSEES DISPERSÉES
RASSEMBLÉES DANS LES MILLIONS
D'EONS.
ALORS JE N'AI PAS BESOIN DE SUBIR LES
EONS D'ASAMKHEYA
POUR ATTEINDRE LE CORPS DU
DHARMA.

Commentaire : Pourquoi les gens ont-ils des fausses connaissances et visions ? La connaissance déviante et les visions déviantes ? Et les pensées dispersées et utopiques. C'est parce que des Kalpas sans commencements, nous avons eu des réflexions -- pendant des billions de Kalpas--des Kalpas sans commencements jusqu'à maintenant. Qu'est ce que la réflexion dispersée ? On confond le permanent avec l'impermanent et confond l'impermanent avec le permanent. On prend ce qui existe comme le non existant et prend ce qui n'existe pas comme existant. On poursuit les fausses conditions et est dévié par eux. On ne peut pas éviter d'être dévié par les fausses conditions. Les gens sont changés et dévié par les conditions. Les gens n'essaient pas de maîtriser les conditions eux-mêmes ; les conditions les contrôlent. Les gens sont de nouveau transformé par les vents du Karma. Leurs fautes peuvent paraître légères, pas une grosse affaire, mais juste à cause de ces petites erreurs, ils manquent totalement la pure nature et la brillante substance de l'éternel, le vrai esprit. Ils manquent complètement le coup ! Alors c'est la dispersion : Ce à quoi vous ne devriez pas songer, vous y allez et vous y pensez ; ce à quoi vous ne devriez pas avoir envie, vous en êtes avide ; ce à quoi vous ne devriez pas être en colère, vous êtes en colère ; ce à quoi vous ne devriez pas être dispersé, vous en êtes dispersé, vous persistez et êtes confus. C'est tout cela la pensée dispersée ! Pour le dire plus clairement, votre égoïsme est la pensée dispersée. Si vous ne réagissez pas dans l'intérêt de tous les autres, mais juste pour vous-même, c'est la pensée dispersée ! Pourquoi ne pouvons-nous pas échapper de la roue tournante de la naissance et de la mort ? C'est parce que nous avons cette pensée dispersée. Ce que nous voulons faire en pratiquant est d'anéantir cette pensée dispersée. Comme Ananda a dit, "Il Dissipe Mes Pensées Dispersées, Rassemblées Dans Des Millions d'Eons". Ananda était si intelligent, cependant il avait aussi la pensée dispersée. Il avait une extrêmement bonne mémoire.

Pour les Sutras que le Bouddha a parlé :

*Une fois qu'il a entendu,
Il ne l'oubliait jamais.*

Tout de même, il avait la pensée dispersée. Tout de même, quand il a rencontré la fille de Matangi, il est perturbé. Il l'a suivie dans sa maison des Kapilas, "la religion des blondes". A ce point il a eu des pensées dispersées. La cupidité du mâle et l'amour de la femelle est la pensée dispersée. Cette dispersion, la fausse réflexion s'étend des Kalpas sans commencements du passé jusqu'à présent. Le "Shurangama-Roi Le Plus Avancé", Le grand Samadhi, ce grand Dharma, qui est le Dharani merveilleusement profond, le seul Honoré Impassible, peut dissiper nos pensées dispersées des Kalpas sans commencements. "Alors je n'ai pas besoin d'en subir d'éons Asamkheya pour atteindre le corps du Dharma". En réalisant la Bouddhité, le Bouddha traversa trois grands Asamkheyas.

*"Il a pratiqué la bénédiction et la sagesse
pendant trois Asamkheyas,
Il a perfectionné les beaux signes et les
caractères pendant cent Kalpas".*

"Les beaux signes et les caractères" se réfèrent aux trente deux empreintes et quatre vingt signes délicats du Bouddha. Les "Kalpas" sont des grands éons. "Asamkheya veut dire un nombre infini. Ici il a pris "trois éons Asamkheyas. Pouvez-vous le compter -- combien de fois représenteraient les trois nombres infinis ? Même un ordinateur ne serait pas capable de calculer un nombre infini.

Le Vénérable Ananda dit, "Alors, je n'ai pas besoin de subir Asamkheya d'éons obtenir le corps du Dharma". "Obtenir le corps du Dharma", c'est réaliser la Bouddhité. C'est obtenir la maîtrise du moi du corps du Dharma et avoir les transformations des pouvoirs spirituels. Si vous récitez le Mantra Shurangama avec la sincérité, vous n'êtes pas obligé de mettre tant de temps avant d'obtenir le corps du Dharma.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA.

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Après le Bouddha avait fini de parler du Merveilleux Sutra Du Lotus De La Vraie Loi, Le Sutra Du Nirvana, Le Sutra Du Bouddha Lègue L'enseignement, Le Sutra Du Ksitigarbha et les autres, il annonça qu'il était sur le point d'entrer au Nirvana. Chacun de ses disciples pleurait. Les Bodhisattvas pleuraient les Arhats pleuraient et tous les Bhikshus et les gens ordinaires pleuraient même.

"Pourquoi pleuraient-ils ? Les Bodhisattvas et les Arhats avaient-ils encore de l'émotion ", demanda-t-on.

Le Dharma profond et compatissant que le Bouddha parlait avait été comme du lait qui les nourrissait. Ils avaient bu le lait du Dharma depuis plusieurs années, et maintenant leur source allait se sécher, alors ils pleuraient.

Ananda pleurait le plus, les larmes coulaient de ses yeux, son nez coulait et il ne savait rien d'autre que du chagrin. Il pleurait si fort qu'il oubliait tout. Le Vénérable Aniruddha, quoiqu'il soit aveugle, avait l'œil céleste et l'oreille céleste. Quand il entendait tout le monde pleurait comme s'ils étaient devenus fous, il prit Ananda à l'écart et lui demanda " Pourquoi pleurez-vous ? "

" Ah ", gémit Ananda, " le Bouddha va entrer dans le Nirvana et nous ne le reverrons plus jamais. " "Qu'est-ce que vous voulez dire, Pourquoi pleurez-vous ? "

Le vénérable Aniruddha dit : " Ne pleurez plus, vous avez encore des choses à faire.

Essayez de vous redressez un peu."

Ananda dit, "quelles choses importantes ? Le Bouddha va entrer dans le Nirvana, qu'est ce qu'il y reste pour moi à faire ? Je veux partir avec le Bouddha." Il voulait mourir avec le Bouddha.

"Cela ne se fera pas. C'est une erreur de dire une chose pareille."

"Eh bien, que voulez-vous que je fasse ?"

Le Vénérable Aniruddha dit : " Il y a quatre questions vous devriez demander au bouddha."

"Quatre questions ! Maintenant que le Bouddha est sur le point d'entrer dans le Nirvana .Comment peut-il y avoir encore des questions ?

Je ne peux pas demander au Bouddha de ne pas entrer dans le Nirvana n'est-ce pas ?"

"Non"

"Quelles sont les quatre questions ?"

Le Vénérable Aniruddha dit, "la première question : Après le Bouddha entre dans le Nirvana, les Sutras devraient être compilés. Quels mots, termes devrions nous débiter les Sutras ? Quel guide devrait-il y avoir ?"

Ananda entendit cela et dit, "Cela est vraiment important. Dès que je vous entendis dire ça, je savais que je devais demander à propos de cela.

Quelles autres questions y a-t-il ?"

"La deuxième question : Quand le Bouddha était dans le monde, nous vivions avec le Bouddha. Après le Bouddha fait la traversée jusqu'à l'extinction, après qu'il entre dans le Nirvana, où devrions-nous demeurer ?"

Ananda se sécha ses yeux et s'essuya son nez. Il dit, " c'est aussi très important. Juste. Quand le Bouddha était dans le monde, le groupe en entier de douze cent cinquante Bhikshus vivaient ensemble avec lui. "

A présent, il (est) va rentrer dans le Nirvana, qui devrions-nous pendre pour Maître ? Nous devrions choisir une personne d'entre nous. Nous ne pouvons pas diriger sans un maître !"

"Juste". Cela devrait être aussi demandé. Quelle est la quatrième question" La quatrième question est extrêmement importante : Quand le Bouddha était dans le monde, il pouvait discipliner mes Bhikshus qui sont de mauvais caractères."

Le Bhikshus de mauvais caractères sont ceux qui quittent le foyer et ne suivent pas les règles. "Après le Bouddha entre dans le Nirvana qui les disciplinera ?"

Ananda dit, " Bien. Maintenant les Bhikshus de mauvais caractères nous (considérons) interrogeront leurs égalités et nous ne serons pas capables de les discipliner. Cela est un réel casse-tête. D'accord, j'irai trouver le Bouddha et lui demande conseils sur ces problèmes."

Ananda allait tout droit à la chambre du Bouddha. Bien qu'il n'avait pas lavé son visage, ses yeux étaient secs et son nez était propre, et il était loin d'être aussi laid que quand il avait été pleuré. Le Bouddha était au bord d'entrer dans la concentration, et Ananda n'avait pas de temps à perdre.

"Bouddha ?" dit-il, "Honoré du monde ? J'ai quelques problèmes très importants auxquels j'ai besoin de votre conseil. Pouvez-vous me répondre maintenant ?"

Le Bouddha savait déjà que son cousin et le plus jeune disciple était venu pour questionner, et il dit, "Certainement je peux vous répondre. Quels sont vos problèmes ?"

“Ce ne sont pas mes problèmes, ils sont les problèmes du Bouddha, problèmes de l’enseignement du Bouddha, problèmes de tous les grands Maîtres ! Je ne peux pas les résoudre, et alors je suis venu chercher l’instruction compatissant du Bouddha. J’ai entendu beaucoup de Sutras et ouvert beaucoup de sagesse, mais maintenant, se heurté à cet événement important, je ne peux pas le prendre en main. J’ai besoin de vos conseils, Bouddha.”

“D’accord, parlez.” dit le Bouddha.

“La première question est, après le Bouddha entre dans le Nirvana, nous voulons compiler les Sutras. Quels mots devrions nous les débiter pour montrer qu’ils sont les Sutras du Bouddha ?”

Le Bouddha dit, “Utilisez les quatre mots “Ainsi, j’ai entendu”.

“Ainsi, j’ai entendu ! D’accord, je me souviendrai”, dit Ananda, “quelle est la réponse pour la deuxième question ?”

“Quelle est la deuxième question ? Vous ne l’avez pas encore posée, Ananda, “je ne l’ai pas ? Oh, la prochaine question est où devrions nous vivre ?

Nous sommes si nombreux. Comment nous entendrons ? où habiterons-nous ?”

“C’est un petit problème”, dit le Bouddha. “Vous devriez habiter dans les quatre domiciles de la concentration.”

Ce sont :

1. Contemplation du corps comme impur.
2. Contemplation des sentiments comme souffrance
3. Contemplation des pensées comme impermanentes et
4. Contemplation des Dharmas comme dépourvu du Soi.

“La troisième question. Vous étiez notre maître, mais quand vous entrez dans le Nirvana qui sera notre Maître ? Sera-t-il le plus âgé ? Le Grand Kasyapa est le plus âgé. Sera-t-il quelqu’un d’un certain âge ? Ce serait Ajnatakaundinya. S’il s’agit le plus jeune. Je suis le plus jeune mais je ne peux pas être le Maître. Je ne peux pas le faire, Bouddha.”

Le Bouddha dit, “Prenez le Pratimoksa pour votre Maître.” Le Pratimoksa est le Vinaya. Les préceptes et les règles. “Prenez les préceptes pour Maître.”

Le Bouddha dit que tous les gens qui ont quitté leur foyer pour se faire religieux devraient prendre le Pratimoksa pour Maître. Par conséquent si vous voulez quitter la vie de famille vous devez certainement recevoir les préceptes.

Si vous ne recevez pas les préceptes, alors vous n’avez pas de Maître.

Quand on quitte la maison, il devrait recevoir les préceptes du Sramanera les préceptes du Bodhisattva et les préceptes du bhiksu. Celui qui a pris seulement les préceptes du Sramanera et les préceptes du Bodhisattva, mais n’a pas pris les préceptes du bhiksu, a quitté seulement la maison en partie.

Quitter la maison entièrement, on prend les préceptes complets pour Maître.

“Maintenant nous avons un Maître”, dit Ananda, “Mais parmi nous, il y a des Bhikshus de mauvais caractère. Pendant que vous étiez dans le monde, vous les avez (dirigés), gouvernés, Bouddha. Que devrions-nous faire d’eux quand vous ne serez plus là ?”

Durant le temps du Bouddha, il y avait six Bhikshus qui étaient très turbulents. Ils perturbaient constamment la pratique des autres. Si les gens étaient maintenus les préceptes et les règles, ces Bhikshus essayaient de les empêcher. Bien que ces six Bhikshus ne suivaient pas les règles, aucun d’eux n’était aussi désobéissant qu’un bhiksu moyen d’aujourd’hui.

“Que devrions-nous faire des Bhikshus de mauvais caractère ?” demanda Ananda.

“Oh, ça” dit le Bouddha, “est très facile. Vous devriez être silencieux et ils s’en iront. Ne parlez pas avec eux. Après tout, ne sont-ils pas mauvais ? ne sont-ils pas turbulents et désobéissants ? Ignorez-les. Ne parlez pas avec eux. Ils s’ennuieront et partiront tout seul.”

Ce sont les réponses du Bouddha pour les quatre questions.

(à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENERALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Outre les sept classements des titres du Sutra, les textes comprenant le Tripitaka en entier, ou le Canon Bouddhiste, peut être divisé en douze catégories :

1. Les vers en prose.
2. La répétition des significations présentées dans les vers en prose, en vers courts rendent le texte facile à mémoriser.
3. Les prédictions de la Bouddhité. Bien que les futurs Bouddhas n'ont pas encore réalisé la Bouddhité. Le Bouddha présent prédit leurs accomplissements éventuels et les donne chacun un nom.
4. Les interjections ne s'accordent pas avec les principes qui viennent avant ou après elles. Elles s'élèvent seules, comme les vers courts dans le Sutra du Vajra.
5. Le Sutra D'Amitabha parlé par le Bouddha. Appartient à la catégorie des Sutras "parlé sans demander". Les (auditeurs du son) disciples de l'auditeur du son n'étaient pas prêts à comprendre les doctrines de la branche du Dharma de la Terre Pure et les Bodhisattvas n'avaient pas conçu cette méthode ou entendu parlé du vœu d'Amitabha pour sauver tous les êtres. Tout le monde dit qu'en récitant le nom du Bouddha était un passe-temps d'une vieille femme et que ceux avec la sagesse n'ont pas besoin de l'étudier. C'est une grave erreur, parce qu'à moins que vous récitez le nom du Bouddha, vous continuez à avoir des pensées inutiles, éparpillées, lascive et désir infesté. En récitant le nom du Bouddha débarrasse des pensées décousues. L'absence de telle pensée est merveilleuse. Le merveilleux dharma nous lave de cupidité, de la haine et de la stupidité. Lorsque j'avais dix sept ans, j'ai écrit un poème :

Le roi de tous les Dharmas est
Le seul mot "Amitabha".
Les cinq périodes et les huit enseignements
sont tous contenus dedans.
Celui qui se souvient résolument

Et récite son nom

Entrera dans le champs silencieux, brillant et impassible. Réciter le nom du Bouddha est beaucoup mieux que toutes vos idées folles.

Ce Sutra décrit les pratiques qui mènent à la Terre Pure du Bouddha. Les Bodhisattvas ne questionnent pas ce Dharma, parce qu'ils n'ont simplement pas compris les avantages subtils de la récitation du nom du Bouddha. Puisque personne n'a demandé ce merveilleux dharma, le Bouddha Sakya Muni a parlé sans la demande.

6. Les causes et les effets ont aussi parlé par les Bouddhas.
7. Les Analogies.
8. Les événements passés parlent les événements dans la vie des disciples du Bouddha.
9. Les vies antérieures parlent les événements dans les vies antérieures du Bouddha.
10. Les écritures universelles expliquent le principe d'une façon spécialement expansif.
11. Les nouveaux Sutras sont ceux qui n'ont jamais eu parlé avant.
12. Les commentaires.

Le message essentiel de ce Sutra nous enseigne à réciter le nom "Nam Mo Amitabha Bouddha". Le Bouddha Amitabha a une grande affinité avec des êtres vivants du monde Saha. Avant de réaliser la Bouddhité, il a fait quarante huit vœux et chaque vœu résolu d'emmener les êtres vivants à la Bouddhité.

En ce temps là, il était un Bhikshu nommé la Trésorerie du Dharma. Il dit "quand je réalise la Bouddhité, je fais vœu que les êtres vivants qui récitent mon nom réaliseront aussi la Bouddhité. Autrement, je ne serai pas non plus".

C'est similaire au vœu que le Bodhisattva Avalokitésvara a fait dans le Sutra de la Grande Compassion du Cœur Dharani ":Si quelqu'un qui récite ce Mantra spirituel n'obtient pas ce qu'il

recherche, alors ceci ne peut être pas la Grande Compassion Dharani".

Par le pouvoir de ses vœux, le Bouddha Amitabha mène tous les êtres de renaître dans son pays où ils atteignent la Bouddhité. Ce pouvoir attire les êtres vivants vers la Terre de l'Ultime Béatitude, juste comme un aimant attire les limailles de fer. Si les êtres vivants n'atteignent pas l'illumination, lui-même, il ne réalisera pas la Bouddhité. Par conséquent, tous ce qui récitent son nom peuvent réaliser la Bouddhité.

La branche du Dharma de la récitation le nom du Bouddha reçoit ceux tous les trois facultés et accepte à la fois l'intelligent et l'idiot. Les gens de la sagesse ont des facultés supérieures, les gens ordinaires ont des facultés moyennes et les gens idiots ont des facultés inférieures. Mais si on est intelligent, moyen ou stupide, si on récite le nom du Bouddha, on sera né définitivement sous forme d'un lotus dans la Terre de L'Ultime Béatitude. On ne traversera pas de l'utérus mais on entrera dans une fleur de lotus, vivre dedans pendant un moment et puis réaliser la Bouddhité. Que vous soyez idiot ou sage, vous pouvez réaliser la Bouddhité.

Vous dites, "je ne crois pas que vous pouvez réaliser la Bouddhité simplement en récitant le nom du Bouddha. C'est trop facile. C'est comme emprunter le pouvoir du Bouddha pour réaliser la Bouddhité".

Vous ne devriez pas ne pas croire ceci, parce qu'il y a longtemps, Amitabha a signé un accord avec nous qui dit, "après que je réalise la Bouddhité, vous pouvez réciter mon nom et vous réaliserez aussi la Bouddhité". Puisque nous avons signé, si nous récitons, nous sommes sûrs de devenir des Bouddhas.

De plus, en récitant le nom du Bouddha pose une fondation solide et sème de bonnes racines. Par exemple, il était une fois, un homme qui a voulu quitter la maison. Bien qu'il avait environ soixante dix ou quatre vingt ans ne pouvait pas se rendre à un endroit facilement et était conscience de sa mort proche, il pensait qu'il pouvait facilement quitter la vie de famille et être un grand maître du Bouddhisme. Quand il est arrivé au Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et du Solitaire, il trouva que le Bouddha Sakya Muni était sorti pour recevoir des offrandes. Ses disciples, les Arhats, ont ouvert leurs yeux célestes et ont jeté un coup d'œil aux causes antérieures de cet homme. Voyant qu'il n'avait pas fait une seule bonne action dans les quatre vingt milles grands éons passés, ils lui disaient qu'il ne pouvait pas quitter la vie de famille.

Quand il entendit ceci, l'esprit du vieil homme devint glacé et il est parti, en pensant, "si je ne peux pas quitter la maison, je me tuerai", juste comme il était sur le point de se jeter dans l'océan, le Bouddha Sakya Muni l'attrapa et dit, "qu'est ce que vous faites ?"

"J'ai voulu quitter la vie de famille", cria l'homme, "mais le Bouddha n'était pas dans le jardin et les grands Bhikshus m'ont dit que je ne pouvais pas parce que je n'ai pas de bonnes racines. Ma vie est dénuée de sens. Je suis trop vieux pour travailler et personne ne prend soin de moi ; Je pourrais aussi bien mourir".

Le Bouddha Sakya Muni dit, "Ne vous jetez pas dans l'océan. Je vous accepterai".

"C'est vrai?" Dit l'homme. "Qui êtes-vous ? Avez vous l'autorité ?"

Le Bouddha Sakya Muni dit, "je suis le Bouddha est ces Bhikshus sont mes disciples ; aucun d'eux n'objectera". Le vieil homme s'essuya ses yeux et se moucha. "Il y a l'espoir pour moi", il dit.

La tête du vieil homme était rasée. Il devint un moine et certifia immédiatement la première étape d'Arhatship. Pourquoi ? Lorsqu'il entendit qu'il ne pouvait pas quitter la vie de famille, il avait décidé de se noyer ; bien qu'il n'ait pas vraiment mort, il était comme mort. "Je me suis déjà dans la mer", il dit et renonçait tout son attachement à la vie. Il vit juste à travers tout, gagna son indépendance et réalisa la première étape d'Arhatship.

Ceci ennuya les Bhikshus. "Comme c'est étrange", murmurèrent-ils, "l'homme n'a pas de bonnes racines. Nous ne lui permettrions pas quitter la maison, mais le Bouddha l'a accepté et maintenant il a réalisé l'Arhatship. Les gens sans de bonnes racines ne peuvent pas faire cela. Une pareille contradiction dans l'enseignement ne se fera jamais ! Allons demander le Bouddha".

Alors, ils se trouvèrent devant le Bouddha, le saluèrent avec vénération et demandèrent, "nous sommes fondamentalement à l'esprit lucide. Comment ce vieil homme sans de bonnes racines pouvait-il certifier l'Arhatship ? Comment l'enseignement du Bouddha peut-il être si incompatible ?"

Le Bouddha Sakya Muni dit, "étant des Arhats, vous voyez seulement les événements des quatre vingt milles grands éons passés. Il y a plus que quatre vingt milles grands éons, le vieil homme était bûcheron. Un jour, dans les montagnes, il était attaqué par un tigre et grimpa rapidement sur un arbre. Le tigre sauta et cassa ses mâchoires mais manqua. Ce tigre, pourtant était plus malin

que le tigre d'ordinaire". Je vous montrerai, il dit, "je mâcherai à travers le tronc d'arbre et quand il tombe, je vous mangerai".

"Maintenant, si une souris peut ronger à travers du bois, les tigres peuvent réduire les os humain en poussière. Il mâchait à la moitié à travers l'arbre et fit peur le vieil homme dont la vie était suspendue sur un fil. Alors il se souvint, "pendant les dangers, les gens récitent le nom du Bouddha", et il criait

"Nam Mo Bouddha" Qui s'effraya le tigre et sauva sa vie ; Après cela, le vieil homme oublia de réciter et ainsi pendant les quatre vingt milles grands éons, il échouait de planter de bonnes racines. Cependant, le seul cri du "Nam Mo Bouddha" était la bonne action qui est mûr maintenant et lui permit de quitter la maison et réaliser le fruit".

(à suivre)

LE VERSET SUR LA TRANSMISSION DE DHARMA DU BOUDDHA VISHVABHU

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Le Bouddha Vishvabhu est le troisième des sept Bouddhas. Son verset sur la transmission de Dharma est :

Nous prenons les quatre éléments pour notre corps.

L'esprit est essentiellement non-né,

Il existe seulement grâce aux états.

Si les états devant nous n'existent pas,

L'esprit n'existera pas non plus.

*Les offenses et les bénédictions sont comme des
illusoires*

Qui se soulèvent et se fanent.

Ce verset nous dit de ne pas prendre au sérieux notre corps. Le corps est formé par l'association des quatre éléments : La chaleur appartient à l'élément du feu, le mouvement appartient à l'élément du vent, l'humidité appartient à l'élément de l'eau et la solidité appartient à l'élément de la terre. Ces quatre éléments de terre, de l'eau, du feu et du vent forment donc le corps. Ainsi, on dit : "Nous prenons les quatre éléments pour notre corps". Au moyen des quatre éléments, nous avons notre corps. "L'esprit est fondamentalement non-né ; il existe seulement grâce aux états". Notre esprit est essentiellement non-né et immortel, mais parce que nous nous attachons aux états, ce qui est né, meurt. Alors, le verset continue, "Si les états devant nous n'existent pas, l'esprit n'existera pas non plus". Si les états en face de nous cessent d'être, alors, l'esprit se disparaîtra aussi. C'est seulement à cause des états que l'esprit se soulève. "Les offenses et les bénédictions sont comme des illusions qui se soulèvent et se disparaissent". Les offenses et les bénédictions sont toutes les deux illusoires. Elles

sont comme les bulles d'écume, la foudre qui éclaire et étincelle qui viennent de la pierre taillée. Quoi qu'ils sont venus à l'existence et ils se disparaîtront aussi. Il s'agit donc le verset enseigné par le Bouddha Vishvabhu.

Les étudiants du Bouddhisme devraient étudier bien les versets des sept Bouddhas. Ne les oubliez pas. Chaque verset nous dit de ne pas nous attacher au corps et à l'esprit. Une fois nous nous attachons à eux, il y ait une obstruction. Pourquoi ceci se soulève-t-il ? C'est parce que nous prenons ce qui est faux pour être vrai ; nous prenons les voleurs pour notre fils et notre père. Alors, les anciens disaient, "Quand une pensée de haine s'élève, quatre vingt milles portes d'obstruction sont ouverts". Voyez comme c'est accablant ! Si vous nourrissez une pensée de haine, quatre vingt milles portes d'obstruction viendront vous obstruer. Si vous ne nourrissez pas la haine, les quatre vingt milles portes obstructives disparaissent. Tout le monde devrait faire attention à ceci.

Cependant, tout est fait du seul esprit. Nous devons comprendre ce point. Les états qui s'élèvent, sont des tests ; ils sont tous d'un processus que nous devons traverser dans la pratique. Si un état se produit et nous échouons le test, alors nous n'avons pas assez travaillé pendant les jours ordinaires. Alors, au moment critique, nous sommes pris dans un bouleversement, ne sachant pas quoi faire. Les pratiquants devraient faire attention à ceci et reconnaissent ces états.

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

Texte :

LES GENS NE RECONNAISSENT PAS
LA MANI-PERLE.
ILS PEUVENT LA RECEVOIR EN
PERSONNE DANS
LE TRESOR DU CELUI-venu-AINSI.
LES SIX SORTES DE FONCTIONNEMENTS
SPIRITUELS
SONT VIDES, CEPENDANT PAS VIDE.
CETTE PERLE DE LA PARFAITE CLARTE
A DE LA FORME, CEPENDANT N'A PAS
DE FORME.

Commentaire : "Les Gens Ne Reconnassent Pas La Mani Perle": Cette précieuse Mani Perle qui accorde le vœu est spirituelle, miraculeuse et difficile à imaginer. Le résultat est que les gens ne la reconnaissent pas.

"Ils Peuvent La Recevoir En Personne Dans Le Trésor Du Celui Venu Ainsi" : Si vous pouvez reconnaître cette perle, vous l'arracheriez de l'intérieur de votre propre trésor de la nature originale sans souillure du Celui Venu Ainsi.

"Les Six Sortes De Fonctionnements Spirituels Sont Vides, Cependant Pas Vide": L'œil céleste, l'œil céleste, la capacité de connaître les pensées des autres, l'habileté de connaître les vies antérieures, l'épuisement des débordements et l'état complet spirituel sont tous des parfaits fonctionnements spirituels de cette perle Mani. Quoi que vide, ils ne sont pourtant pas vide.

"Cette Perle De La Parfaite Clarté A La Forme, Pourtant N'a Pas De Forme" : Le bijou Mani appartient à la forme des Dharmas et pourtant cette perle de la parfaite clarté est en réalité la

forme qui est séparée de la forme ; une apparence qui n'a pas d'apparence. Le Sutra Vajra dit :

*"Celui qui me voit en forme,
Ou me cherche en son,*

Pratique une voie déviante

Et ne peut pas voir Celui Venu Ainsi".

La même chose est vraie de la Perle Mani ; puisqu'elle ne peut pas être cherchée dans le vide, elle peut même moins être vue en forme. Alors, à quoi ressemble-t-elle essentiellement ? Vous allez simplement en personne pour retrouver cette perle précieuse dans le trésor des Ceux Venus Ainsi. Après cela, vous serez capable de la comprendre nettement vous-même.

Texte : PURIFIEZ LES CINQ YEUX.
ATTEIGNEZ LES CINQ POUVOIRS
QUAND VOUS ACCOMPLISSEZ QUE VOUS
COMPRENEZ LA DIFFICULTE A
PENETRER.
LES FORMES DANS UN MIROIR NE SONT
PAS
DIFFICILES A VOIR,
MAIS LA LUNE DANS L'EAU
COMMENT PEUT-ON L'ARRACHER ?

Commentaire : "Purifiez Les Cinq Yeux ; Atteignez Les Cinq Pouvoirs" : Ayant obtenu les six genres fonctionnements spirituels, ensuite purifiez les cinq yeux : l'œil du Bouddha, l'œil du Dharma, l'œil sagesse, l'œil céleste et l'œil en chaire ; et ensuite pour les aider faire naître les cinq pouvoirs : La foi, la vigueur, la concentration, l'attentif et la sagesse.

"Quand Vous Les Réalisez, Vous Comprenez Que C'est Difficile A Pénétrer" : Pour être capable de comprendre ces états, on a seulement besoin de les accomplir soi-même. Ils ne peuvent pas être pénétrés en réfléchissant ou en faisant des distinctions.

"Les Formes Dans Un Miroir Ne Sont Pas Difficile A Voir" : Tout le monde peut voir les formes qui sont réfléchées dans un miroir ; il n'y a rien de difficile en cela. Le sens ici est que quand on voit un sage, on doit ambitionner d'être comme lui ; et quand on voit quelqu'un qui n'est

pas un sage, on devrait réfléchir la lumière en dedans et examiner soi-même.

"Mais La Lune Dans L'eau -- Comment Peut-On L'arracher ?" : On ne devrait pas être comme un sot qui prend la lune dans l'eau pour la vraie lune. Même s'il abandonne sa vie pour la saisir, comment pouvait-il réussir ? Cependant, on dit, "comment peut-on l'arracher ?" C'est une analogie en pratiquant aveuglement et en sentant avec insouciance ; en suivant les portes et les chemins des externalistes, en pratiquant des austérités qui ne sont pas avantageuses et en s'attachant aux caractéristiques ou attaché au vide. Tels sont des gens insensés qui essaient d'arracher la lune de l'eau ; comment pouvait-il possible de l'arracher ?

Texte : EN PRATIQUANT TOUJOURS DANS LA SOLITUDE, EN SE PROMENANT SEUL, CEUX QUI SONT PENETRES, ERRENT ENSEMBLES LA ROUTE DU NIRVANA LEUR TON EST ANCIEN, LEUR EXPRESSION PURE, LEUR APPUI NATURELLEMENT CONDESCENDANT. LEUR APPARENCE EST DECHARNEE LEUR INTEGRITE INEBRANLABLE. LES GENS NE LES CONNAISSENT PAS.

Commentaire : "En Pratiquant Toujours Dans La Solitude, En Se Promenant Seul" : Pour pratiquer la voie, on doit choisir un endroit paisible et tranquille pour pratiquer la concentration et pratiquer régulièrement. Quand on s'accord avec l'illumination à travers le Samadhi Dhyana, on atteint certainement la sagesse qui répond mutuellement.

"Ceux Qui Sont Pénétrés, Errent Ensembles Par La Route Du Nirvana" : Si ceux qui ont la compréhension et donc les voies sont les mêmes, devraient se rencontrer, ils ne doivent pas gêner les uns des autres en errant par la propre voie du pur Nirvana.

"Leur Ton Est Vieux, Leur Expression Pure, Leur Appui Naturellement Condescendant" : Quoi que leur chanson est vieille, leur expression est pure, et ceux qui peuvent harmoniser avec cette chanson ont toujours été rare. Comment leur appui ne peut-il pas être condescendant lui-même ? Ainsi, il est dit,

"Il y a très peu qui sont en bon

Accord avec les meilleures chansons".

"Leur Apparence Est Décharnée, Leur Intégrité Inébranlable, Les Gens Ne Les Connaissent" : L'apparence externe de ces pratiquants de la voie est décharnée et émaciée, mais leur principes et l'intégrité morale sont aussi solide que la Vajra et le diamant.

Les gens communs et ordinaires ne peuvent pas les reconnaître et ils les voient, ils tournent leurs dos contre eux.

Texte : LES DISCIPLES SHAKYAN DISENT QU'ILS SONT PAUVRES, ILS SONT EN EFFET PAUVRES EN CORPS, MAIS PAS PAUVRES EN LA VOIE. EN CE QUI CONCERNE LA PAUVRETE, LEURS CORPS SONT DEJA ENVELOPPES DANS DES GROS HAILLONS. QUANT A LA VOIE, UN TRESOR HORS DE PRIX EST MIS EN RESERVE DANS LEURS ESPRITS. UN TRESOR HORS DE PRIX, SES USAGES INEPUISABLES, POUR BENEFICIER LES ETRES VIVANTS, QUI REPONDENT AUX POTENTIELS TOUJOURS GENEREUSEMENT TROIS CORPS, QUATRES SAGESSES SONT COMPLETS DANS LA MATIERE HUIT LIBERATIONS, SIX POUVOIRS SPIRITUELS SONT DANS LE SCEAU AU FOND DE LA PENSEE.

Commentaire : "Les Disciples Shakyen Disent Qu'ils sont Pauvres" : Les pratiquants de la voie appellent eux-mêmes "des pauvres robes".

" Ils Sont En Effet Pauvres En Corps, Mais Pas Pauvres En La Voie" : En réalité, bien qu'ils semblent être pauvres, ils sont riches en la voie. Pourquoi dit-on ceci ?

" En Ce Qui Concerne La Pauvreté, Leurs Corps Sont Déjà Enveloppes Dans Des Gros Haillons": Ils sont pauvres en cela, car ils portent toujours des haillons en lambeau qui viennent des tas d'ordures, avec des centaines de rapiècements et des milliers de points.

" Quant A La Voie, Un Trésor Hors De Prix Est Mis En Réserve Dans Leurs Esprits" : Mais, en termes de vertu dans la voie, et étant tranquille dans la propre nature, il y a un trésor hors de prix

mis en réserve dans la porte de Dharma du fond de la pensée infini et sans limite.

Qu'est ce que la pauvreté ? La pauvreté est une attitude de la cupidité. Qu'est ce que les riches ? Ils ont une pensée sans cupidité. Qu'est ce que la voie ? C'est la pratique. Qu'est ce que le trésor ? C'est d'être sans égoïsme ou le profit personnel. Je dis donc,

"Pour arrêter l'esprit et rompre la pensée est la vraie richesse et l'honneur ;

Pour mettre une fin totale à la convoitise égoïste est le véritable champ des bénédiction".

"Un Trésor Hors De Prix, Ses Usages Inépuisables" : C'est la richesse de Dharma du mérite et de la vertu. En le prenant il ne diminue pas. En l'utilisant, il n'épuise pas.

" Pour Bénéficier Les Etres Vivants, Qui Répondent Aux Potentiels Toujours Généreusement" : Avec cela, ils libèrent universellement les êtres partout en répondant aux myriades occasions ; ils ne sont jamais mesquins.

" Trois Corps, Quatre Sagesses Sont Complets Dans La Matière" : Les trois corps sont le Corps Dharma, le Corps du Châtiment et le Corps de la Transformation.

Les quatre sagesses sont celles-ci :

1. En tournant les cinq consciences, qui est la Sagesse la l'Accompli ce qui doit être fait.

2. Tournant la sixième ou la profonde conscience, qui est la Sagesse de la Merveilleuse Contemplation et l'Investigation.

3. Tournant la septième ou la conscience Manas qui est la Sagesse de l'Egalité.

4. Tournant la huitième ou la conscience A la ya, qui est la Sagesse du Grand Parfait Miroir.

La matière de cette nature originale est parfaite et pleine et ne manque rien.

"Huit Libérations, Six Pouvoirs Spirituels Sont Dans Le Sceau Au Fond De La Pensée": Les huit libérations sont celles-ci :

1. La contemplation de la forme externe quand il y a des pensées externes de la forme.

2. La contemplation de la forme externe quand il n'y a pas de pensées de la forme externe.

3. L'état complet de l'accomplissement personnellement la libération pure.

4. Le lieu du vide infini.

5. Le lieu de la conscience infinie.

6. Le lieu où rien n'existe.

7. Le lieu où il n'y a ni pensée ni le manque de la pensée.

8. L'état complet de l'accomplissement personnellement le Samadhi de l'extinction et de la pensée.

Les six pouvoirs spirituels sont ceux-ci :

1. L'œil céleste.

2. L'oreille céleste.

3. La connaissance des pensées des autres.

4. La connaissance des vies antérieures.

5. L'obtention des états spirituels.

6. L'épuisement des débordements.

Ceux-ci sont tous complets par héritant dans le sceau Dharma de la profonde pensée.

(à suivre)

LE MONDE DU DHARMA DES AUDITEURS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*"Les disciples Shravaka
A la fois hommes et femmes,
Méditent et pratiquent
Les Quatre Nobles Vérités
Cachant la réalité
Et exposant les apparences".*

Commentaire : Il y a des auditeurs (Shravakas) du premier, du second, du troisième et du quatrième fruit. Ce monde du Dharma est en plus divisé-en :

• Ceux qui approchent le premier fruit : qui n'ont pas encore réalisé le fruit

- Ceux qui ont accompli le premier fruit
- Ceux qui approchent le deuxième fruit
- Ceux qui ont accompli le deuxième fruit
- Ceux qui approchent le troisième fruit
- Ceux qui ont accompli le troisième fruit
- Ceux qui approchent le quatrième fruit
- Ceux qui ont accompli le quatrième fruit

Les auditeurs sont aussi appelés les Arhats. Ils peuvent voler et se transformer car ils possèdent des pouvoirs surnaturels. On ne doit pas prétendre l'avoir obtenu en disant "*je suis un Arhat*". Cela n'est pas autorisé. Quand un sage qui a déjà atteint le fruit marche, ses pieds ne touchent pas la terre. Bien qu'il semble marcher sur la route, il voyage réellement dans l'air. Ses pieds ne touchent ni la terre ni la boue. Même s'il traverse la boue, ses chaussures restent propres. Le Maître du Dharma Du Shun (le premier Patriarche de l'école Hua yan), par exemple, était l'un d'entre eux. Ceci est le signe d'un sage ayant atteint le fruit. On ne peut pas fortuitement prétendre d'avoir obtenu la maturité.

Les auteurs du premier fruit ont éliminé les illusions de la vue. Ceux du deuxième, celles de la pensée. Au niveau du troisième, ils éliminent de nombreuses

illusions telles que la poussière et le sable. L'auditeur du quatrième fruit a partiellement et non complètement supprimé l'ignorance. Seul celui qui a complètement détruit l'ignorance, accomplit la Bouddhité, même si un Bodhisattva au même degré de contemplation a encore une petite partie de l'ignorance de la montée du phénomène

Qui l'empêche de réaliser la Bouddhité. Quels Dharmas les sages du quatrième fruit étudient-ils ? Tout le monde connaît les Dharmas qu'ils pratiquent ; nous en avons entendu parler auparavant. Ce sont la souffrance, la cause de la souffrance, la cessation de la souffrance et la voie qui mène à la cessation de la souffrance.

Au commencement, le Bouddha Sakyamuni se rendit au parc du cerf pour enseigner à ces gens qui allaient être les cinq premiers Bhikshus. Parmi eux, le vénérable Ajnatakaundinya et le vénérable Ashvajit. En fait, ces cinq personnes étaient des parents du Bouddha. Ils avaient suivi le Bouddha pour pratiquer, mais certains d'entre eux ne purent supporter la privation. Quand le Bouddha Sakyamuni pratiquait la méditation dans l'Himalaya, il était devenu aussi maigre qu'un bâton parce qu'il

ne mangeait qu'un grain de sésame et un grain de blé chaque jour. Trois de ces disciples n'ont pas supporté ça et deux seulement restèrent. Plus tard, le huitième jour du douzième mois lunaire, une belle jeune fille céleste offrit du lait au Bouddha Sakyamuni qui l'accepta. A ce moment, les deux disciples restant partirent eux aussi non pas parce qu'ils ne supportaient plus la privation mais parce qu'ils estimèrent que le Bouddha ne connaissait pas la pratique. Ils disaient, "vous êtes censé pratiquer les exercices ascétiques et pourtant vous avez bu du lait. Cela montre que vous n'êtes pas capable de pratiquer et de subir la privation". En conséquence, ils partirent eux aussi. Tous les cinq partirent au parc du Cerf.

Dès qu'il devint Bouddha, il parla d'abord du Sutra Avatamsaka que très peu de gens étaient capable de comprendre. Puis, il cacha la vérité et donna des enseignements convenables, et il parla de Sutras Agama. "A qui dois-je enseigner ?" Se demanda le Bouddha. Puis, il se rappela que de ces cinq compagnons d'étude qui étaient ses disciples. "Je dois d'abord les former parce que par le passé j'ai fait le serment que quand je deviendrai un Bouddha, j'enseignerai d'abord à ceux qui m'ont calomnié, m'ont tué ou m'ont mal traité". Qui est-ce qui avait le plus maltraité le Bouddha ? Si vous avez lu le Sutra Vajra, vous connaîtrez le roi Kali. Dans la causalité, lorsque le Bouddha Sakyamuni pratiquait comme un patient immortel, le roi Kali avait découpé les membres de son corps. Dans la vie antérieure, le Bouddha Sakyamuni était un pratiquant érudit. Son corps était couvert d'une épaisse couche de poussière et de boue et il ne descendait jamais de la montagne. Il demeurait là, et pratiquait des exercices ascétiques. Un jour, le Roi Kali amena ses concubines – ses femmes – à la chasse au cerf. Les femmes l'accompagnèrent dans les montagnes, mais ne trouvèrent aucun intérêt à chasser avec le roi. Elles voulaient s'amuser. En se baladant dans les montagnes, elles rencontrèrent par hasard une créature étrange et n'étaient pas tout à fait sûres de ce que c'était. Ses sourcils étaient trois centimètres de long et ses cheveux étaient deux pieds de long. Son visage semblait n'avoir jamais été lavé car la saleté formait une croûte extrêmement épaisse. La saleté sur ses vêtements était au moins un centimètre d'épaisseur. Lorsque ces femmes le virent, elles ne pouvaient deviner ce que c'était. Elles dirent : "C'est un monstre ! Allons-nous en

d'ici " Alors, le pratiquant leur dit : "Ne partez pas, je ne suis pas un monstre". "Il parle" Elles sursautèrent. Une des plus courageuses lui demanda : "Que faites-vous ici ?" "Je médite", répondit-il. "Que voulez vous dire par méditer ?"

"Je médite pour devenir un Bouddha", il dit. Puis il leur parla de Dharma.

Les femmes devinrent plus sympathiques et exprimèrent leur intérêt. "Vous souffrez beaucoup ici ? , que mangez-vous ?"

"Je mange ce qu'il y a -racines et feuilles. Je ne sors pas pour demander de la nourriture aux gens", répondit-il.

A ce moment les craintes des femmes disparurent. L'une d'elles parvint à toucher ses sourcils, une autre toucha ses mains et encore une troisième caressa son visage. Elles regardèrent le pratiquant comme quelque chose de précieux et tentèrent de se rapprocher de lui.

Pendant ce temps, le roi Kali avait fini de chasser et cherchait ses concubines. Il les trouva toutes rassemblées autour de quelque chose et essaya de voir ce qu'elles faisaient. Il approcha lentement vers elles, en faisant aucun bruit, et lorsqu'il fut assez proche, il les vit parler avec un homme très étrange. De plus, l'une était en train de toucher ses mains et une autre était en train de caresser ses pieds ! Les voyant agir si amicalement, le roi devint immédiatement jaloux. Le pratiquant était en train de parler à ses femmes à propos de la pratique.

En rage, le roi hurla, "Vous ne devez pas raconter des sottises à mes femmes ! Qu'est ce que vous pratiquez ?"

"Je pratique la patience", répondit le pratiquant.

Et qu'est ce que vous voulez dire par "patience ?"

Je ne me mettrai pas en colère contre quelqu'un qui me gronde ou me bat !

Le roi Kali dit, "Il ne peut que vous ayez influencé mes femmes, qu'elles vous croient, mais je ne vous croirai jamais. Vous dites que vous pouvez être patient ? Est ce bien vrai ?"

"Bien sûr", le vieux pratiquant dit.

"Bien, je vais vous faire subir épreuve !" Puis le roi tira son épée et coupa la main du vieux pratiquant. Il dit, je viens juste de vous couper la main. Est-ce que vous me haïssez ?"

"Non", dit le pratiquant.

Vous ne me détestez pas ? Alors vous avez vraiment quelque don. Mais vous devez être un menteur. Vous dites que vous ne me détestez pas, même si vous pensez le contraire. Vous mentez ! Je suis une personne très intelligente. Vous pensez pouvoir me tromper ? Le roi Kali continua, "d'accord, puisque

vous prétendez que vous êtes patient et ne me haïssez pas, je vais couper votre autre main".

Après avoir coupé l'autre main du pratiquant, le roi demanda, "maintenant me détestez-vous ?"

"Non", dit le vieux pratiquant.

Alors, le roi coupa les pieds du pratiquant. Ayant coupé les quatre membres du pratiquant, il demanda, "est-ce que me détestez ?"

"Non", dit le pratiquant, "non seulement je ne vous déteste pas, mais quand j'atteindrai la Bouddhité, je vous sauverai en premier. Comment puis-je vous convaincre que je ne vous hais pas ? Si je vous hais, mes quatre membres ne me seront pas restitués, et si je ne vous déteste pas, mes mains et mes pieds me seront restitués, même si vous les avez complètement séparés de mon corps. S'ils sont restitués, cela prouvera que je ne ressens aucune haine. Si je ressens de la haine, cela n'arrivera pas". Alors le vieux pratiquant retrouva son intégrité.

Ayant témoigné que le roi Kali avait découpé les mains et les pieds du pratiquant de manière si cruelle, les esprits qui protègent le Dharma manifestèrent leur grand pouvoir surnaturel et lancèrent une volée de grêlons au roi. Le roi se rendit compte de sa faute et il vit les grands pouvoirs spirituels du pratiquant, le roi Kali s'agenouille devant le pratiquant pour demander pardon.

Le pratiquant dit, "Si je n'atteins pas la Bouddhité, il n'y a rien à dire. Mais si un jour j'atteins la Bouddhité, je vous sauverai en premier". C'est pourquoi le Bouddha est allé au parc du cerf pour enseigner à Ajatakaundinya, qui avait été le roi Kali dans une vie antérieure. A cause de son vœu passé, le Bouddha a voulu d'abord sauver la personne qui l'avait traité de la pire manière.

Après l'audition de cette histoire, nous devrions tous faire le vœu, que lorsque nous serons des Bouddhas, nous sauverons d'abord ceux qui nous traitaient le plus mal. Nous ne devons pas penser, "Vous avez été si méchant avec moi, que je vais vous envoyer en enfer si je deviens un Bouddha". Ne faites pas ce genre de vœu.

Quand le Bouddha s'est rendu au parc des cerfs, il parla des trois tours de la roue du dharma, des Quatre Nobles Vérités pour les cinq Bhikshus.

Il dit d'abord :

Ceci est la souffrance ; c'est oppressif.

Ceci est la cause de la souffrance ;

Voici la voie, on doit pratiquer.
Ceci est la fin de la souffrance, qu'il en soit ainsi.

La deuxième fois il dit,
Ceci est la souffrance ; je l'ai totalement connue.
Ceci est la cause de la souffrance, je l'ai totalement éliminée.
Ceci est la voie ; je l'ai totalement pratiquée.
Ceci est la cessation de la souffrance ; je l'ai totalement vécue.
Pendant le troisième tournant il dit,
Ceci est la souffrance ; vous devez la connaître.
Ceci est la cause de la souffrance ; vous devez l'éliminer.
Ceci est la voie ; vous devez la suivre.
Ceci est la cessation de la souffrance ; vous devez l'atteindre.
Alors le Bouddha parla les trois tournants des Quatre Nobles Vérités, il dit à Ajnatakaundinya, "vous êtes troublés par l'invité poussiéreux (les souillures transitoires) et n'avez pas obtenu la libération".

Lorsque Ajnatakaundinya entendit les mots "invité poussiéreux", il devint radieux et comprit la nature passagère des objets souillés. "L'invité n'est pas aubergiste, et la poussière est sale. Ma propre nature est l'hôte et elle est propre et pure". Ajnatakaundinya est appelé "celui qui comprend la limite d'origine". Il a compris la vérité fondamentale et est devenu le premier interprète du vide".

Les Quatre Nobles Vérités sont infinies et inépuisables. "Les disciples de Shravaka, à la fois

hommes et femmes" : Hommes et femmes ensembles peuvent accomplir le fruit et devenir des auditeurs ou Arhats. La mère du maître dharma Kumarajiva, par exemple, devint une Arhat de la troisième étape.

"Les Auditeurs contemplent et pratiquent les Quatre Nobles Vérités" : Ils cultivent les Quatre Nobles Vérités : La souffrance, la cause de la souffrance, la cessation de la souffrance et la voie. Ceci implique d'être conscient de la souffrance, d'éliminer la cause de la souffrance, d'avoir pour but la fin de la souffrance et pratiquer la voie. Ils étudiaient la porte du Dharma des Quatre Nobles Vérités.

"Cacher la vérité et exposer l'expédient" : Vous les voyez comme les Auditeurs, mais en réalité ils peuvent être des grands Bodhisattvas de l'enseignement provisoire, tout en se donnant cette apparence. Ceci est appelé "cacher la réalité". Ils cachent leurs vrais mérite et vertu. "exposant l'expédient" : Veut dire qu'ils font preuve d'habileté. Vous ne devez pas considérer tous les Auditeurs comme des pratiquants du petit véhicule et les mépriser. Ils peuvent être des grands Bodhisattvas qui sont revenus au monde. Ils ne le sont pas tous, mais certains d'entre eux sont vraiment des Bodhisattvas du grand véhicule qui apparaissent parmi les autres pour les encourager à quitter le petit véhicule et d'aller vers le grand. Ceci est appelé "cachant la vérité et exposant l'expédient".

QUAND LE COMMENCEMENT N'EST PAS VRAI, LE RESULTAT SERA CROCHU

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Les gens qui pratiquent doivent s'avancer réellement et le faire. Ils doivent appliquer résolument l'effort, alors ils peuvent rapidement atteindre le fruit sans égal du Bouddhisme. Si cela se pratique pendant la période de formation, ils ne font pas les choses sérieusement et les choses sont fausses et erronées, alors le résultat ne sera pas vrai non plus. Il sera crochu, tordu et ils le trouveront très difficile pour finir leur travail dans la pratique.

Le Karma que nous avons chacun créé, ne commence pas et ne finit pas avec cette seule vie. Il se prolonge depuis des vies innombrables. Notre Karma de la tuerie est illimité et sans borne, comme

est notre Karma du vol, de la convoitise, du mensonge et de la consommation des produits toxiques. Notre confusion ressemble à des mouches qui bourdonnent ça et là par hasard sans aucun sens de direction. Nous avons pris de nombreux mauvais tours et avons fait de beaucoup d'erreurs. Pourtant, quand le temps vient pour avoir des récompenses, nous n'admettons pas toujours nos erreurs. Alors on dit,

"Plantez des mauvaises actions et vous récolterez les mauvais fruits".

Par conséquent, nous devrions être très prudents dans tout ce que nous faisons. Chaque bouchée d'alimentation que nous mangeons et ce que nous

buvons est déjà prédéterminé. Si dans cette vie vous trouvez que les gens ne sont pas bons avec vous, c'est parce que dans le passé, vous n'étiez pas bon avec eux. Si quelqu'un vous gronde pour aucune raison, c'est parce que dans le passé vous avez grondé les autres déraisonnablement. Si quelqu'un vous frappe sans aucune cause apparente, de nouveau, c'est parce que dans le passé vous les avez fouettés. Nous devons rembourser toutes nos dettes - avec intérêts. Cependant, même une seule mauvaise cause peut être le résultat d'un châtement désastreux. Les gens ordinaires, cependant, ne comprennent pas les principes des causes passées et des effets futurs, alors ils maudissent le ciel et reproche au monde entier leurs malheurs. Ils disent que Dieu n'est pas juste et que les gens sont injuste.

Je vous démontre souvent que ce monde est totalement immergé dans le combat, les pays se font

la guerre, les familles se battent entre-elles, les gens combattent entre eux et le monde également à l'origines de tous ces combats, vous trouverez la tuerie et la haine. Le Karma de la tuerie remplit l'univers entier et à cause de lui, nous nous faisons du mal et prenons les vies des uns et des autres. De plus, beaucoup de maladies étranges se manifestent et aucun médicament ne peut les guérir. Les fautes de chaque personne sont illimitées, sans bornes et incalculables. Et pourtant chacun pense qu'il est vraiment bon. Nous n'avons même pas assez de lumière dans nos esprits pour avoir honte et pour changer vraiment ; La plupart des gens ne peuvent pas "retourner la lumière et observer l'intérieur", la plupart ne sont pas maître d'eux-mêmes, mais nous reprochons toujours aux autres nos difficultés. Tout le monde devrait y attacher de l'importance.

Quand nous pratiquons, nous ne devons pas être cupides pour le plaisir. Par exemple, si vous mangez trop, votre désir croîtra. Par conséquent, il vaut mieux avoir toujours une petite faim plutôt qu'un grand appétit qui nous incite à toujours manger. De préférence arrêter de manger avant d'être totalement repu. Vous êtes en désarroi lorsque vos désirs augmentent. A l'heure actuelle le soucis de chacun est d'avoir suffisamment de nourriture, mais si vous pratiquez réellement il n'est nécessaire de soutenir votre corps. Seulement quand vous perdez beaucoup d'énergie vous devez vous reconstruire.

Le fait de perdre peut arriver de plusieurs manières. Par exemple, quand vos yeux regardent les formes, vous perdez l'énergie. Quand vos oreilles écoutent les sons agréables, vous perdez l'énergie. Quand votre corps jouit des sensations tactiles, vous perdez l'énergie et quand votre esprit poursuit les dharmas

conditionnés, vous perdez vos énergies vitales. Dans toutes ces manières vous pouvez perdre votre essence ; vous avez des écoulements. Vous ne savez pas assez vous débrouiller dans ces régions subtiles, mais à la place, vous plongez dans l'ignorance.

Les religieux devraient être particulièrement attentifs à ce point. Est-il que vous ne pouvez pas prendre la perte ? Ne pouvez-vous pas laisser tout tomber ? Ne pouvez-vous pas prendre les vigueurs de la pratique ? Vous ne devriez pas jouir des plaisirs et faire des choses pour aider vos sacs à peau malodorante. Soyez conscient que lorsque votre tour de mourir arrivera votre corps ne vous remercie pas autant. Il ne sera pas loyal envers vous. Il est simplement un monceau de chair et d'os : Une combinaison temporaire des quatre éléments. Il n'est pas réel. La nature intrinsèque est réelle. Il nous pénètre brillamment et nous éblouit dans sa clarté. Il est dit de la nature intrinsèque :

A l'origine, il n'y a pas une chose,

Alors, où la poussière peut-elle déposer ?

Travaillez dur à l'intérieur. Ne nagez pas à la surface, pratiquez toujours ce qui est bon pour vous, n'ayez aucun attachement : La non-perception de soi, des autres, des êtres vivants ou d'une vie. Ne soyez pas toujours en train de calculez comment éviter la faim et le froid. Si vous n'y arrivez pas, alors vous ne pouvez pas obtenir la maîtrise de soi. Quand vous entendez ceci, vous ne pouvez pas penser que c'est quelque chose de spécial. Mais si vous pouvez réellement avancer et vivre de cette manière, alors vous jouirez du succès. Utilisez un esprit sérieux pour pratiquer. Vous ne pouvez pas être sans vigueur ou insouciant. Les pratiquants devraient être toujours disposé à perdre, de manquez les affaires. Soyez bonne vis à vis des autres et ne vous faites aucun soucis. Vous ne devez jalouser personne ou être en manque de mérite et vertu ; Si vous avez le petit peu d'égoïsme ou de la recherche du soi, vous n'obtiendrez pas la vraie sagesse. Si vous avez d'abord l'idée d'égoïsme, alors vous finirez simplement pas être égoïste. Lorsque vous pratiquez-vous ne devez pas craindre la souffrance, la difficulté ou la pauvreté.

Je me souviens quand j'ai quitté Manchourie et que je suis allé à l'intérieur des provinces, j'avais juste un peu d'argent sur moi - juste assez pour aller à la Montagne Pu Tou pour recevoir l'Ordination.

Je suis allé à Tyan Jin pour rendre hommage au Maître Dharma Tan Syu et le Maître Dharma Ding Syi, parce qu'ils étaient connus comme des grands aînés vertueux à Manchourie. Tout ce que je voulais faire était de les prosterner. Mais quand ils virent ce jeune novice, ils pensaient que j'étais venu pour mendier. Alors le Maître Ding Syi me demanda ce que je voulais et me conseilla d'aller voir le supérieur. Je ne prêtais aucune attention à lui. Le Maître Dharma Tan Syu me répéta la même chose et lorsque je vais un coup d'œil au supérieur je pouvais dire qu'il était très différent lorsqu'une personne essaya de lui adresser la parole. Ceci me fit vraiment de la peine. Ces grands vertueux devraient prendre garde de ne pas considérer à la légère ceux qui viennent étudier auprès d'eux.

Ensuite, j'ai entendu ce Maître Dharma Ti Jing avec un groupe de dix Bhikshus et novices - tous étaient avec lui - allaient à Hu Bei, alors je me joignis à eux pour voyager. Mais après le Maître Dharma Ti Jing nous annonça qu'il fallait lui donner l'argent que nous possédions car il était le chef de groupe et que personne n'était autorisé à avoir des biens personnels.

Alors, je lui ai donné mon argent pour la Montagne Pu Tou et je voyageais avec eux à Hu Bei. Il faisait très froid - il neigeait et je portais seulement trois sortes d'habits qui n'étaient même pas ouatés. Bien que mes vêtements étaient en lambeaux, mon "état" était extrêmement bon. Je n'avais pas de pensées. Alors jour après jour, un parfum rare passait et tournait autour de moi. Contrairement à l'encens ordinaire (c'était un parfum) on ne trouvait pas ce genre de parfum dans ce monde. J'avais eu une épreuve semblable à Manchourie. C'était plus vraisemblablement une réponse de la pratique ascétique. Les Bouddhas et les Bodhisattvas étaient extrêmement heureux et les jeunes filles célestes offraient des fleurs. En ce temps là cela se produisait de cette façon.

L'année suivante (1947), comme j'étais sur le point d'aller à la Montagne Pu Tou, j'ai demandé au Maître Dharma Ti Jing de me rendre mon argent. Cependant, il me dit, "Pas un centime ! Vous ne pouvez pas y aller ! Ce monastère-ci transmet les préceptes. Recevez l'ordination ici".

Je répondis, "j'ai le serment d'aller à Pu Tou. Si je n'y vais pas, je n'exaucerai pas mon vœu. Si vous ne me donnez pas mon argent, j'irai sans lui".

Alors, c'est ce que je fis. Je pris un bateau ; la nourriture était gratuite, et je dormis sur le bureau. Je suis allé de Ning Bwo à Shen Jya Men, ensuite à Pu Tou pour prendre les préceptes. Pu Tou était très commode, parce qu'on n'avait pas besoin d'argent

pour être ordonné. Et lorsque je descendis de la montagne, je pris un bateau pour Shang Hai ; d'une manière ou d'une autre, ma situation financière se menait à bien sans (vraiment) savoir comment. Je suis allé à la montagne Ling Yan à Su Jou pour étudier les enseignements du Sutra à l'Académie Bouddhiste. J'ai trente camarades de classe; Tous pensaient que j'étais vraiment stupide. Ils me méprisaient parce que je ne parlais pas ! Je n'ai établi aucune relations ni fait d'amis. C'était une situation amère qui dura plusieurs décennies. De là je suis allé à Hong Kong pendant dix ans, puis je suis allé en Amérique. Mais je n'avais aucun projets, ni pour la suite, pas de calculs.

Maintenant qu'il y a Le Sage Cité des Dix Mille Bouddhas, je n'ai toujours pas fait de projets. Je ne pense à rien et fais le mieux que je peux. Je suis vraiment une personne "dont l'esprit passé ne peut être atteint et dont l'esprit présent ne peut être atteint". Alors cette personne confuse est venue en Amérique. Maintenant, il y a le Sage Cité des Dix Mille Bouddhas et chaque jour nous construisons et l'améliorons. Je n'ai pas eu d'enseignement scolastique, je manque de sagesse et de vertus. Je suis simplement une personne claire et stupide, mais je suis assidu et responsable vis à vis de ce que j'entreprends. Que vous me croyez ou non je n'y prête aucune attention ; Petit à petit j'avance et je fais tout en mon pouvoir pour l'intérêt du Bouddhisme. C'est ma philosophie. C'est inutile de quitter la maison, s'il n'y a aucune pratique.

Pratiquez vous-même pour résoudre votre propre naissance et mort.

Si vous mangez vous serez plein.

Quelqu'un qui pratique peut prendre part à ceci. Si vous ne pratiquez pas, je ne serai pas capable de vous sauver, même les Bouddhas ne peuvent vous sauver. De plus, si vous ne pratiquez pas et que non seulement vous parlez les autres, vous tomberez dans les enfers. Alors soyez extrêmement prudent et assidu, si les Bouddhistes ne font pas réellement les choses, alors qui dans ce monde le fera ?

LES TERMES BOUDDHISTES : A Définir

Bouddha : Littéralement "l'Eveillé", "Eveillé sans limite". Il est l'Eveillé car il a dissipé le sommeil de l'ignorance et il est sans limite car il a agrandi son esprit dans l'expérience sans limite

de la vacuité. Le Bouddha est un terme qui désigne 1. Le Bouddha historique, Sakyamuni. 2. Le principe d'Eveil ou encore la nature véritable de l'esprit qui se révèle, une fois dissipés les deux voiles des émotions et de l'ignorance. L'esprit, alors "Eveillé" au maximum de son potentiel de connaître et d'aimer, réalise la vérité ultime de toutes choses et la plénitude de la compassion lui permettant de guider les êtres vers l'Eveil. 3. Les Bouddhas sont des manifestations du principe d'Eveil qui apparaît sous trois aspects ou corps de Bouddha pour instruire et guider les êtres.

Sakyamuni : Le sage des Sakya, quatrième des mille Bouddhas de notre éon fortuné (ainsi qualifié en raison de la manifestation d'un grand nombre de Bouddhas pendant cette période); Le Bouddha historique Sakyamuni naquit prince Siddhartha Gautama, à Kapilavastu, dans le nord de l'Inde (actuel Népal).

Mudra : Sceau, signe ; dans l'iconographie Bouddhiste, chaque Bouddha est caractérisé par un geste symbolique des mains. Ces gestes accompagnent les rituels et les cérémonies ainsi que les méditations ou visualisations pendant lesquelles le méditant s'identifie à la déité.

Perfections : Il existe six perfections, communes aux trois Véhicules : 1. La générosité. 2. L'éthique. 3. La patience. 4. L'effort joyeux. 5. La concentration et 6. La sagesse.

Noble sentier octuple : La voie qui mène à la cessation de la douleur. Cet enseignement de base du Bouddha correspond à la dernière des quatre nobles vérités. Les huit divisions du sentier octuple sont la

compréhension juste, la pensée juste, la parole juste, l'action juste, les moyens d'existence juste, l'effort juste, l'attention juste et la concentration juste.

Quatre nobles incommensurables : Quatre attitudes spirituelles parfaites du Bodhisattva qui a entrepris de guider les êtres vers la délivrance : 1. Bonté illimitée. 2. Compassion illimitée. 3. Joie illimitée. 4. Equanimité illimitée. Ces quatre sont dites illimitées car elles proviennent de la motivation "vaste" du Bodhisattva, dirigée vers les êtres en nombre infini.

Quatre noble vérités : Le premier enseignement du Bouddha après l'Eveil. 1. La réalité de la souffrance dans le cycles des existences. 2. L'origine de la souffrance ou l'ignorance et le désir, la soif de jouissance qui nous enferment dans le cycle des renaissances. 3. La cessation de la souffrance par extinction du désir. 4. La voie de la transformation spirituelle. **Samsara** : Cycle des existences où règne la souffrance créée par l'ignorance et les émotions négatives. Il est constitué des six destinées. La renaissance humaine y est considérée comme "précieuse", car l'expérience de la souffrance fait naître en nous le désir de nous délivrer du cycle des renaissances et de suivre une voie spirituelle afin d'obtenir l'Eveil.

(à suivre)

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

LE DEMON DE LA MALADIE

Quand il était un jeune étudiant de la doctrine du Bouddha, dix sept ans ou dix huit ans, le Maître, une fois, avait une pensée arrogante : "Tout le monde a peur des démons", dit-il, "Mais, le n'ai pas peur. Les démons n'ont pas peur de moi ! Démons céleste, démons terrestre, Dieux, spectres et démons humains, je n'ai pas peur de démons du tout".

Peu après, un démon de maladie vint et effrayait la Maître. Il était si malade qu'il restait dans son lit du matin au soir, incapable de manger ou boire. "Je parlai bêtement", il pensa, "et maintenant un démon de la maladie m'a bien trouvé et il n'y a rien je peux le faire".

Le Maître était si malade qu'il est entré dans le coma et était au bord de la mort. Tout à coup il vit les trois fils filiaux de la famille Wang de la Manchourie. Deux d'entre eux, un Bhikshu

Bouddhiste et un maître Taoïste, avaient quittés la vie de famille et le troisième était un laïc. Ils sont venus pour emmener le Maître jouer au dehors. Des qu'ils sortirent de la porte, les pieds quittèrent la terre et ils montèrent sur les nuages et conduit le vent.

Ils rencontraient beaucoup de gens et voyageaient partout, aux temples, à la montagne Wu Tai, à la montagne Pu Tou et les autres. Ils visitaient aussi les pays étrangères et voyaient les gens qui avaient des cheveux blonds et des yeux bleus. C'était comme un film, scène après scène passait rapidement. Image après image, ils

allaient réellement à ces endroits et entendaient ces choses. Quand ils retournaient, le Maître ouvrit la porte d'entrée et vit lui-même couchant sur le lit dans la maison. "Comment peut-il être ainsi ?" Il pensa, et dès qu'il eu conscience de deux lui, les deux se changeaient en un et il y a ouvert ses yeux et regardait sa mère et son père. "Il est vivant !" Ils pleuraient de joie. "Il ne va pas mourir après tout !"

Le Maître avait été inconscient pendant six ou sept jours ; il n'avait pas mangé, il n'avait pas bu l'eau, n'avait pas parlé ou même n'avait pas ouvert ses yeux pendant tout ce temps. Ayant réveillé, il savait maintenant qu'il était mort et pourtant n'était pas mort. En fait, il était une personne morte vivante, celui qui était rené. Après, il ne parlait plus jamais imprudemment, parce qu'il savait que si on se vante qu'on n'a peur de rien, quelque chose se produira pour lui faire peur.

TOUT EST UN TEST

Après avoir pris refuge auprès le Vénérable Maître Ch'ang Chih, le Maître pratiquait le Samadhi Dhyana. Son habileté augmentait jour après jour jusqu'à ce qu'il n'était plus influencé par événements extérieures, soit vues ou sons. Quand il avait dix huit ans, le 29 ème jour du douzième mois lunaire, il avait le rêve suivant :

Il rêvait qu'il entrait dans une cabane à trois chambre. Dans la petite du sud avait une belle jeune mère avec un enfant. Elle était bien habileté extrêmement attirante; Dans la partie de l'Est, sur les deux troncs en cuire se tenait une lampe à l'huile. La jeune femme s'avancait vers la lampe et murmurait, "il est tard maintenant. Vous ne pouvez pas rentrer". Elle jeta un regard sur lui séduisante et éteignait la lumière, s'approchait le Maître et l'embrassait.

"Qu'est ce que vous faites ? Qu'est ce que vous faites ? Criait le Maître. Il n'y avait pas de réponse et le Maître pensa, "Elle doit être un démon. Comment pouvait-elle être si impudique ?" Alors, il récitait hautement "Hommage au Bodhisattva Kuan Yin grandement compatissante. Sauvez-moi s'il vous plaît !"

Avec l'aide du Bodhisattva, le Maître s'éveilla de son rêve, mais la partie de son corps embrassé par le démon lui faisait mal pendant une semaine.

Le Maître a enseigné ses disciples :

"Tout est un test

Pour voir ce que vous ferez.

Si vous ne connaissez pas ce qui est devant vos yeux,

Vous devez recommencer de nouveau".

TROISIEME PARTIE : DES PRATIQUES RIGOUREUSES A CÔTE DE LA TOMBE

Quand le Maître avait dix neuf ans, sa mère tomba malade et ne pouvait pas bouger. Il s'occupait d'elle lui-même, il changeait la literie et lavait ses vêtements, la nourrissait et la soignait avec une dévotion filiale.

Près de la ville d'Harbin, à Pei Yin Ho, il y avait une créature puissante appelée le renard immortel. Les renards immortels peuvent se changer en plusieurs genres d'êtres. Par exemple, pendant l'invasion Japonaise de la Manchourie, ce renard immortel particulier combattant les Japonais.

L'armée Japonaise avait secrètement construit un chaudron à huile électrique près de leur base et ils embarquaient des gens de dans par train pour être bouilli dedans. C'était une opération extrêmement efficace et il ne restait aucune traces.

Le renard immortel se changea en un vieil homme et entrait dans la région; Les Japonais lâchaient leurs coups de fusils, mais il s'avancait tout droit et faisait sauter l'armurerie. Beaucoup de soldats Japonais se sont tués et les escapés sortent en disant que le lieu était en sorcière.

Il est bien connu aussi que le renard immortel pouvait guérir les maladies. Tout ce qu'on devait faire, était d'aller chez lui, disposé d'un bol avec torchon rouge au dessus et faire une demande. Le Maître allait chercher l'aide du renard pour sa mère. Il disposa d'un bol, s'agenouilla demanda l'aide et attendait. Il s'agenouillait pendant trois jours et trois nuits sans bouger, sans se lever et sans manger ou sans boire de l'eau, mais rien ne se passait. A la fin du troisième jour, il retourna

chez lui et pas longtemps après cela, pendant le troisième jour, la mère du Maître est morte.

Les vents chauds du printemps avaient fondu la neige d'hiver et les routes étaient boueuses et difficiles à voyager.

Comme le cimetière de la famille était à plus que dix mille la maison et les amis se sont inquiétés à propos de comment ils seraient capables de diriger le service et le transport du cercueil. La nuit avant les funérailles, le Maître présentait une demande suivante, "il serait meilleur si le temps était froid et sec, d'une fine couverture de la neige sur la terre pour la traction". La température tombait et au matin, une pouce de neige tombait sur la terre gelée.

Environ quarante personnes accompagnaient les funérailles. Après le service, le ciel éclaircit et la neige commença à fondre lorsqu'ils commencèrent à partir, le Maître s'assit à côté de la tombe, ses frères l'appelèrent, mais il ne répondit pas, "le vieux moine est entré dans le Samadhi", dirent-ils, et partirent sans lui.

Quand les gens s'en allèrent, le problème arriva. Le Maître s'essayait pendant une journée, et la nuit suivante, une bande de chiens loups entourait. Ils étaient extrêmement féroces et étaient connus pour manger les gens. Le Maître pensa à lui-même, "je ne vais pas prêter d'attention à ces chiens. Même les tigres ne pouvaient pas me faire bouger. Je pratique la conduite filiale pour ma mère et si les chiens me mangent ce sera un sacrifice plus honorable et impressionnant".

Les chiens partaient furtivement en bas de la terre, grognant et grondant. D'une distance de trente pieds, ils s'avançaient jusqu'à ce qu'ils étaient moins que dix pieds d'où il s'asseyait. Ensuite, tout à coup, la bande entière tournèrent et s'enfuirent.

Si le Maître commençait à courir, les chiens l'auraient attaqué, mais parce qu'il ne bougeait pas, ils pensaient "qu'il ne va pas nous ennuyer, alors nous ne l'ennuierons pas". Les chiens partaient à la poursuite des autres visiteurs des cimetières, mais ils n'ennuyaient jamais quelqu'un qui vint voir le Maître.

(à suivre)

UN VOYAGE DANS LE CIEL

Ku Shuhchih était un végétarien qui vivait à Ch'angshu, Chiang-Su. Il ne mangeait jamais de produits d'animal ou les cinq plantes impures (l'ail, les poireaux, les oignons, les échalotes et la fêrude persique). Mais un soir, il se couchait et ne se réveillait pas le lendemain. Sa famille était très inquiète. Il continuait à respirer (à gonfler, pour dire la vérité). Alors sa famille savait qu'il était vivant, mais il continuait juste à dormir et dormir ! Tout simplement, il dormait pendant sept jours entiers !

"Que s'est-il passé ?" Demandent-ils quand il s'éveillait.

"Hé ! J'avais eu un superbe moment ! Quand j'allais dormir, j'étais chancelant, mais j'entendais quelqu'un qui m'appelle. Devinez qui c'était ?"

"Un percepteur ?"

"Non, pas du tout, c'était le Maître Dharma Takuang, mon moine préféré. Il dit : "Monsieur Ku, si nous allons écouter de la véritable prédication de Dharma. Bien sûr, j'étais d'accord, alors nous sortions".

"Nous arrivons à un énorme temple. Il était superbe, vous n'avez jamais un comme cela. Je ne peux pas trouver de mots pour le décrire comment il était beau. Quand nous arrivons là bas, il y avait déjà une foule qui écoute un Sutra; Devant la salle, ils prêchaient le Sutra du Diamant. Derrière la salle, ils prêchaient le Sutra de la Gratitude.

"Nous allions écouter au Sutra de la Gratitude. Quand le moine a fini, il nous rappela de ne rien tuer, spécialement ne rien manger. D'une part, cette façon que vous pouvez gagner le mérite

pour votre parents. D'autre part, vous pouvez diminuer votre propre mauvais Karma.

"Il a dit aussi que les végétariens peuvent se concentrer sur les choses spirituelles plus facilement et peuvent s'en tenir aux principes mieux que les gens qui mangent la viande en peuvent.

"Ensuite, le Maître Takuang m'emmena à un autre endroit. C'était horrible ! La première chose que je vis c'était une mare de sang !

"Puis, je voyais une femme couchait dans la mare de sang, en pleurant et en gémissant. Son corps était couvert de vers et d'escargots et je crois qu'ils la mangeaient.

"Qu'est ce qui se passe ici ?" Demandai-je.

Maître Takuang expliquait, "parce que vous êtes végétarien et avez fait beaucoup de bonnes actions, votre mère dans cette vie a été sauvée. Mais, voici votre mère d'une de nos vies antérieures. Elle aimait manger les canards. Voici ce qu'elle a obtenu pour cela, vous pouvez aussi la sauver. Récitez le Mantra de la Grande Miséricorde et le Mantra de la Terre Pure et elle sera alors libérée de cette souffrance.

"Et ensuite, Maître Takuang me ramenait. Je ne pensait pas que j'étais parti si longtemps !"

Ku devait travailler le Mantra de la Grande Miséricorde du Bodhisattva Kuan Yin et le Mantra de la Terre Pure du Bouddha Amitabha.

Si vous aimeriez les apprendre, vous pouvez demander à un moine ou une nonne de vous enseigner. Le Mantra de la Grande Miséricorde est assez, mais le Mantra de la Terre Pure est plus court. S'ils sont tous les deux trop longs pour vous, ou si vous ne pouvez pas trouver quelqu'un pour vous enseigner, vous pouvez simplement réciter le Bodhisattva Kuan Yin ou le Bouddha Amitabha. C'est aussi bien.

Et si vous pouvez être un végétarien pur comme Ku, c'est même mieux !

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

UNE HEUREUSE NAISSANCE

Il y a plusieurs, plusieurs années, dans un petit royaume au Nord de l'Inde, quelque chose se produisait qui changerait le monde entier. La Reine Maya la femme du bon Roi Suddhodana est couchée et avait un merveilleux rêve. Dans son rêve, elle voyait un rayon lumineux blanc qui brille en descendant jusqu'à elle du ciel, et dans les rayons de

cette lumière apparaissait un magnifique éléphant, il était pur blanc et avait six grandes défenses. Cet éléphant de la lumière arrivait en avion de plus en plus proche de la reine et se fondait dans son corps. La Reine Maya s'éveilla, rempli du grand bonheur qu'elle n'avait jamais senti auparavant.

Elle se rendit rapidement chez le roi et ils demandèrent ensemble les sages dans la cour : Que pouvait signifier cet étrange et merveilleux rêve. Les sages répondirent : "Vos majestés, il s'agit un merveilleux rêve ! Il signifie que la reine mettra au monde un fils, et ce prince deviendra un jour un grand homme. Non pas seulement vous, mais le monde entier est heureux que la reine va avoir un enfant extraordinaire pareil".

En entendant ces bonnes nouvelles, le roi et la reine étaient remplis de joie. Le roi était spécialement heureux parce qu'il désirait un fils ardemment qui gouvernerait un jour le royaume à sa place. Et maintenant, il semblait que son désir fut accordé.

A cette époque, c'était la coutume pour une femme de retourner chez ses parents pour donner naissance. Et alors quand le jour de l'arrivée du bébé allait arriver, la reine Maya et beaucoup de ses amies et sa suite quittaient le palais du roi et commençaient le voyage pour aller chez sa maison d'enfance.

Ils n'avaient pas voyagé loin quand la reine demanda de s'arrêter pour reposer. Elle savait que le bébé naîtrait bientôt. Ils étaient arrivés aux jardins de Lumbini et la reine rentra dans ce jardin en cherchant un endroit confortable pour mettre au monde le prince. L'histoire raconte que même les animaux et les plantes, comprenant que, ce jour là, un enfant particulier allait naître, voulaient aider. Un grand arbre ploya une de ses branches et la reine la saisit avec sa main droite. En se soutenant ainsi, elle donna naissance un fils. Les servantes berçaient le bébé dans leurs bras et étaient étonnés que le bébé était beau et il semblait calme.

A ce moment, dans tout le pays, il y avait un sentiment de paix et de bonheur, les gens oublièrent leurs problèmes, cessèrent leurs querelles et éprouvèrent de la grande amitié les uns des autres. Certains voyaient des arcs-en-ciel apparaître tout à coup dans le ciel et beaucoup d'autres belles choses étaient vues.

Les sages de partout le royaume remarquaient ces signes de paix et de joie et disaient les uns des autres avec agitation. "Quelque chose très heureuse venait

juste de se produire. Regardez tous ces merveilleux signes ! Aujourd'hui est la pleine lune du quatrième mois; Il doit être certainement un jour particulier.

La reine Maya, ignorant que sa joie d'avoir un fils fut partagée à ce moment partout le royaume, prit le nouveau-né dans ses bras et retournait au palais du roi.

LA VISITE D'UN HOMME SAINT

Avec grande jouissance, le roi Suddodana accueillait sa reine et son nouveau fils. On organisait des festivals splendides et le royaume entier fut ponté des bannières joliment colorées. Ce fut un temps de bonheur et de paix. Il y avait autant de joie partout que ses parents ont décidé de nommer le Prince "Siddharta", qui signifie "Celui qui a apporté tout le bien".

Maintenant les sages firent de nouvelles prédictions du bébé. "Oh roi", dirent-ils, "Les signes de la naissance du Prince sont les plus favorables. Votre fils grandira pour être même plus grand que vous maintenant !" Ces nouvelles faisaient beaucoup d'honneur au roi. "Si ces sages ont raison", pensa-t-il, "mon fils, le Prince Siddharta; peut-être un jour le souverain non seulement pas de mon petit royaume, mais peut-être du monde entier ! Quel grand bonheur pour moi et ma famille !"

Dans les premiers jours, après sa naissance, beaucoup de gens vinrent au palais pour voir le nouveau bébé; Un de ces visiteurs était un vieil homme nommé Asita. Asita était un ermite qui vivait en solitaire dans les forêts éloignées et il était connu d'être une personne très sage - le roi et la reine étaient surpris qu'Asita quitterait la maison en forêt et apparaîtrait à leur cour, "Nous sommes très honorés que vous êtes venus nous rendre visite, Oh, saint maître", disent-ils avec grand respect. "S'il vous plaît, racontez-nous le but de votre voyage et nous vous servons dans la mesure que nous pouvons". (à suivre)

Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn. Thần Chú này hay hàng phục thiên ma và chế ngự ngoại đạo. Từ đầu đến cuối, mỗi câu đều là pháp môn tâm địa của chư Phật ; mỗi câu có mỗi công dụng ; mỗi chữ có mỗi điểm thâm áo vi diệu ; tất cả đều có thần lực không thể nghĩ bàn. Chỉ cần tụng niệm một câu, một chữ, một hội (một đê) hoặc toàn bài Chú cũng đều khiến cho trời rung đất chuyển, quỷ thần khóc, yêu ma lánh xa, ly mị độn hình. Ánh hào quang trên đỉnh nhục kế của Đức Phật biểu thị cho thần lực của Thần Chú, tức là có khả năng phá trừ tất cả màn đêm tăm tối và khiến cho hành giả thành tựu tất cả công đức lành. Nếu thọ trì Thần Chú này thì tương lai nhất định sẽ thành Phật, chứng đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu thường trì tụng Thần Chú này thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng trong bao đời tiền kiếp. Đó là diệu dụng của Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm.

Tuy giảng nhiều năm, nhưng vẫn không thể giảng hết những điểm hay của Thần Chú này. Tất cả mười phương chư Phật đều xuất sanh từ thần Chú này, nên có thể gọi thần Chú Lăng Nghiêm là mẹ của chư Phật. Mười phương các Đức Như Lai đều nương thần Chú này mà thành tựu đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Các Ngài ứng thân nhiều như số hạt bụi của các cõi nước để chuyển bánh xe pháp, giáo hoá chúng sinh, thọ ký cho chúng sinh trong mười phương, cứu độ chúng sinh thoát khổ, khiến cho tất cả chúng sinh đại, tiểu, quyền thừa đều được giải thoát ; tất cả các Ngài đều nương vào oai lực của tâm Chú Lăng Nghiêm. Nếu muốn chứng đắc quả A La Hán thì phải tụng thần Chú này thì mới tránh khỏi ma sự. Trong thời mạt pháp, nếu có ai học thuộc thần Chú này hay khuyến khích người khác học thuộc thì lửa không thể đốt chết người đó và nước không thể làm họ chết đuối. Dù thuốc độc nặng nhẹ đến đâu cũng không thể hại được họ. Đối với những ai thường trì tụng thần Chú này thì thuốc độc sẽ biến thành cam lồ khi vừa vào miệng. Người tụng trì thần Chú này sẽ không tái sanh vào những chỗ xấu xa ; họ có muốn cũng không được. Tại sao ? Vì thần Chú này giữ họ lại mà không cho đi đến những nơi đó. Nếu chưa bao giờ tích tụ được công đức, khi tụng thần Chú này thì mười phương chư Phật sẽ gia hộ công đức lành cho quý vị, đó là do thường trì tụng thần Chú này vậy. Ngoài ra, nếu thường trì tụng thì quý vị sẽ luôn luôn được sinh vào thời chư Phật ra đời cũng như huân tu dưới sự giáo huấn của các Ngài.

Giả sử tâm niệm thường bị tán loạn không thể chuyên nhất để phát sinh định lực, nhưng nếu tâm nghĩ về thần Chú Lăng Nghiêm, rồi dùng miệng để trì tụng thì Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương sẽ âm thầm hộ trì quý vị cho đến khi tâm tán loạn tiêu dần và phát sinh định lực. Các Ngài sẽ âm thầm hỗ trợ cho quý vị khai mở trí huệ và chuyên tâm nhất ý đến độ thấu rõ hết tất cả sự việc trong 84.000 hằng hà sa số kiếp.

Hoà Thượng Tuyên Hoá